CỤC CÔNG NGHỆ THÔNG TIN
TRUNG TÂM DỮ LIỆU Y TẾ

TÀI LIỆU HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG
PHẦN MỀM THỐNG KÊ Y TẾ

Hà Nội, 11/2020

MỤC LỤC

1. TRUY CẬP VÀ ĐĂNG NHẬP HỆ THỐNG 4
1.1. Bắt đầu với hệ thống 4
1.2. Truy cập vào hệ thống 4
1.3. Đăng nhập và đăng xuất khỏi hệ thống 4
1.4. Điều hướng ứng dụng 5
1.5. Menu trên cùng - truy cập vào các tính năng 6
1.6. Chuyển tiếp ở bên trong các phần ứng dụng 7
2. THAY ĐỔI MẬT KHẨU/ CẬP NHẬT TÀI KHOẢN 8
3. HỒ SƠ NGƯỜI DÙNG - CẬP NHẬT THÔNG TIN NGƯỜI DÙNG 9
4. NHẬP DỮ LIỆU 10
4.1. Mục tiêu kiến thức sẽ học 10
4.2. Nhập dữ liệu 10
4.3. Kiểm tra tính hợp lệ của dữ liệu trong biểu 17
4.4. Nhập liệu ngoại tuyến (Offline) 18
4.5. Import dữ liệu Tình hình bệnh tật và tử vong tại bệnh viện 19
5. PHÊ DUYỆT DỮ LIỆU 33
6. TÓM LƯỢT TỶ LỆ BÁO CÁO 40
7. BÁO CÁO CHUẨN 41
8. SỬ DỤNG BẢNG XOAY (PIVOT TABLE) 46
8.1. Tổng quan Bảng xoay 46
8.2. Tạo bảng xoay 47
8.3. Sắp xếp bảng hiển thị (Table layout) 53
8.4. Sử dụng tùy chọn (Table options) 54
8.5. Báo cáo thường dùng (Favorite) 55
8.6. Tải về dữ liệu bảng báo cáo 56
8.7. Những lưu ý khi phân tích dữ liệu bằng bảng xoay 56
9. PHÂN TÍCH TRỰC QUAN-ĐỒ THỊ VÀ BIỂU ĐỒ (Data Visualizer) 57
9.1. Tổng quan biểu đồ 57
9.2. Tạo biểu đồ 58
9.3. Chọn cách hiển thị biểu đồ 59
9.4. Các tùy chọn biểu đồ 60

9.5. Tải về biểu đồ theo hình ảnh hoặc định dạng PDF 62
9.6. Lưu biểu đồ thành mục đánh dấu 62
9.7. Chia sẻ bản dịch (Share Interpretation) – Lời diễn giải 62
10. BẢN ĐỒ SỐ HÓA (GIS và Maps) 63
10.1. Lớp biểu tượng (Lớp các cơ sở y tế) 65
10.2. Lớp ranh giới 66
10.3. Tạo lớp chuyên đề 67
11. BẢNG ĐIỀU KHIỂN (Dashboard) 68
11.1. Chia sẻ bản dịch 70
11.2. Đọc thông điệp (tin nhắn) và Viết phản hồi 70
12. TÀI NGUYÊN 72

1. TRUY CẬP VÀ ĐĂNG NHẬP HỆ THỐNG

1.1. Bắt đầu với hệ thống

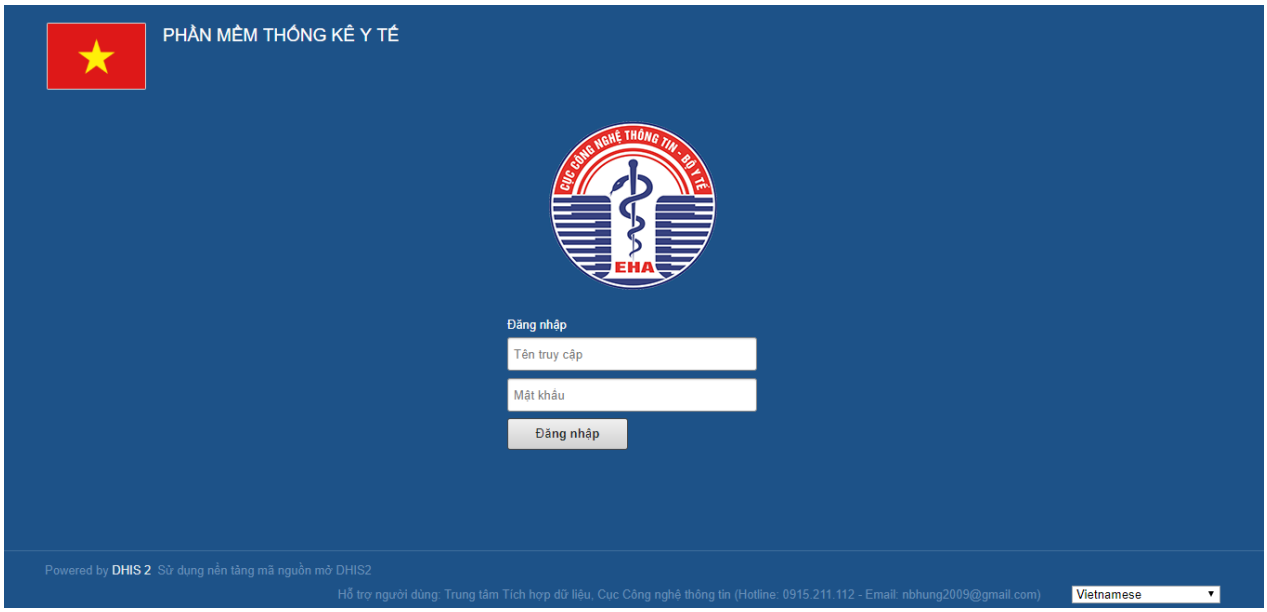
Sau khi đọc tập tài liệu này, bạn có khả năng:

- Truy cập vào hệ thống;
- Đăng nhập hoặc đăng xuất khỏi hệ thống;
- Truy cập những tính năng của hệ thống;

1.2. Truy cập vào hệ thống

Phần mềm Thống kê y tế là một ứng dụng web và truy cập thông qua trình duyệt web. Trình duyệt sử dụng tốt nhất là Google Chrome (bạn có thể tải tệp cài đặt tại: http://www.google.com/chrome).

Đường dẫn phần mềm bản chính thức: http://baocao.tkyt.vn.



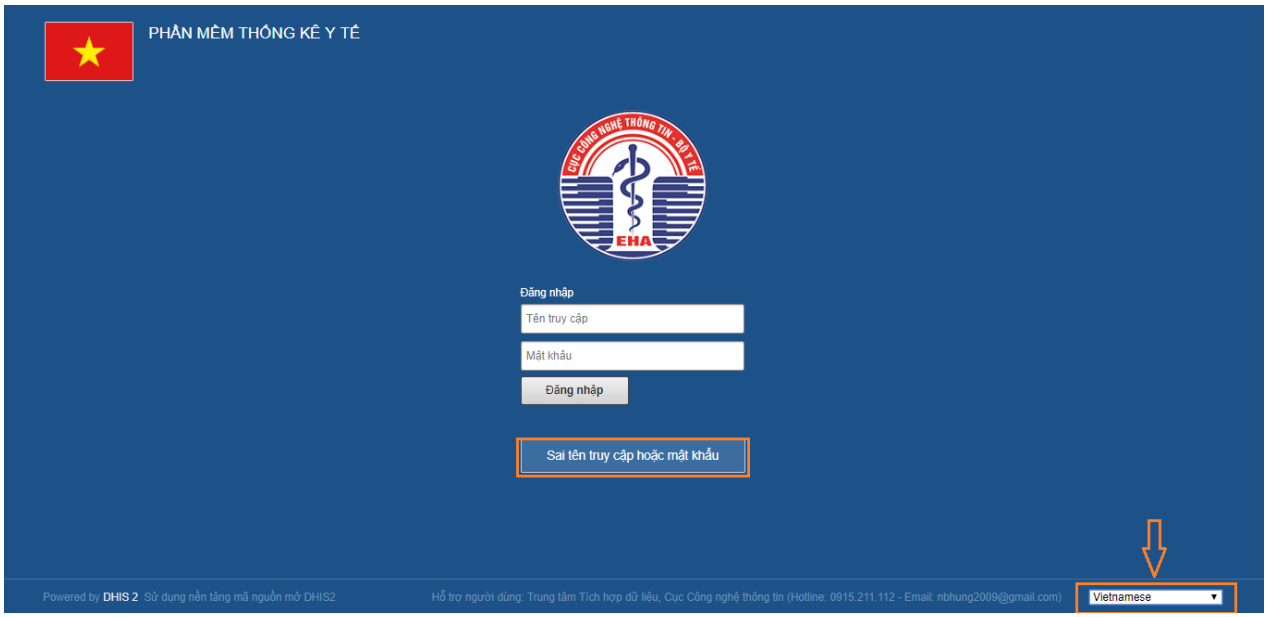
(Màn hình minh họa)

1.3. Đăng nhập và đăng xuất khỏi hệ thống

Khi bạn thấy màn hình đăng nhập của hệ thống, bạn hãy nhập **tên đăng nhập (username)** và **mật khẩu (password)** để đăng nhập vào ứng dụng.

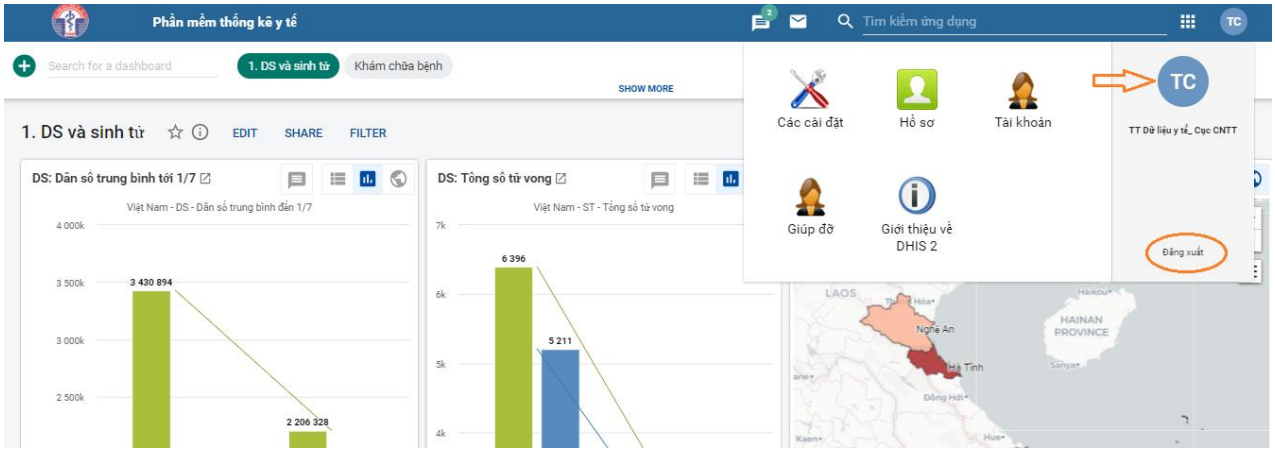
Nếu đăng nhập thất bại, bạn sẽ thấy thông báo từ hệ thống **Sai tên truy cập hoặc mật khẩu**. Bạn hãy thử lại.

Bạn có thể chọn ngôn ngữ hiển thị phù hợp cho toàn hệ thống. Bạn hãy tích vào chức năng **[Change language]** ở góc phải phía dưới màn hình đăng nhập và chọn ngôn ngữ cho toàn bộ hệ thống.



(Màn hình minh họa)

Sau khi hoàn thành tác vụ với hệ thống, bạn nên đăng xuất khỏi hệ thống trước khi tắt cửa sổ trình duyệt. Tại góc trên cùng bên phải, đưa chuột vào biểu tượng hình tròn, chọn **Đăng xuất**. Sau khi đăng xuất bạn sẽ trở lại màn hình đăng nhập.



(Màn hình minh họa)

1.4. Điều hướng ứng dụng

Hệ thống có 2 menu bao gồm:

- Menu trên cùng: hướng đến tất cả các phần mà bạn có quyền truy cập.
- Menu bên trái: gồm những tính năng thường sử dụng, được dùng để điều hướng qua lại giữa các thành phần.

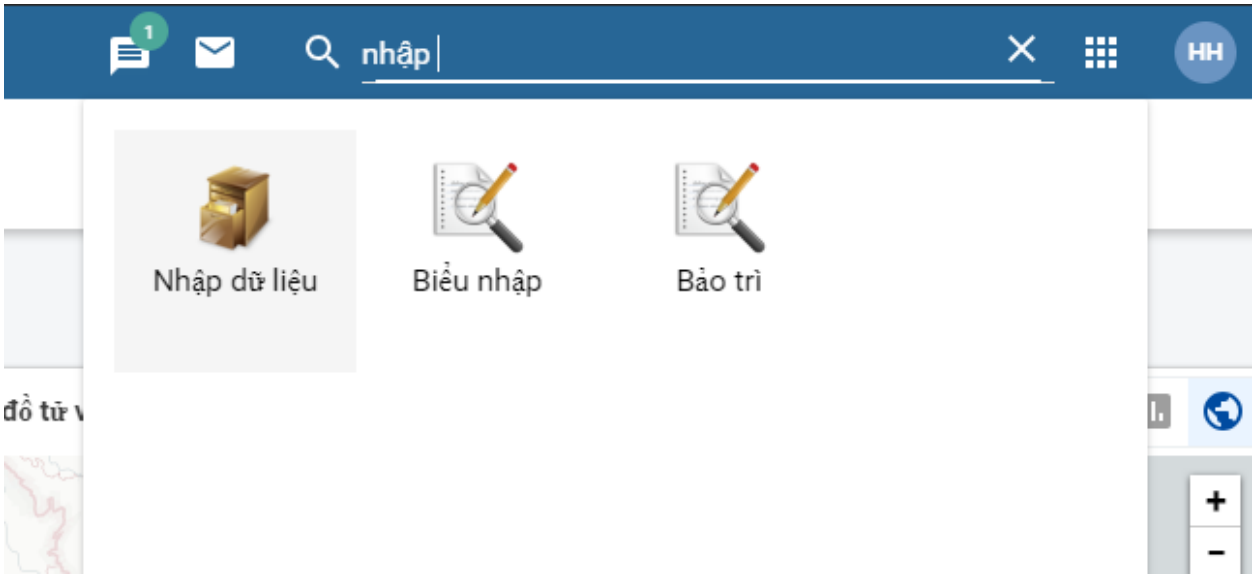
Bạn thấy biểu tượng  ở góc trên cùng bên trái màn hình, là đường dẫn nhanh về trang chủ của hệ thống. Thông thường nó được mặc định dẫn đến **Bảng tin.**

1.5. Menu trên cùng - truy cập vào các tính năng

Hệ thống bao gồm nhiều ứng dụng, mỗi ứng dụng có những tính năng cụ thể, như là **Nhập dữ liệu** (Data Entry), **Báo cáo tổng hợp** và **Bảng tin.** Bạn có thể truy cập vào những ứng dụng này bằng cách bấm chuột trái vào biểu tượng .

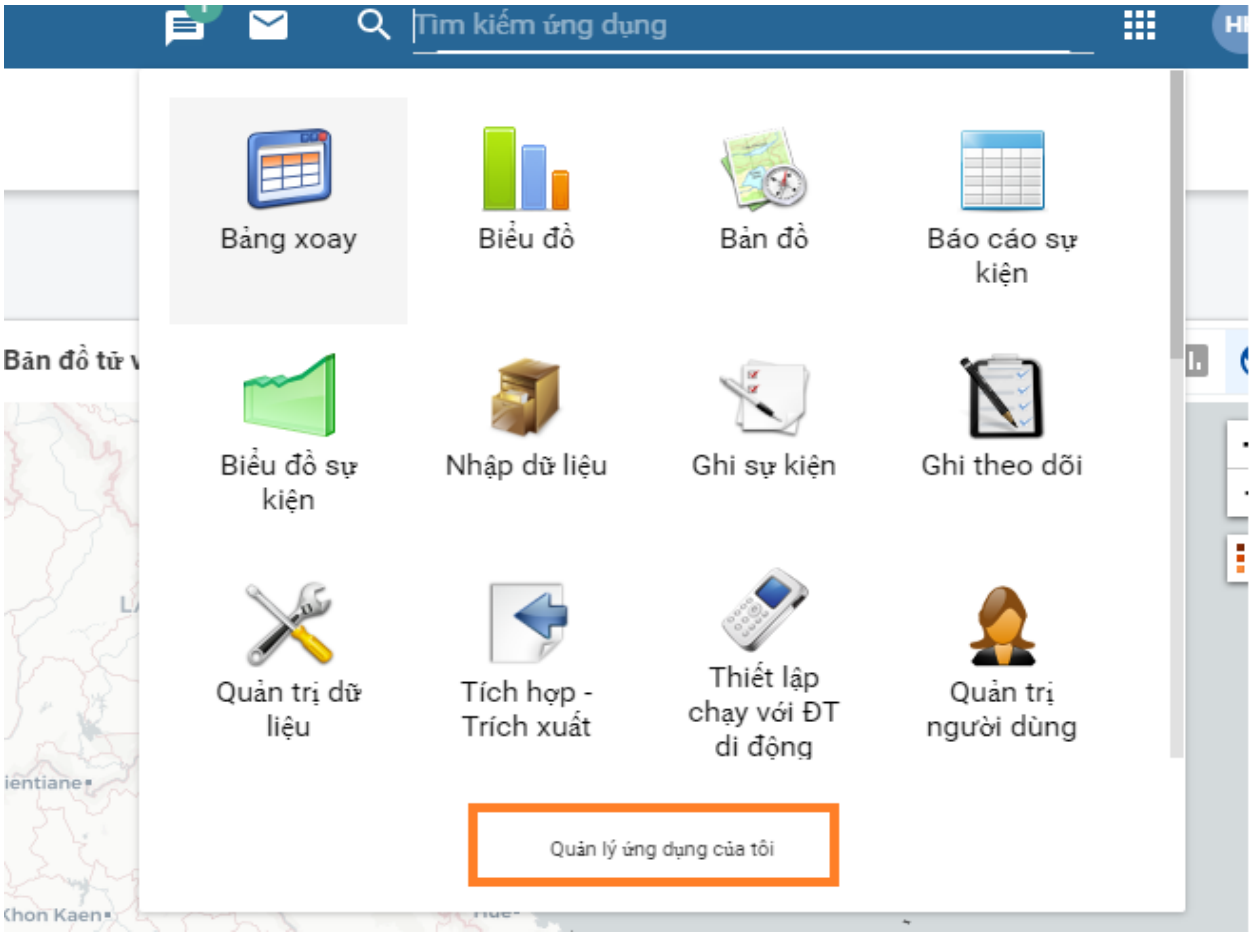


Khi bạn bấm chuột trái vào biểu tượng , một danh sách gồm các biểu tượng ứng dụng sẽ hiện ra. Bạn cũng có thể tìm kiếm nhanh ứng dụng bằng cách nhập tên ứng dụng vào ô tìm kiếm.



(Màn hình minh họa)

Bạn có thể tùy chỉnh vị trí của các ứng dụng trong danh sách bằng cách nhấn vào **Quản lý ứng dụng của tôi**. Tại đây, bạn chỉ cần kéo thả ứng dụng đến vị trí mong muốn.

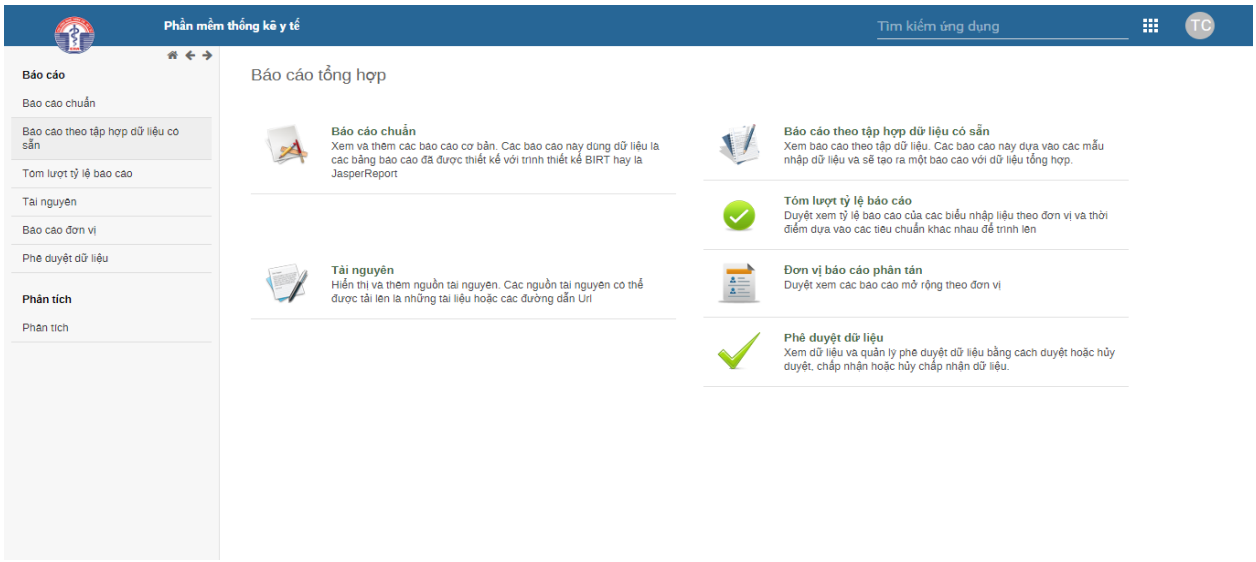


(Màn hình minh họa)

Bên cạnh biểu tượng là biểu tượng hình tròn . Chữ cái trong hình tròn là chữ viết tắt các từ đầu của tài khoản của bạn, bạn có thể truy cập vào phần hướng dẫn sử dụng được tích hợp sẵn trong hệ thống bằng cách bấm vào biểu tượng có chữ **Giúp đỡ** (lưu ý là hướng dẫn sử dụng này viết bằng Tiếng Anh). Ở menu này, bạn cũng có thể cập nhật thông tin cá nhân của mình hoặc xem thông tin về hệ thống.

1.6. Chuyển tiếp ở bên trong các phần ứng dụng

Một số ứng dụng khi mở ra sẽ có một danh sách các chức năng nhỏ khác (VD: Ứng dụng **Báo cáo**). Bạn chỉ cần bấm vào tính năng muốn mở.



(Màn hình minh họa)

Khi đã truy cập vào một ứng dụng, bạn luôn thấy một danh sách menu ở bên trái, những menu này là đường dẫn đến từng tính năng phụ, dùng menu này để di chuyển giữa các tính năng.

Nhập dữ liệu (Data Entry) và **Bảng thông tin (Dashboard)** là 2 thành phần ứng dụng không có tính năng phụ, chỉ tồn tại một tính năng duy nhất, tất cả mọi thứ chỉ ở một trang nên nó sẽ không có thêm danh sách menu phụ bên trái.

Biểu đồ (Data Visualizer), **Bản đồ số hóa (GIS)** và **Bảng xoay (Pivot Table)** là những thành phần không có tính năng phụ bởi vì những tính năng này chỉ có một chức năng là hiển thị thông tin dữ liệu. Phía giao diện bên trái của những tính năng này là các thể lượng dùng để kết hợp khi xuất báo cáo.

2. THAY ĐỔI MẬT KHẨU/ CẬP NHẬT TÀI KHOẢN

Để thay đổi mật khẩu hoặc cập nhật thông tin tài khoản bạn nhấn vào biểu tượng rồi chọn biểu tượng **Tài khoản.**

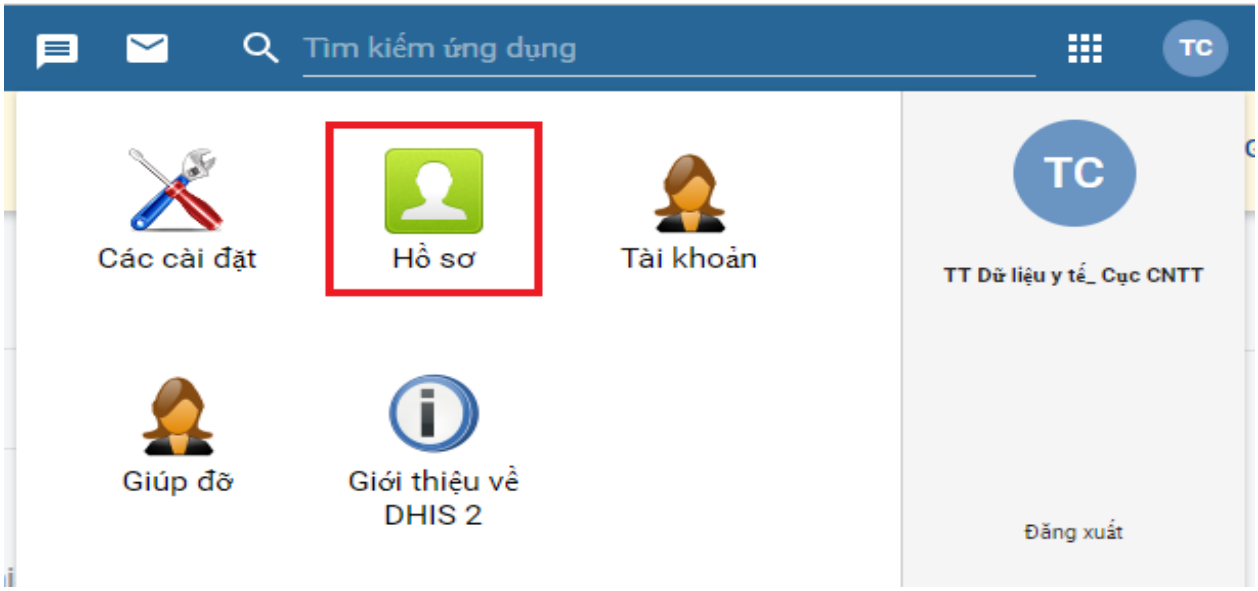
Lưu ý: *Mật khẩu cần phải có ít nhất 8 ký tự và bao gồm ít nhất 1 chữ cái viết hoa, 1 ký tự số và 1 ký tự đặc biệt.*



(Màn hình minh họa)

3. HỒ SƠ NGƯỜI DÙNG - CẬP NHẬT THÔNG TIN NGƯỜI DÙNG

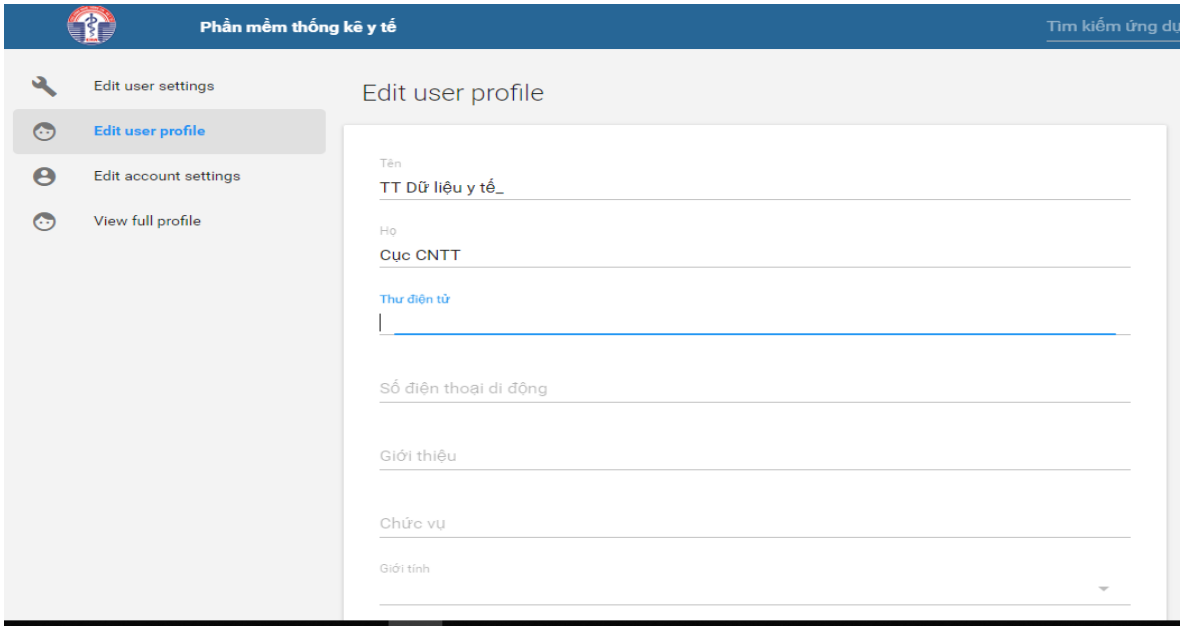
Để cập nhật hồ sơ người dùng, vào **Hồ sơ** chọn biểu tượng **Hồ sơ**.



(Màn hình minh họa)

Thông tin chi tiết về người dùng sẽ được hiện ra. Bạn có thể điền thông tin vào (không bắt buộc), một vài thông tin căn bản thêm vào để tiện cho việc liên hệ giữa các người dùng trong hệ thống.

- Thư điện tử: địa chỉ thư điện tử của người dùng (ví dụ: hungnb.cntt@moh.gov.vn)
- Điện thoại liên lạc: số điện thoại liên lạc của người dùng (ví dụ: +84 915 211 112)
- Nghề nghiệp;
- Ngôn ngữ;



(Màn hình minh họa)

4. NHẬP DỮ LIỆU

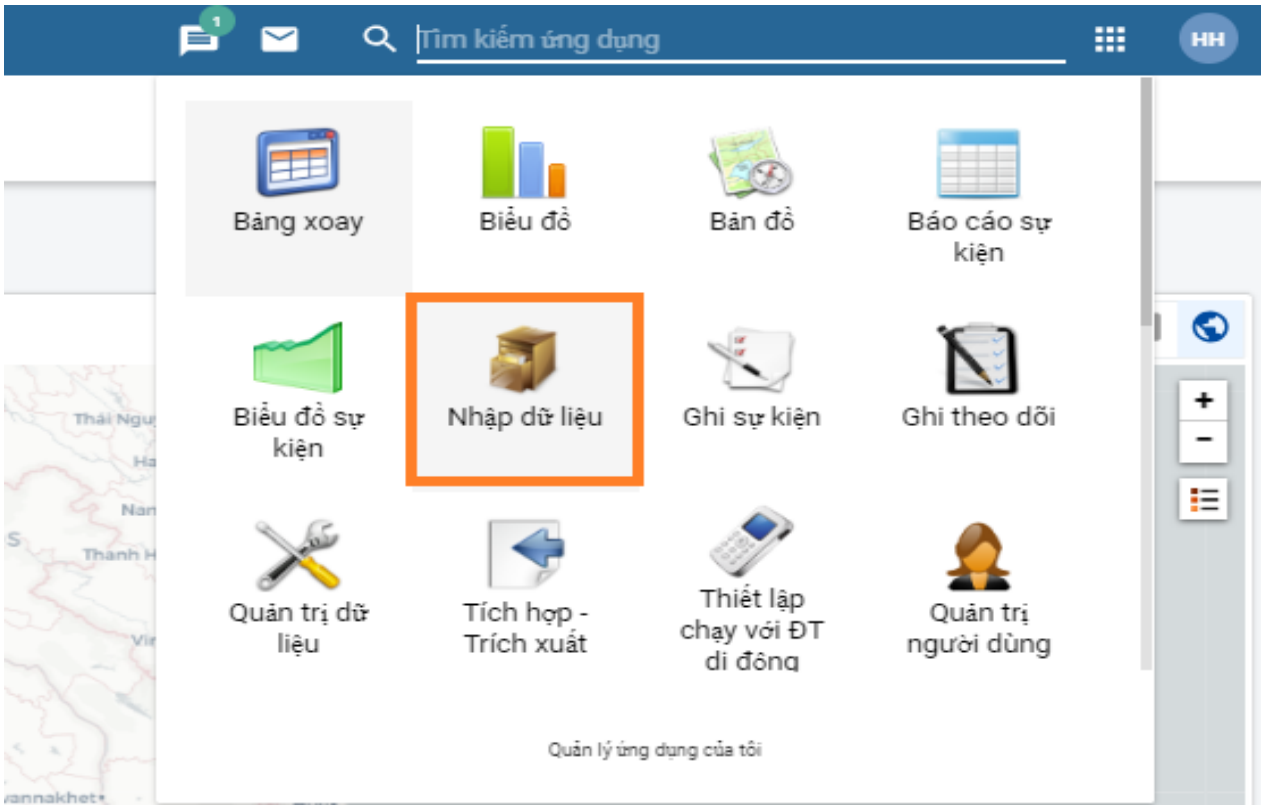
4.1. Mục tiêu kiến thức sẽ học

Sau khóa tập huấn, bạn có khả năng hiểu được:

- Làm thế nào để chọn đúng biểu mẫu dữ liệu cần nhập;
- Làm thế nào để nhập dữ liệu;
- Làm thế nào để kiểm tra tính hợp lệ của dữ liệu;

4.2. Nhập dữ liệu

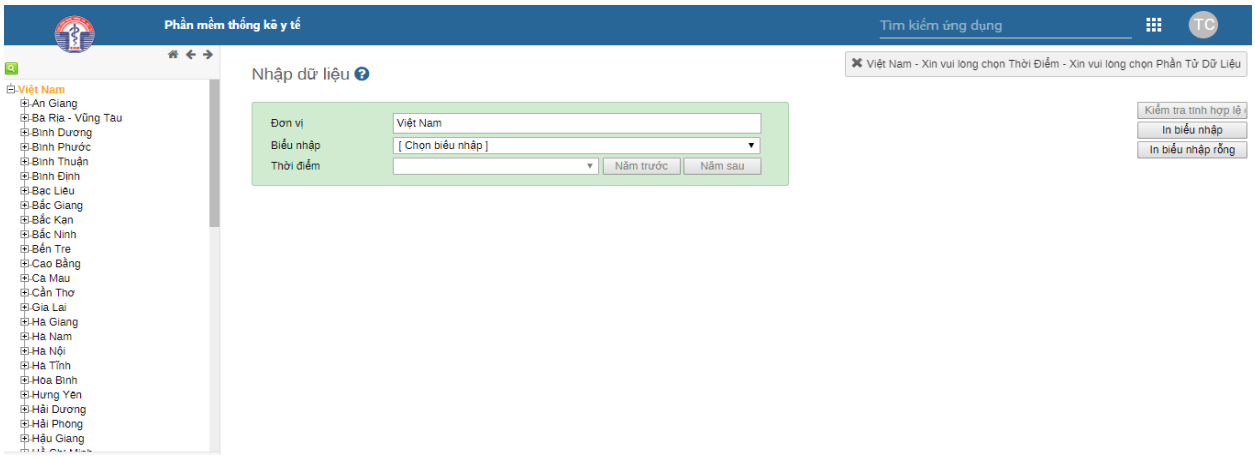
Để mở cửa sổ nhập dữ liệu, bạn bấm vào biểu tượng  ở phía trên bên phải. Trong danh sách các ứng dụng, chọn **Nhập dữ liệu** (Data Entry).



(Màn hình minh họa)

Nhập dữ liệu (Data Entry) là ứng dụng để nhập dữ liệu vào hệ thống. Dữ liệu sẽ được gán cho *một đơn vị* (organization unit), tại *một thời điểm* (a period), và *một phần tử dữ liệu* (data elements). Một **Biểu nhập** (Data Set) thường tương ứng với biểu mẫu giấy dùng để thu thập dữ liệu.

Để nhập dữ liệu, người dùng cần chọn đủ 3 yếu tố: **Đơn vị, Biểu nhập và Thời điểm**.

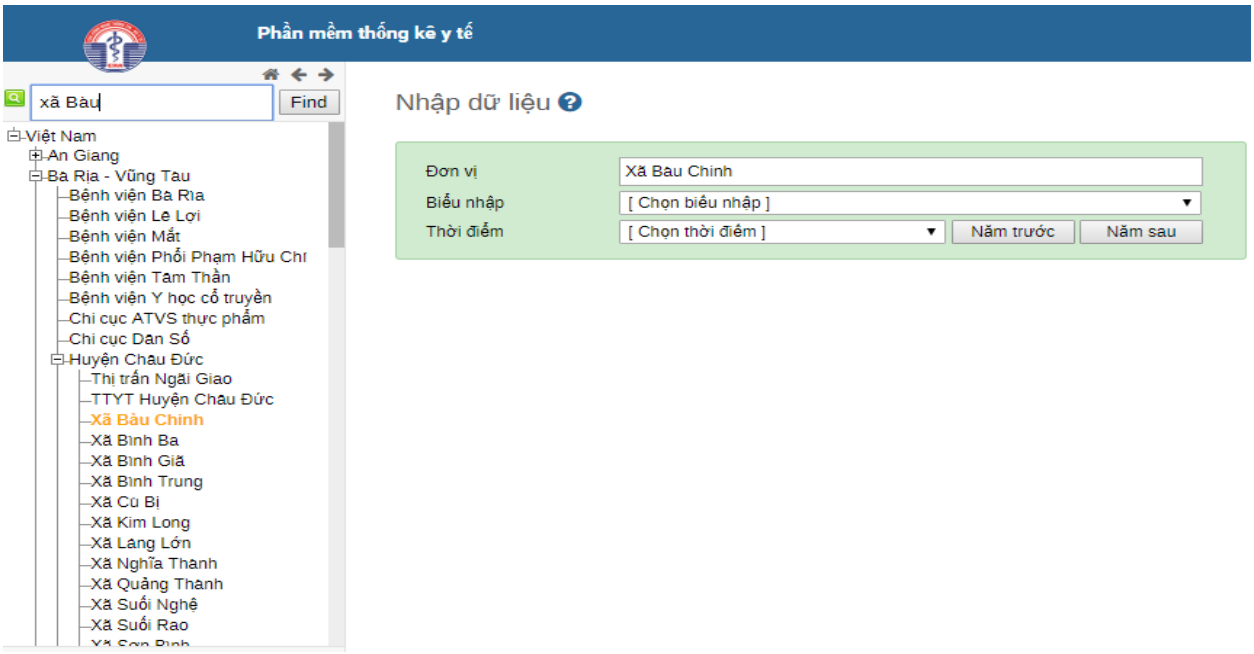


(Màn hình minh họa)

4.2.1. Chọn Đơn vị

Xác định đơn vị (org unit) mà bạn muốn nhập dữ liệu ở cây đơn vị bên trái. Mở rộng hoặc thu nhỏ bằng cách bấm vào biểu tượng dấu +/-.

Để tìm nhanh tên đơn vị, bạn sử dụng hộp tìm kiếm  ở phía trên cây đơn vị, bạn điền chính xác tên đơn vị để hệ thống cho kết quả đúng. Bạn hãy tích chuột trái vào đơn vị muốn chọn. Đơn vị được chọn sẽ được tô màu vàng, và tên của đơn vị đó sẽ hiển thị ở ô Đơn vị ở giữa màn hình.



Lưu ý:

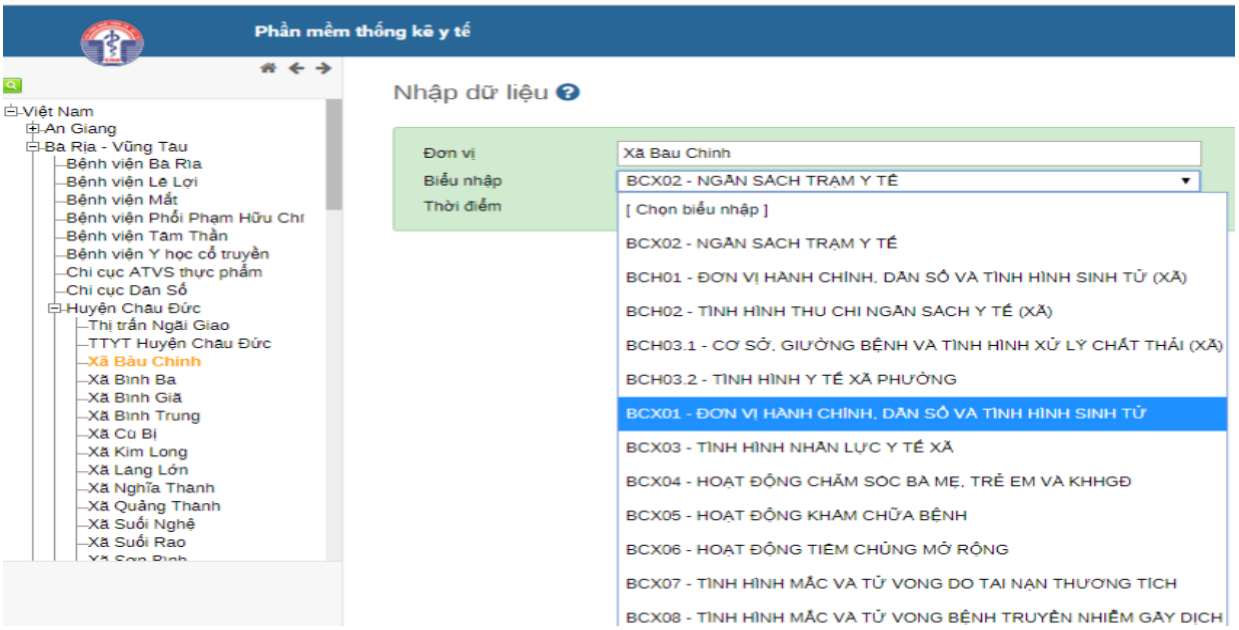
- Đối với các Trạm y tế thì tên đơn vị được chọn mặc định theo tên xã.

- Đối với các TTYT: Để nhập số liệu của Trung tâm thì chọn đơn vị là TTYT huyện.

4.2.2. Chọn Biểu nhập

Bấm chọn vào ô **Biểu nhập**. Hệ thống sẽ hiển thị tất cả các biểu nhập của đơn vị được chọn (Trừ biểu Tình hình bệnh tật và tử vong tại Bệnh viện và biểu

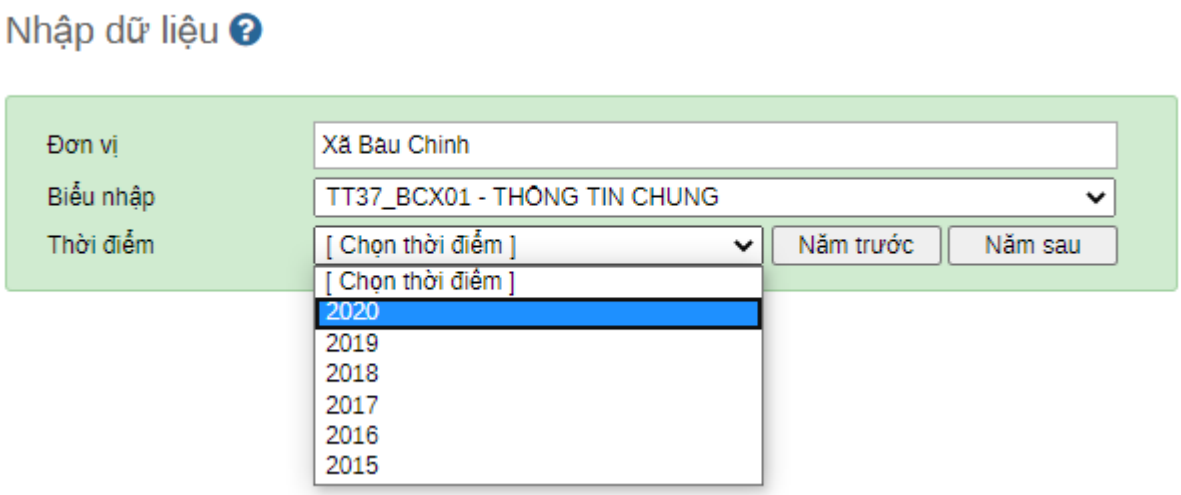
Tình hình tử vong tại cộng đồng. Để nhập dữ liệu Tình hình bệnh tật và tử vong tại bệnh viện xem hướng dẫn tại mục 4.5. Để nhập dữ liệu biểu Tình hình tử vong tại cộng đồng xem hướng dẫn tại mục).



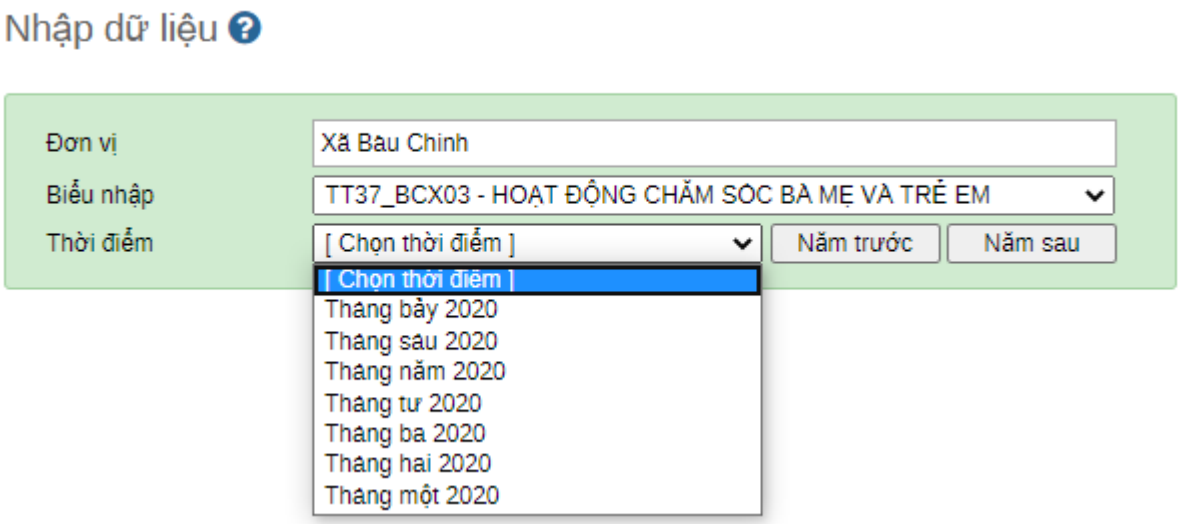
4.2.3. Chọn Thời điểm

Ô **Thời điểm** cho phép chọn thời điểm bạn muốn nhập liệu.

Đối với những biểu kỳ báo cáo được quy định trong Thông tư theo năm: Chọn năm cần báo cáo



Đối với những biểu kỳ báo cáo được quy định trong Thông tư theo Quý: Đơn vị có thể lựa chọn báo cáo theo tháng hoặc quý.



* **Nếu nhập số liệu theo Tháng**: Chọn tháng cần nhập.

- Nếu nhập dữ liệu từng tháng khi xem báo cáo: xem từng tháng hoặc từ tháng tới tháng:
  - Báo cáo tháng nào chọn tháng đó.
  - Báo cáo 3 tháng chọn từ tháng 1 đến tháng 3 (cộng dồn 3 tháng).
  - Báo cáo 6 tháng chọn từ tháng 1 đến tháng 6 (cộng dồn 6 tháng).
  - Báo cáo 9 tháng chọn từ tháng 1 đến tháng 9 (cộng dồn 9 tháng).
  - Báo cáo 12 tháng chọn từ tháng 1 đến tháng 12 (cộng dồn 12 tháng).
- Sử dụng Bảng xoay, Biểu đồ, Bản đồ, Duyệt dữ liệu:
  - Khai thác, phân tích số liệu theo tháng, quý hoặc năm.
  - Duyệt dữ liệu: Duyệt hàng tháng với các biểu nhập theo tháng. Các biểu nhập theo năm duyệt hàng năm.

* **Nếu nhập số liệu theo Quý**: Chọn tháng cuối cùng của Quý

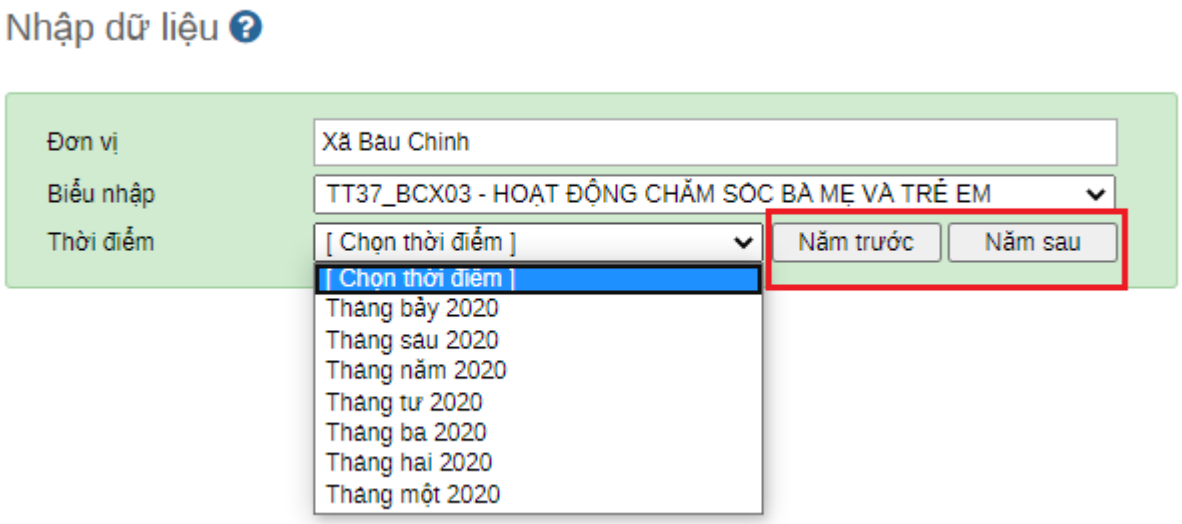
- Quý I chọn tháng 3.
- Quý II chọn tháng 6.
- Quý III chọn tháng 9.
- Quý IV chọn tháng 12.

- Nếu nhập dữ liệu theo từng quý khi xem báo cáo: từ tháng tới tháng
  - Báo cáo 3 tháng chọn từ tháng 1 đến tháng 3 (Quý I).
  - Báo cáo 6 tháng chọn từ tháng 1 đến tháng 6 (Quý I + Qúy II).

- Báo cáo 9 tháng chọn từ tháng 1 đến tháng 9 (Quý I + Quý II + Quý III).
- Báo cáo 12 tháng chọn từ tháng 1 đến tháng 12; (Quý I + Quý II + Quý III + Quý IV).

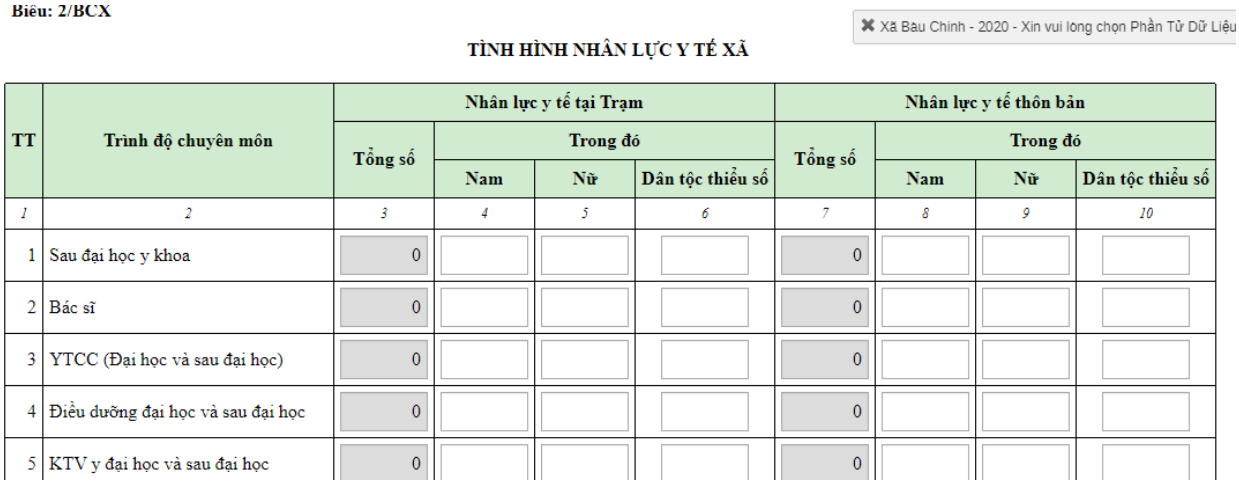
- Sử dụng Bảng xoay, Biểu đồ, Bản đồ, Duyệt dữ liệu:
  - Khai thác, phân tích số liệu theo quý hoặc năm;
  - Duyệt dữ liệu: Chọn tháng 3, 6, 9 hoặc 12 để duyệt dữ liệu tương ứng của quý I, II, III, IV. Các biểu nhập theo năm duyệt hàng năm.

Bạn có thể chuyển đến năm trước hoặc năm sau bởi hai nút điều hướng (Năm trước, Năm sau) bên cạnh ô chọn thời điểm.



4.2.4. Nhập liệu

Bắt đầu nhập liệu bằng cách bấm chuột vào trong ô chữ nhật màu trắng trong màn hình nhập liệu.



Biểu: 2/BCX

Xã Bau Chinh - 2020 - Xin vui lòng chọn Phần Tử Dữ Liệu

TÌNH HÌNH NHÂN LỰC Y TẾ XÃ

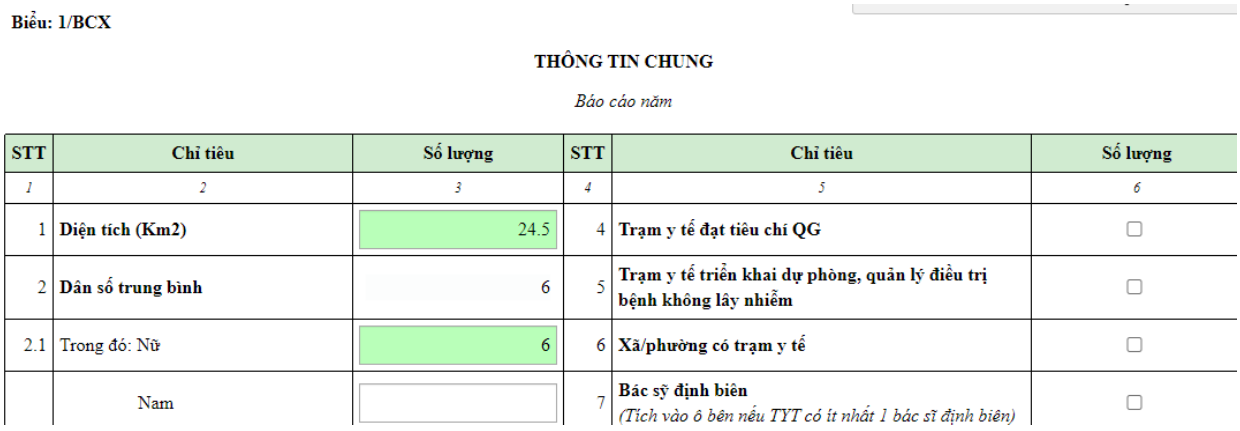
TT	Trình độ chuyên môn	Nhân lực y tế tại Trạm				Nhân lực y tế thôn bản			
		Tổng số	Trong đó			Tổng số	Trong đó		
			Nam	Nữ	Dân tộc thiểu số		Nam	Nữ	Dân tộc thiểu số
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*
1	Sau đại học y khoa	0				0			
2	Bác sĩ	0				0			
3	YTCC (Đại học và sau đại học)	0				0			
4	Điều dưỡng đại học và sau đại học	0				0			
5	KTV y đại học và sau đại học	0				0			

(Màn hình minh họa)

- Di chuyển đến ô kế tiếp bằng cách bấm phím **Tab**.
- Bấm tổ hợp phím **Shift Tab** để trở lại ô trước đó một ô.
- Dùng phím điều hướng **"lên" và "xuống"** trên bàn phím để di chuyển giữa các dòng trên biểu nhập.
- Giá trị dữ diệu nhập vào sẽ được lưu ngay lập tức và không yêu cầu phải bấm lưu sau khi nhập xong.
- Khi nhập dữ liệu, ô nhập chuyển sang màu xanh có nghĩa là dữ liệu đã được lưu lên máy chủ vào hệ thống.
- Nếu ô nhập không đổi màu tức là dữ liệu bạn nhập vào chưa được lưu. Bạn hãy nhập lại.
- Những ô có giá trị bằng 0 thì không phải nhập số 0. Phần mềm sẽ tự động điền giá trị 0 vào các ô trống.

Lưu ý:

- Giá trị tại các ô nhập là số, không phải là chữ và ký tự đặc biệt. Nếu bạn nhập một dữ liệu không hợp lệ (ví dụ nhập một chữ cái vào ô nhập), bạn sẽ thấy một thông báo hiện ra, cửa sổ này sẽ giải thích bạn đã nhập sai phần nào và ô nhập sẽ được tô màu vàng (dữ liệu không được lưu vào hệ thống) cho đến khi bạn nhập đúng dữ liệu yêu cầu.



Biểu: 1/BCX

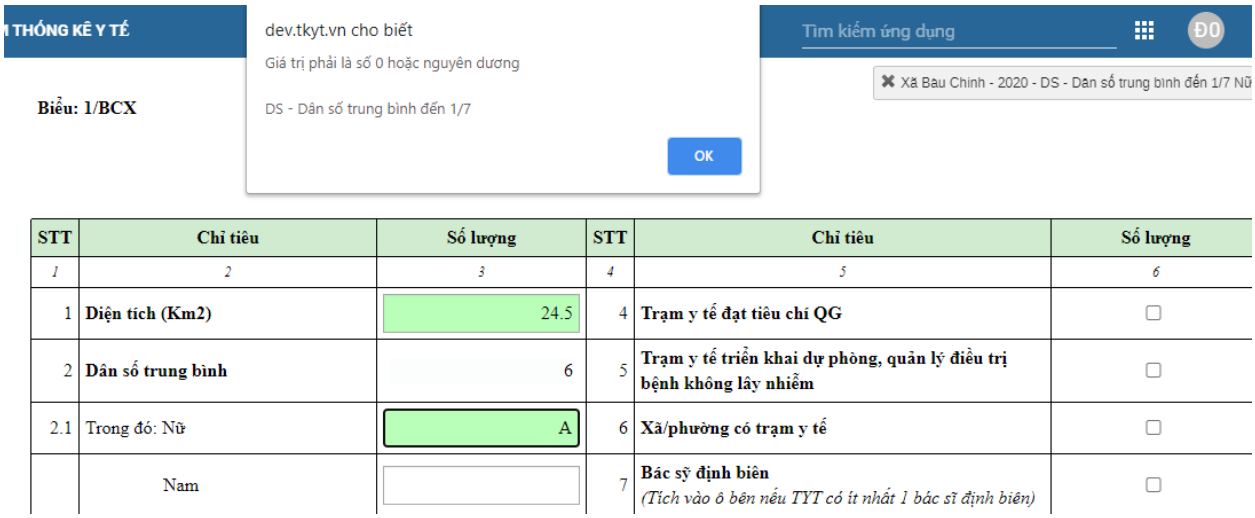
THÔNG TIN CHUNG

Báo cáo năm

STT	Chỉ tiêu	Số lượng	STT	Chỉ tiêu	Số lượng
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*
1	**Diện tích (Km2)**	24.5	4	**Trạm y tế đạt tiêu chí QG**	☐
2	**Dân số trung bình**	6	5	**Trạm y tế triển khai dự phòng, quản lý điều trị bệnh không lây nhiễm**	☐
2.1	Trong đó: Nữ	6	6	**Xã/phường có trạm y tế**	☐
	Nam		7	**Bác sỹ định biên** *(Tích vào ô bên nếu TYT có ít nhất 1 bác sĩ định biên)*	☐

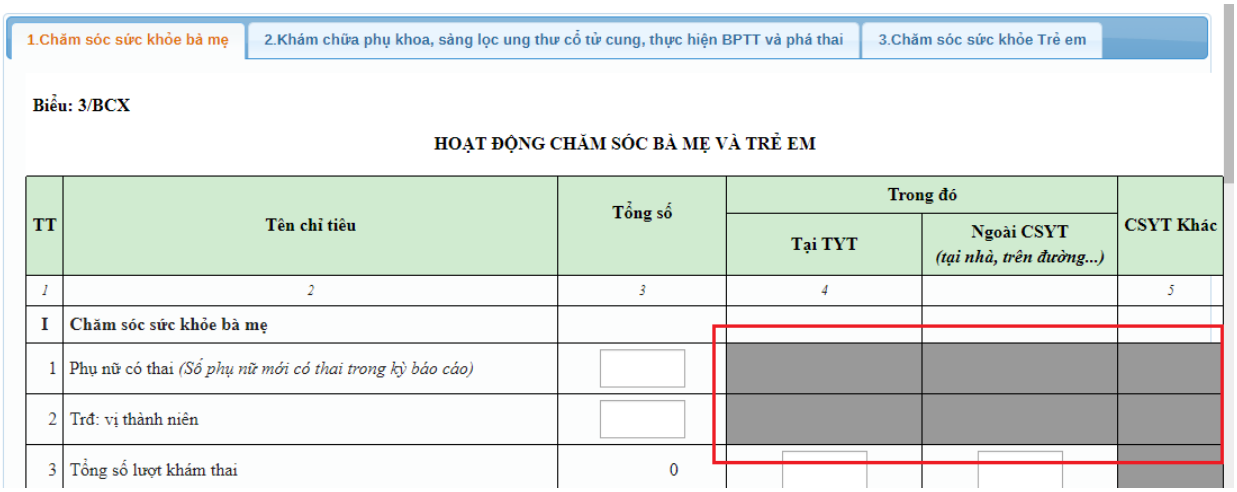
(Màn hình minh họa)

- Ô nhập Diện tích (Km2), nếu diện tích có số **thập phân** thì ta dùng dấu **"."** tại phần thập phân (ví dụ: 24,5 thì ta nhập là 24.5)

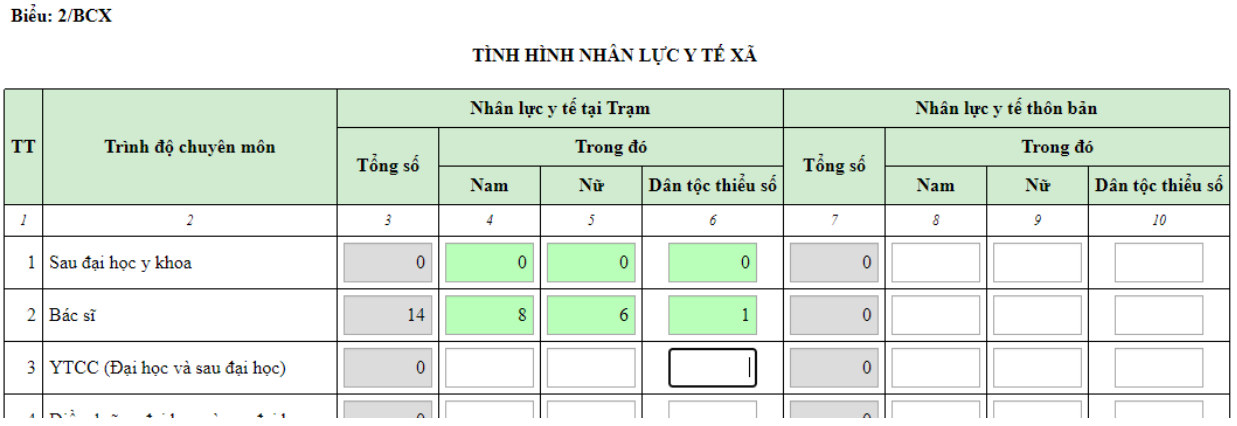


(Màn hình minh họa)

– **Ô nhập vô hiệu hóa**: Nếu một ô nhập đã bị vô hiệu hóa (màu xám) thì có nghĩa là bạn không cần phải nhập dữ liệu vào đó. Con trỏ sẽ tự động nhảy đến ô nhập tiếp theo hoặc được tự động cộng tổng từ các ô nhập có liên quan.



(Màn hình minh họa ô nhập bị vô hiệu hóa)

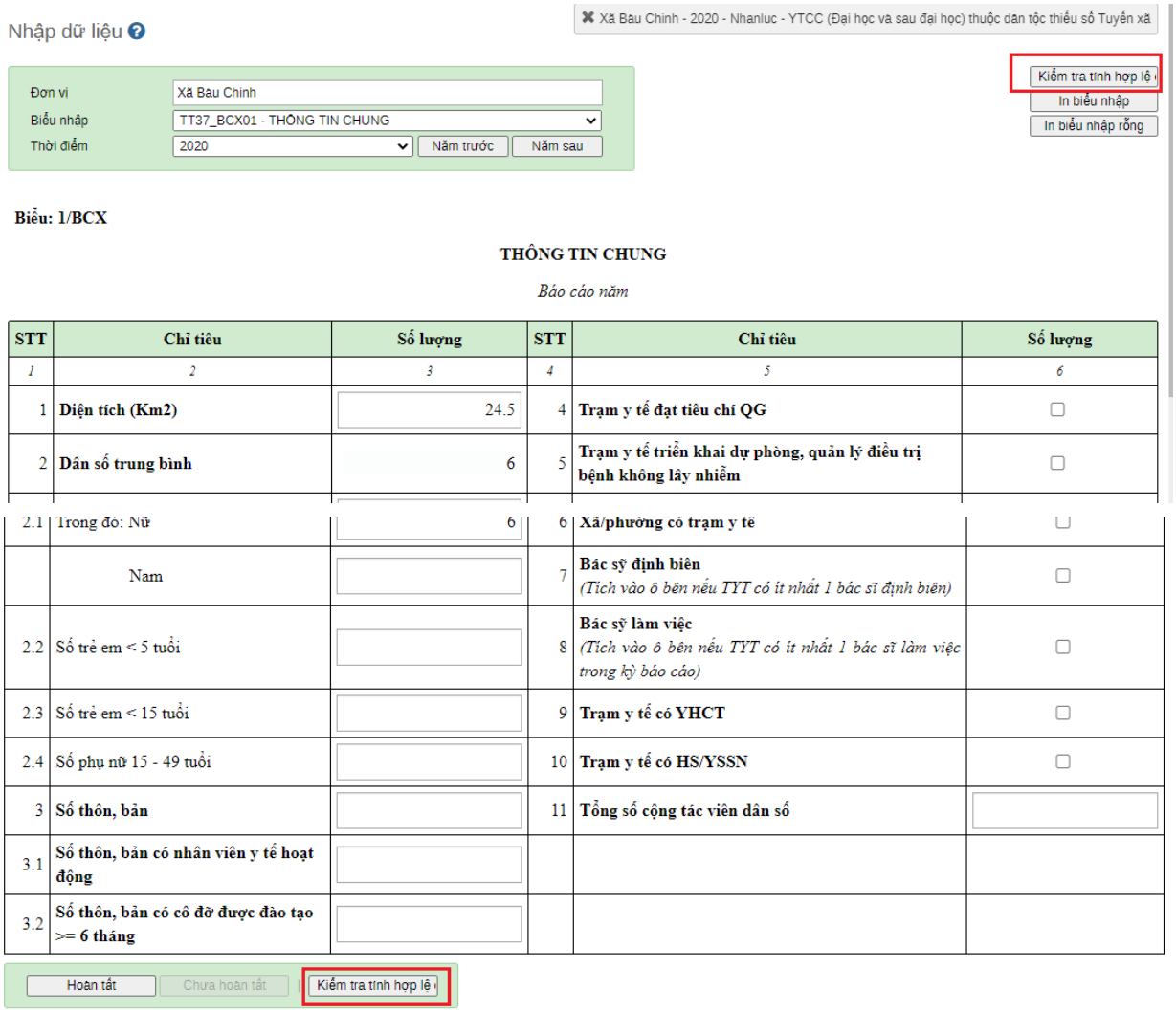


(Màn hình minh họa ô nhập được tự động cộng tổng)

4.3. Kiểm tra tính hợp lệ của dữ liệu trong biểu

Sau khi đã nhập đầy đủ dữ liệu vào biểu nhập, bạn hãy kiểm tra xem dữ liệu nhập vào có đúng và phù hợp không. Nếu bạn không kiểm tra dữ liệu thì hệ thống sẽ cảnh báo các dữ liệu nhập chưa phù hợp.

Bấm vào nút "**Kiểm tra tính hợp lệ của dữ liệu**" ở phía trên bên phải hoặc phía dưới biểu nhập (cuối màn hình).

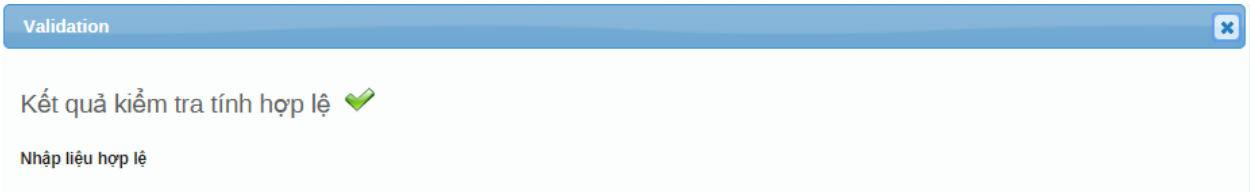


STT	Chỉ tiêu	Số lượng	STT	Chỉ tiêu	Số lượng
1	2	3	4	5	6
1	**Diện tích (Km2)**	24.5	4	**Trạm y tế đạt tiêu chí QG**	☐
2	**Dân số trung bình**	6	5	**Trạm y tế triển khai dự phòng, quản lý điều trị bệnh không lây nhiễm**	☐
2.1	Trong đó: Nữ	6	6	**Xã/phường có trạm y tế**	☐
	Nam		7	**Bác sỹ định biên** *(Tích vào ô bên nếu TYT có ít nhất 1 bác sĩ định biên)*	☐
2.2	Số trẻ em < 5 tuổi		8	**Bác sỹ làm việc** *(Tích vào ô bên nếu TYT có ít nhất 1 bác sĩ làm việc trong kỳ báo cáo)*	☐
2.3	Số trẻ em < 15 tuổi		9	**Trạm y tế có YHCT**	☐
2.4	Số phụ nữ 15 - 49 tuổi		10	**Trạm y tế có HS/YSSN**	☐
3	**Số thôn, bản**		11	**Tổng số cộng tác viên dân số**	
3.1	**Số thôn, bản có nhân viên y tế hoạt động**				
3.2	**Số thôn, bản có cô đỡ được đào tạo >= 6 tháng**				

(Màn hình minh họa)

Hệ thống sẽ kiểm tra tất cả dữ liệu đã nhập vào ở biểu nhập hiện tại. Tùy thuộc vào dữ liệu, hệ thống sẽ hiện ra kết quả thông báo.

Nếu tất cả dữ liệu đều hợp lệ bạn sẽ nhận được thông báo như sau:



Nếu dữ liệu chưa phù hợp, bạn sẽ nhận được thông báo như sau:



(Màn hình minh họa)

Lúc này bạn cần phải kiểm tra lại dữ liệu đã nhập. Nếu dữ liệu sai, bạn hãy sửa lại cho đúng và chạy **Kiểm tra tính hợp lệ** một lần nữa.

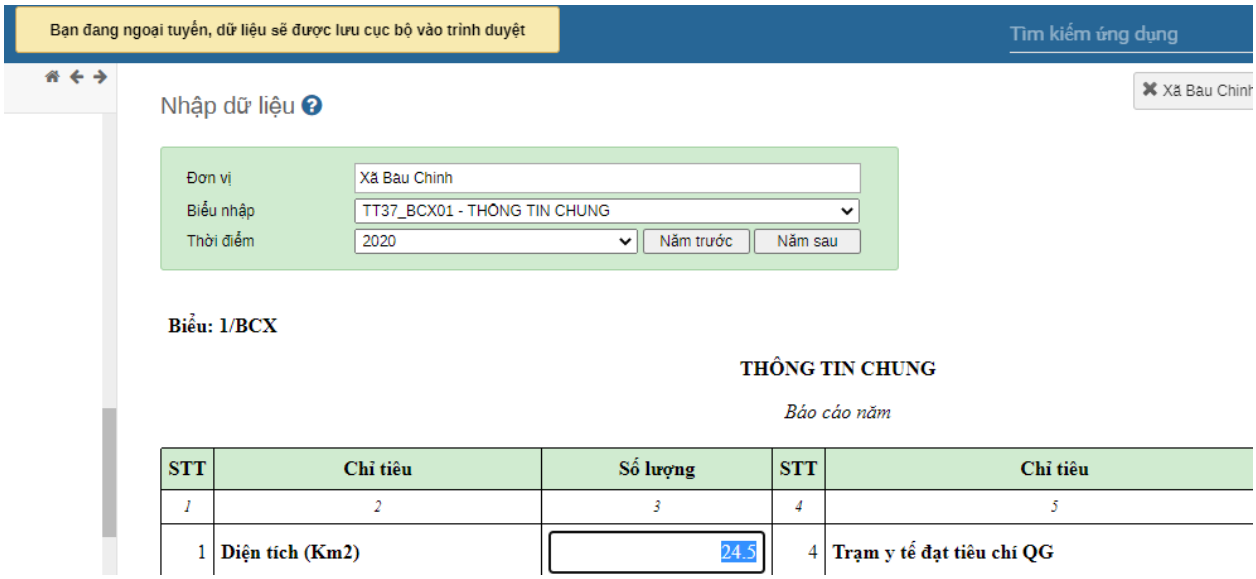
Khi kiểm tra tất cả dữ liệu đã được nhập đầy đủ và chính xác, bạn nên bấm vào nút **"Hoàn tất (Complete)"** ở phía dưới biểu để xác nhận rằng biểu nhập đã hoàn thành. Thông tin biểu nhập đã hoàn thành sẽ được sử dụng trong chức năng **Tóm lược tỷ lệ báo cáo (Xem mục 6. Tóm lược tỷ lệ báo cáo)**.

Sau khi đã **"Hoàn tất (Complete)"** nhưng bạn cần sửa lại dữ liệu thì bạn bấm vào nút **"Chưa hoàn tất (Uncomplete)"** và hoàn tất lại.

4.4. Nhập liệu ngoại tuyến (Offline)

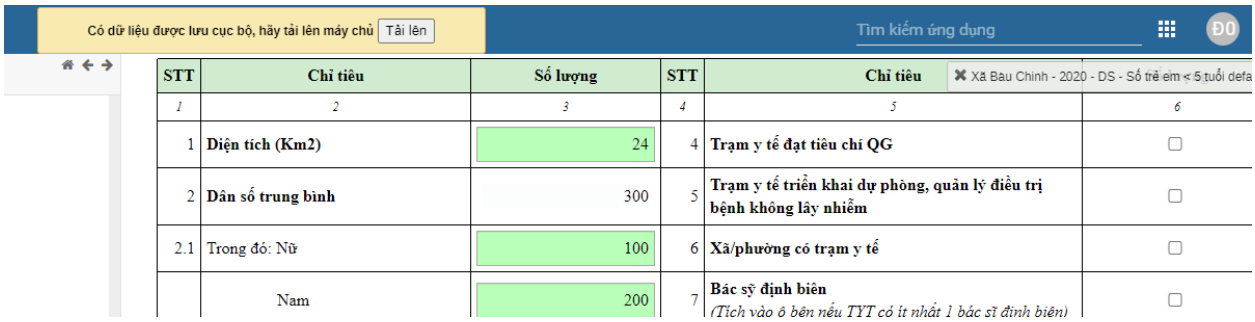
Khi bạn đang mở biểu nhập và tiến hành nhập liệu nhưng lại mất kết nối Internet, việc nhập dữ liệu vẫn được tiến hành bình thường. Khi đó, dữ liệu được nhập vào Biểu nhập, lưu tạm thời vào máy tính của bạn. Khi Internet được kết nối trở lại, dữ liệu sẽ được truyền lên máy chủ. Công nghệ này sẽ rất hữu ích ở những nơi có tình trạng kết nối Internet kém.

Nếu bị mất kết nối Internet vì lý do nào đó trong quá trình nhập liệu, hệ thống sẽ tự phát hiện và khi đó sẽ xuất hiện một thông báo phía trên màn hình như sau: **Bạn đang ngoại tuyến, dữ liệu sẽ được lưu cục bộ vào trình duyệt.**



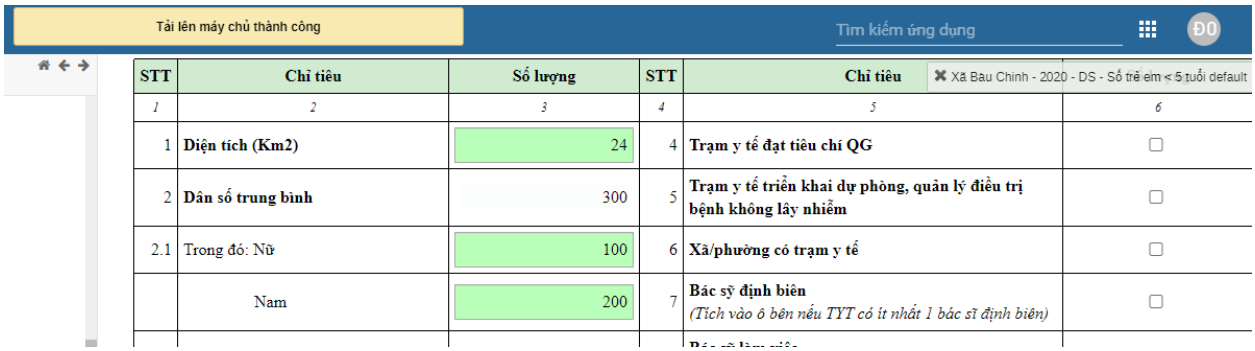
(Màn hình minh họa)

Khi có kết nối Internet trở lại, hệ thống sẽ thông báo cho bạn để tải dữ liệu lên máy chủ. Nhấn nút **Tải lên** để tải dữ liệu.



(Màn hình minh họa)

Khi dữ liệu đã được tải lên máy chủ thành công, bạn sẽ nhận được một thông báo xác nhận: **Tải lên máy chủ thành công.**

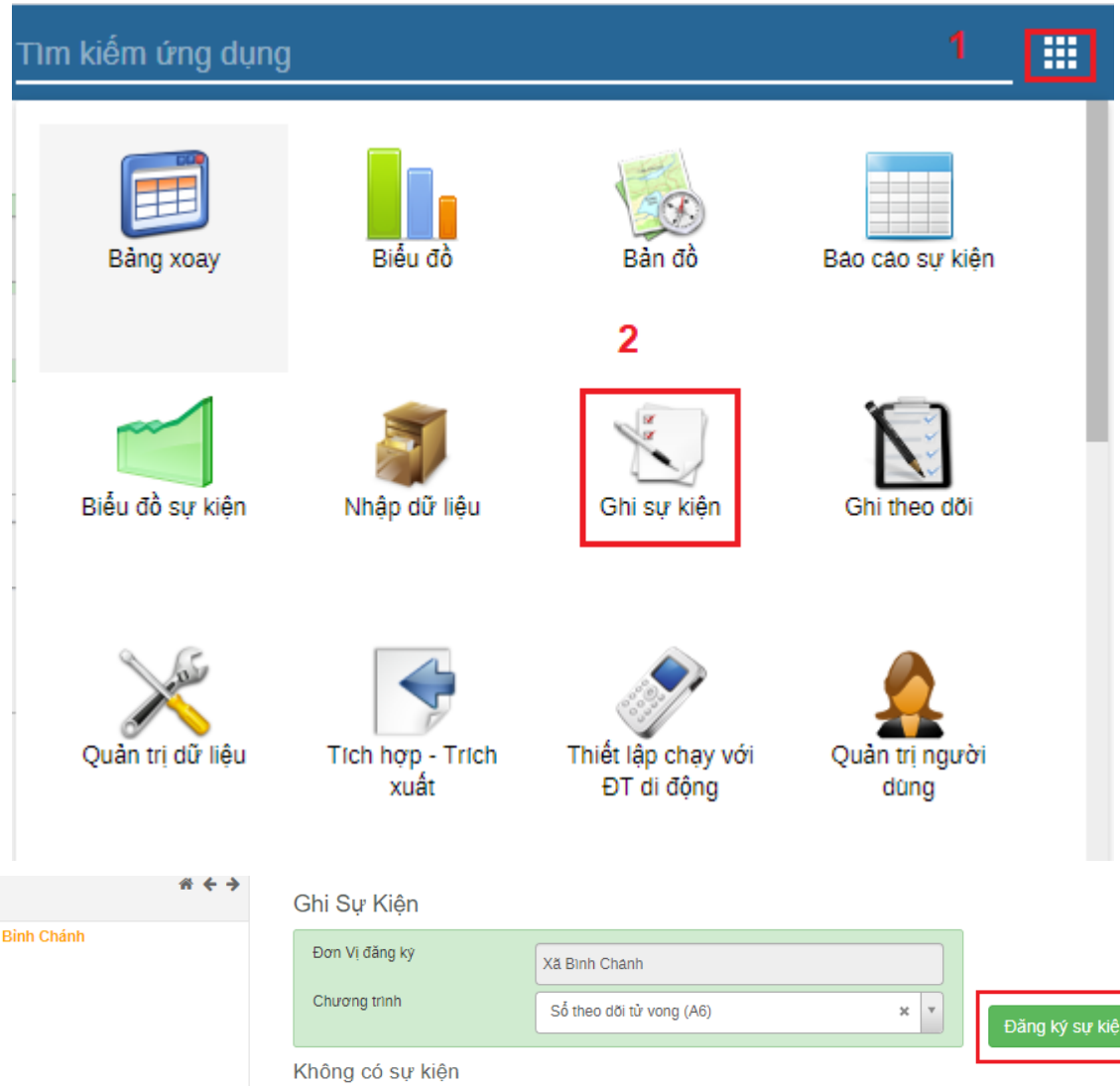


(Màn hình minh họa)

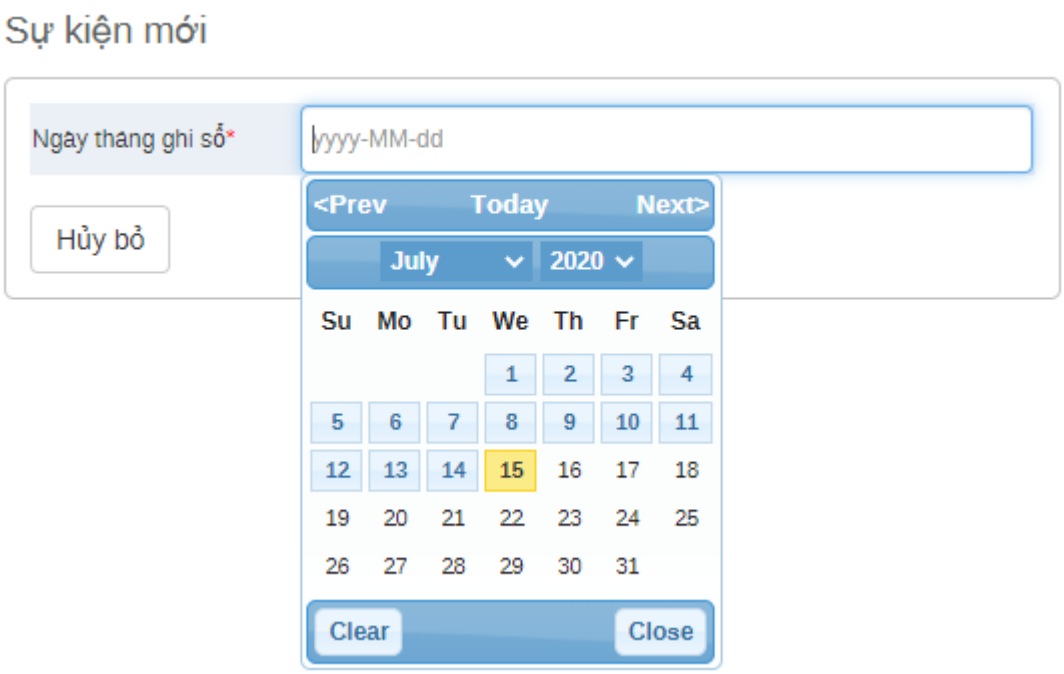
4.5. Nhập dữ liệu Sổ theo dõi tử vong (A6/TYT)

4.5.1. Thêm mới dữ liệu

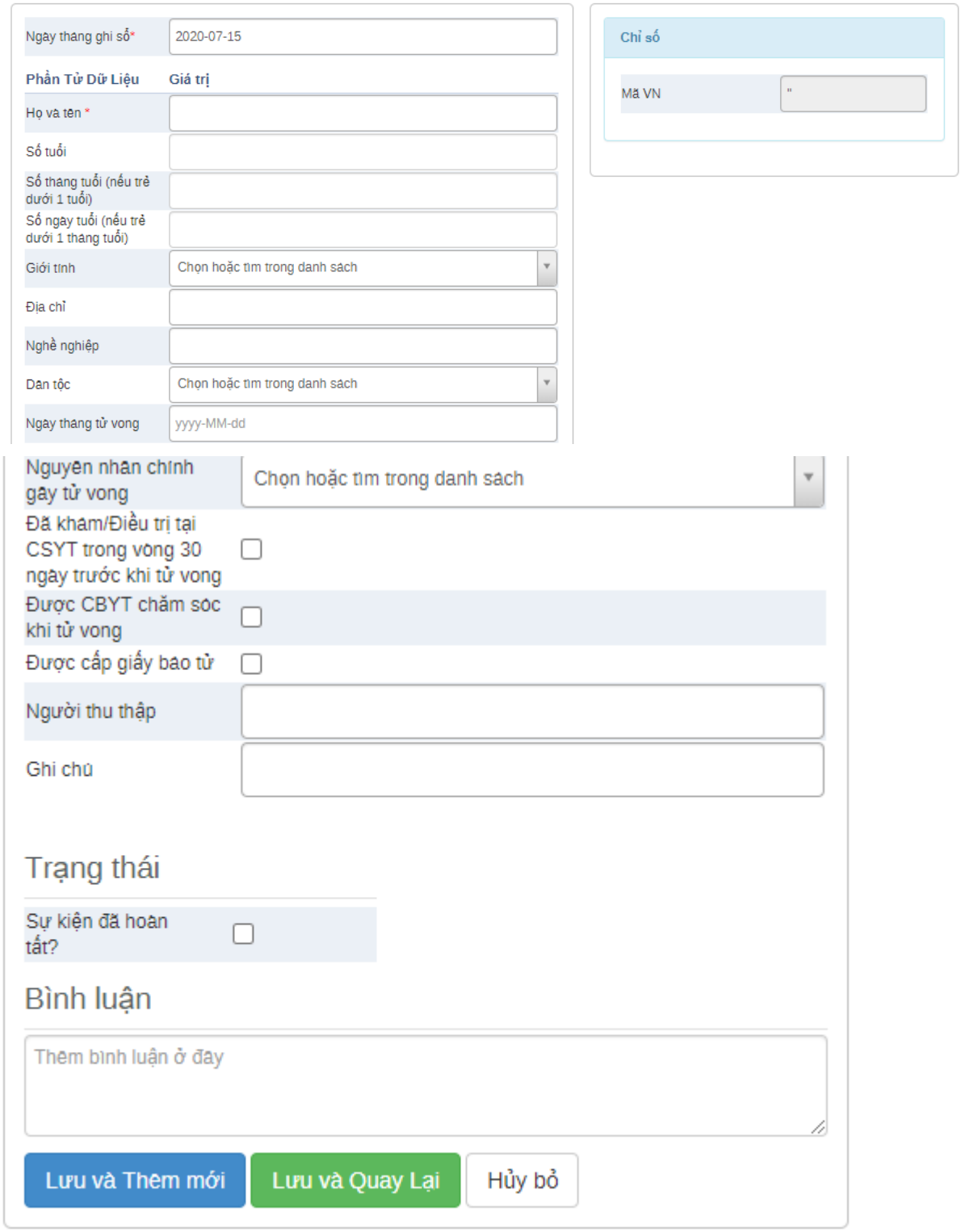
- Chọn biểu tượng  →Chọn Ghi sự kiện→ Chọn Đăng ký sự kiện.



- Nhấn vào ô Chọn Ngày tháng ghi sổ: Chọn ngày ghi nhận thông tin.



Giao diện nhập liệu hiển thị ra như sau:



- Điền thông tin vào các ô tương ứng.

- Chọn Lưu và Thêm mới để lưu thông tin bản ghi hiện thời và thêm mới 1 bản ghi khác.

- Chọn Lưu và Quay lại để lưu thông tin bản ghi hiện thời và quay lại danh sách ban đầu.

- Chọn Hủy bỏ để quay lại danh sách ban đầu mà không lưu thông tin.

Lưu ý:

- Trường có đánh dấu * là bắt buộc nhập.

- Điền thông tin tuổi của trường hợp tử vong: chọn nhập 1 trong 3 ô nhập:

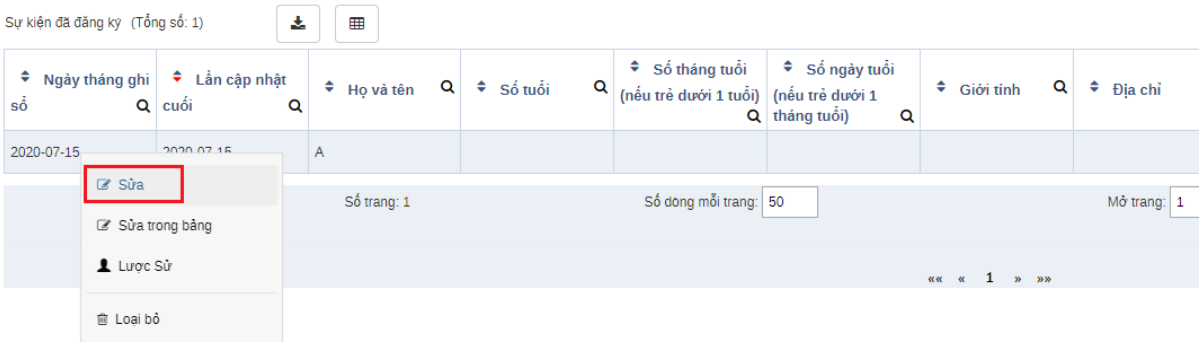
  - Chọn ô nhập Tuổi đối với trường hợp tử vong >1 tuổi
  - Chọn ô nhập Tháng tuổi đối với trường hợp tử vong < 1 tuổi
  - Chọn ô nhập Ngày tuổi đối với trường hợp tử vong dưới 1 tháng tuổi

- Nguyên nhân chính gây tử vong: chọn từ danh sách có sẵn. Phần mềm sẽ tự động hiển thị mã ICD10

4.5.2. Sửa dữ liệu

- Chọn biểu tượng  →Chọn Ghi sự kiện.

- Từ danh sách các bản ghi, nhấp chuột trái vào bản ghi dữ liệu cần sửa → chọn Sửa.

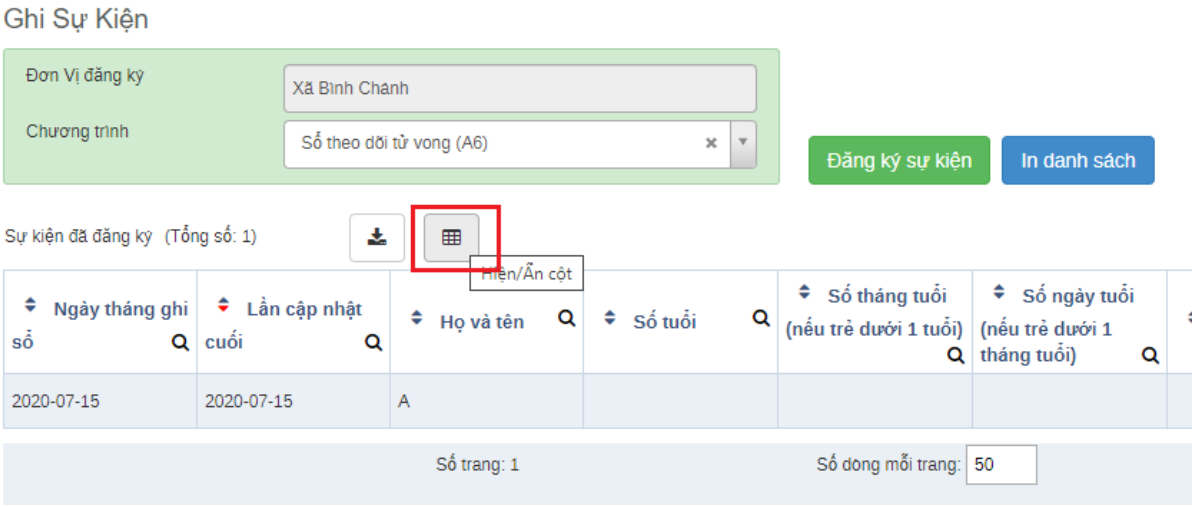


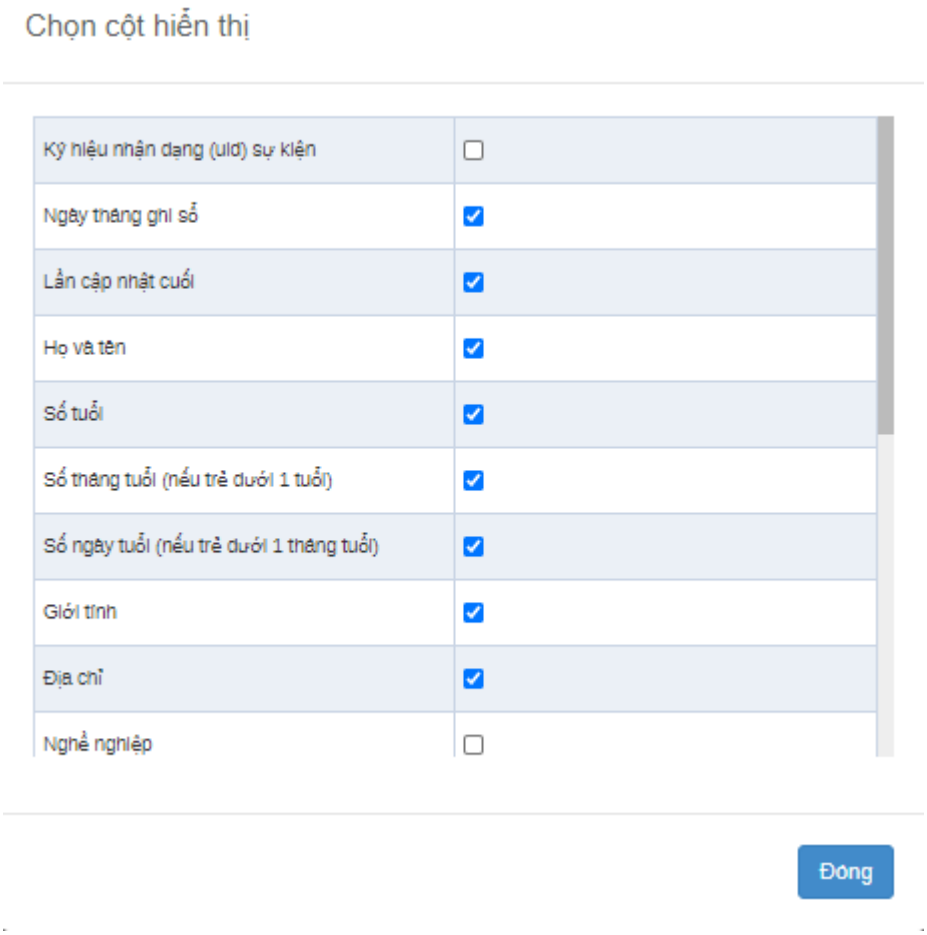
- Sửa thông tin.

- Nhấn nút Cập nhật.

Lưu ý:

- Có thể tùy chọn hiển thị số cột trong danh sách các trường hợp tử vong bằng cách chọn vào biểu tượng  → tích chọn vào cột cần hiển thị hoặc bỏ tích chọn cột cần ẩn→Chọn Đóng.



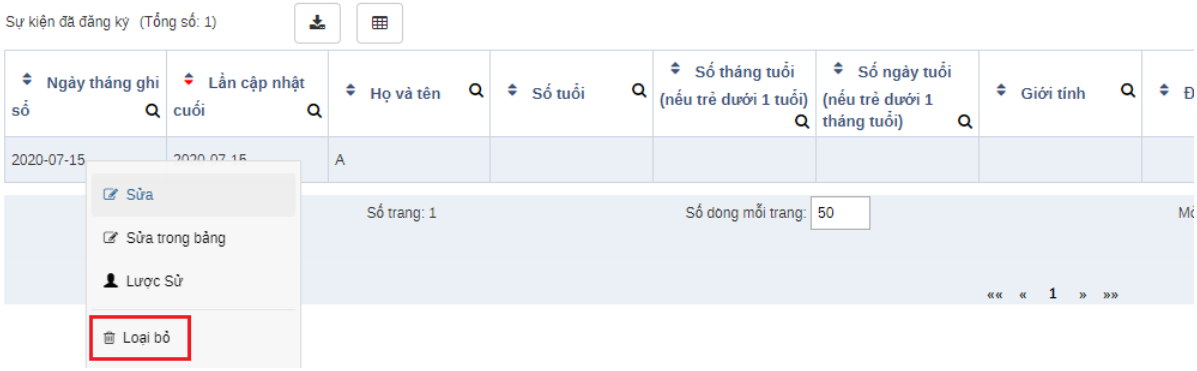


- Có thể sửa thông tin trực tiếp trên danh sách bằng cách nhấp chuột trái vào bản ghi cần sửa → chọn tùy chọn Sửa trong bảng.

4.5.3. Xóa dữ liệu

- Chọn biểu tượng  →Chọn Ghi sự kiện.

- Từ danh sách các bản ghi, nhấp chuột trái vào bản ghi dữ liệu cần sửa → chọn Loại bỏ.



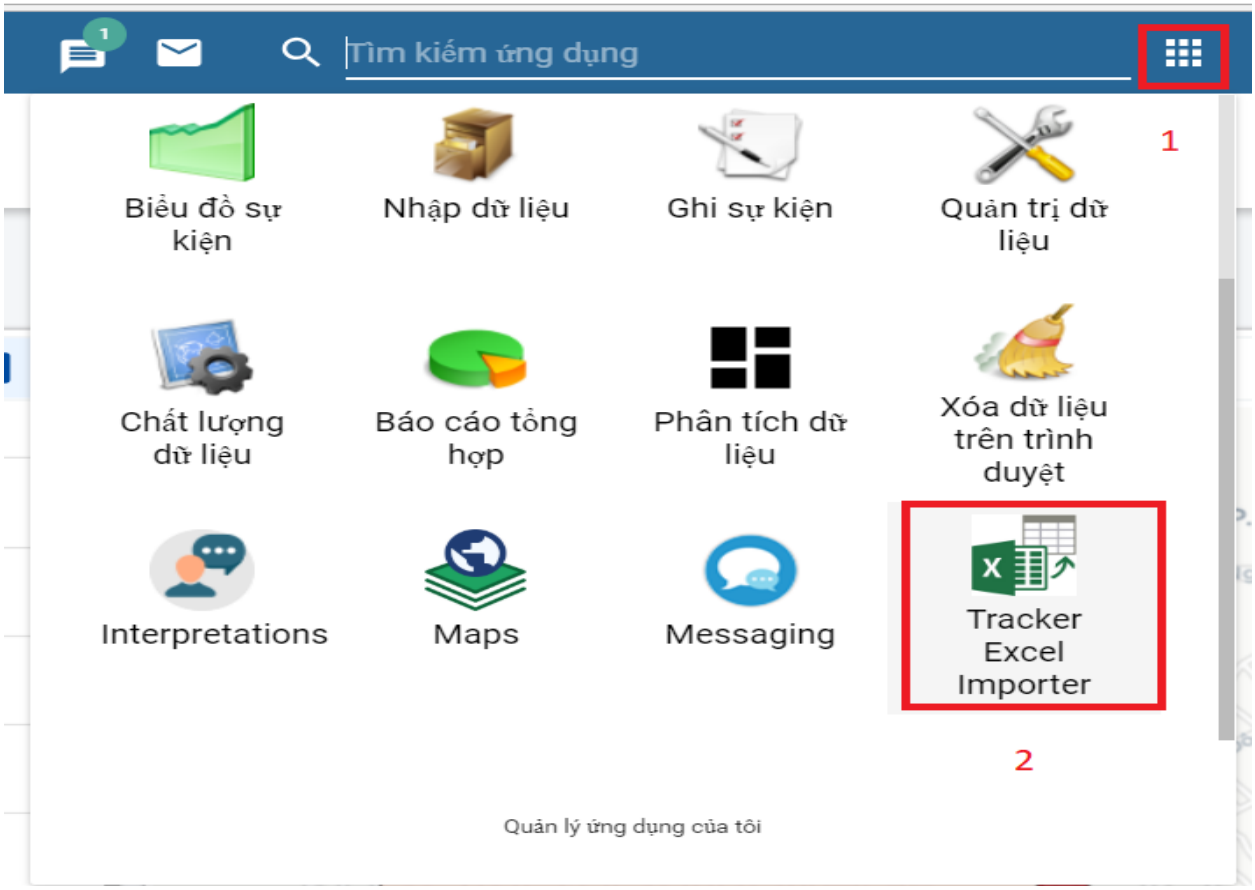
4.5.4. Tải về danh sách các trường hợp tử vong

- Chọn biểu tượng  →Chọn Ghi sự kiện.

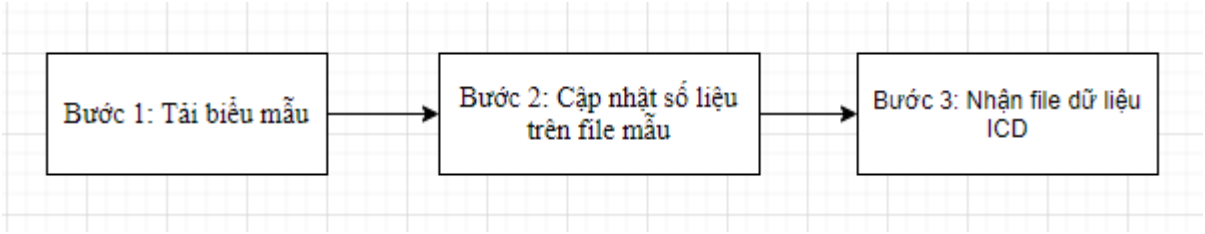
- Chọn biểu tượng  để tải về danh sách. Có thể chọn tải về dưới dạng file csv, xml và json.

4.6. Import dữ liệu Tình hình bệnh tật và tử vong tại bệnh viện

- Chọn biểu tượng chức năng 
- Chọn biểu tượng nhận dữ liệu Excel



4.6.1. Quy trình thực hiện



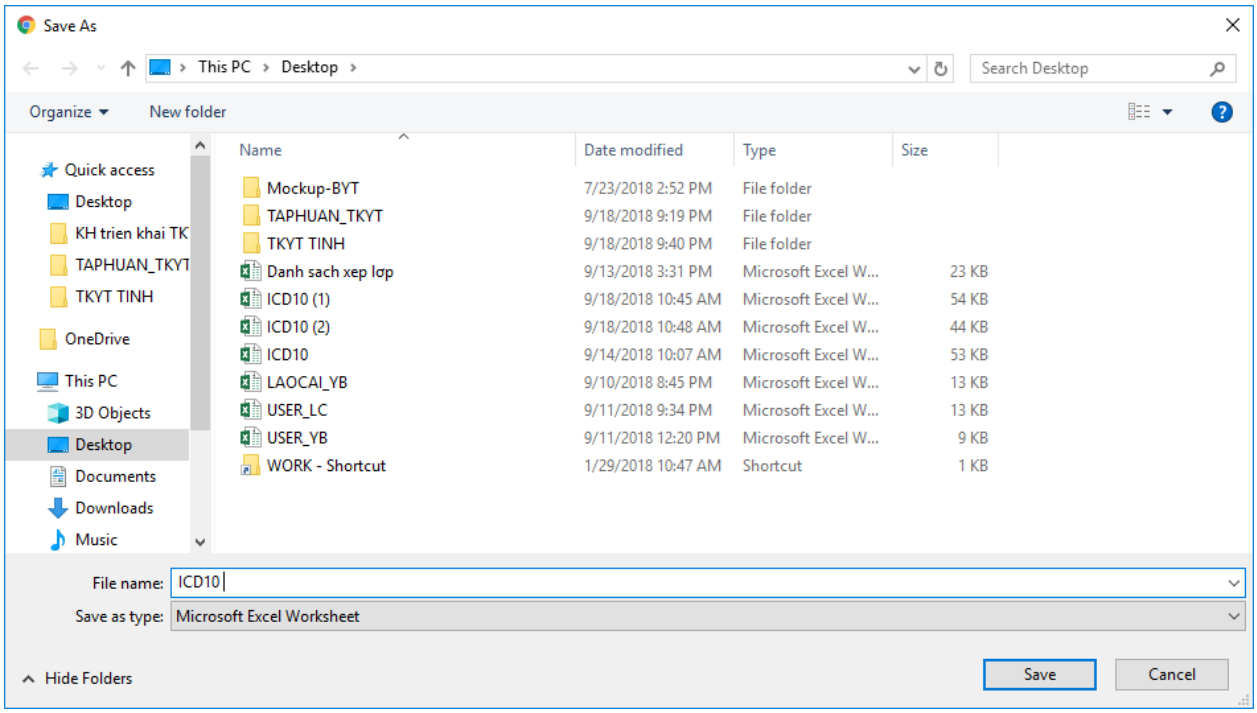
4.6.2. Các bước thực hiện

Bước 1: Tải file mẫu về

- Chọn mũi tên đi xuống và chọn ICD10_TT37 **(đối với những đơn vị đang sử dụng phần mềm khám chữa bệnh chưa xuất được biểu ICD10 theo TT37 có thể sử dụng mẫu ICD10_TT27 để nhận dữ liệu, sau khi dữ liệu được nhận vào hệ thống sẽ tự động đẩy vào mẫu theo TT37)**
- Bấm chọn nút Tải biểu mẫu

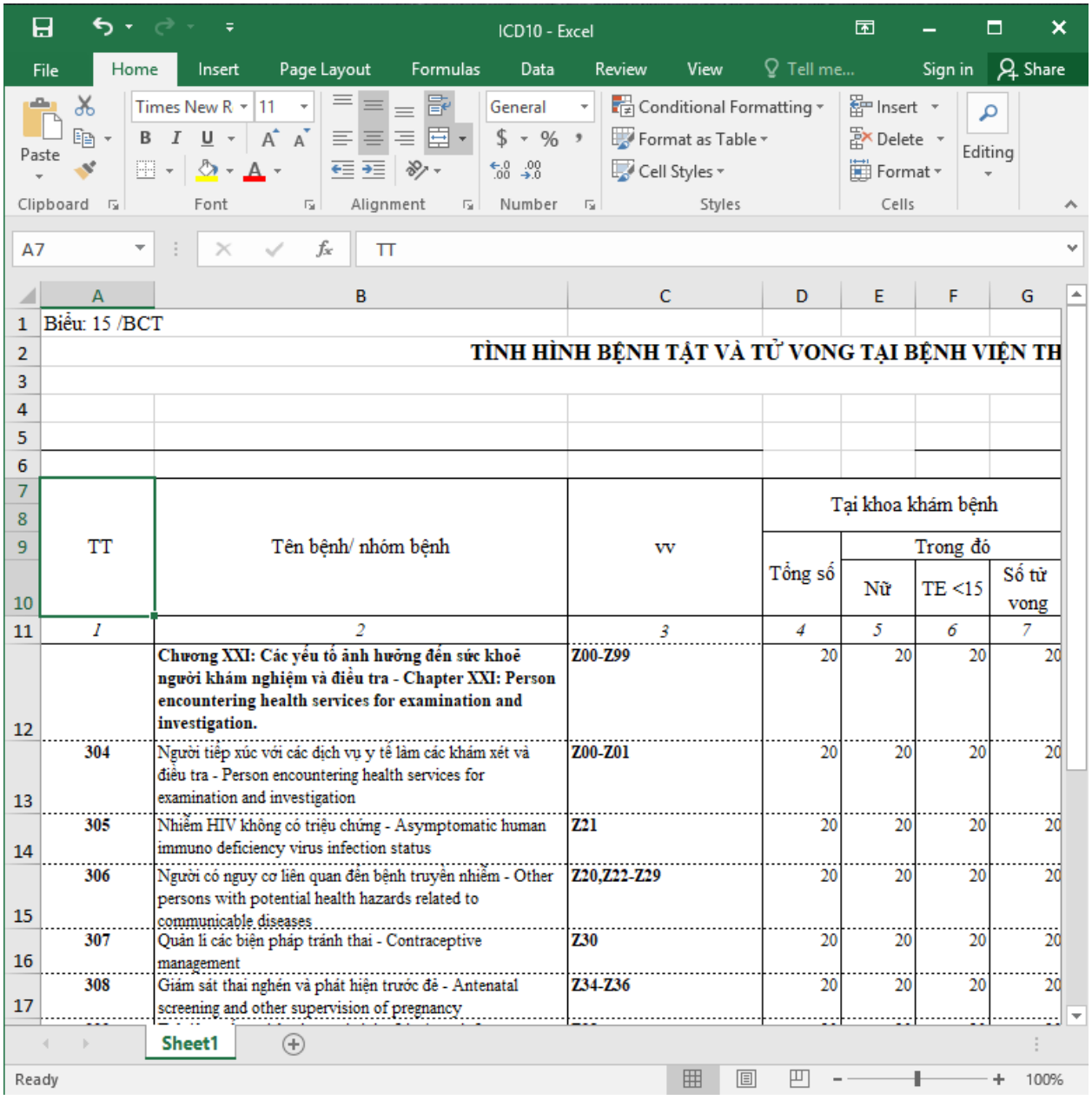


- Bấm SAVE để lưu về máy



Bước 2:

- Mở file excel vừa tải về và copy dữ liệu vào các ô tương ứng (chuẩn theo các cột số liệu)
- Lưu lại file



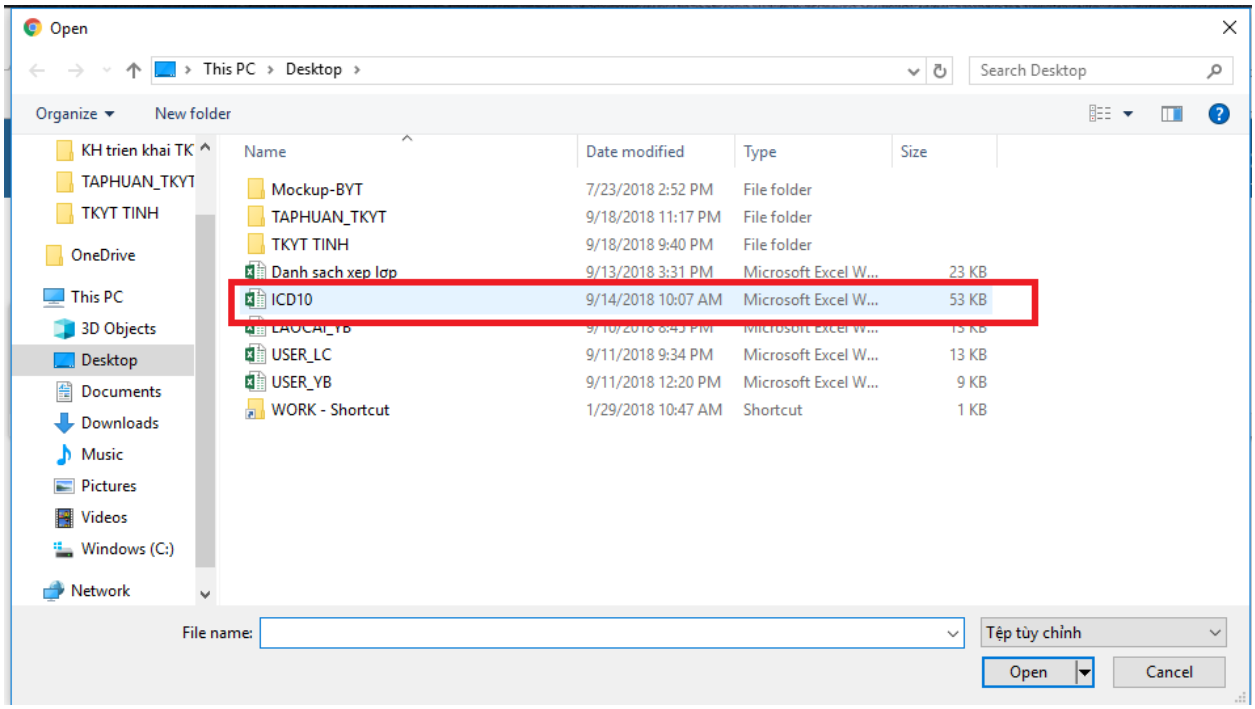
Bước 3: Nhận file dữ liệu ICD

- Chọn biểu ICD 10 (1) **(Lưu ý chọn đúng biểu theo thông tư đang lựa chọn)**
- Bấm chọn thời gian báo cáo (2)
- Bấm vào ô tháng để mở lịch tháng (3)
- Chọn tháng cần nhận số liệu. *(có thể sử dụng mũi tên 2 chiều để chuyển năm) (4)*

- Bấm chọn tải lên (5)



- Chọn file ICD10 đã hoàn tất số liệu

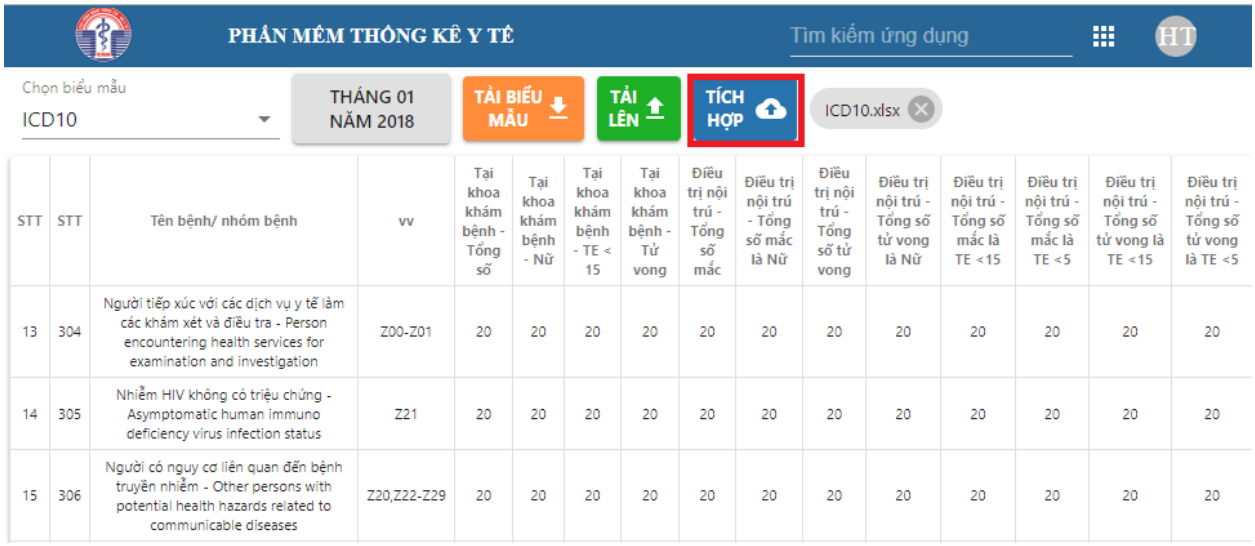


Lưu ý: Sau khi tải file lên phần mềm sẽ tự động kiểm tra thông tin bảng mã ICD trên file được upload, nếu phát hiện sai lệch sẽ đưa ra cảnh báo mầu đỏ, người dùng cần sửa lại file rồi tiến hành lại thao tác (upload lại).



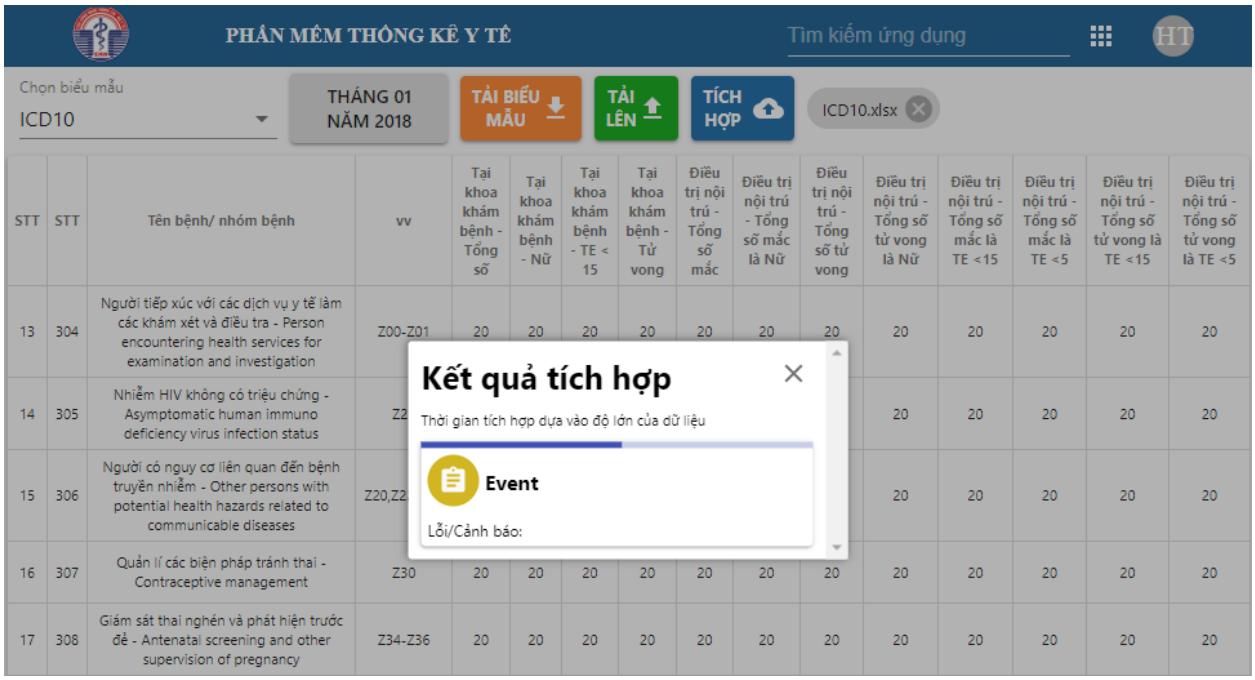
65	053	Bệnh giun sán khác - Other Helminthiases	B68-B71,B75,B77-B83	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
66	054	Di chứng lao - Sequelae of tuberculosis	B90	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
67	055	Di chứng viêm tủy xám cấp - Sequelae of poliomyelitis	B91	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
68	056	Di chứng phong - Sequelae of leprosy	B92	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
69	057	Bệnh nhiễm khuẩn và kí sinh vật khác - Other infectious and parasitic diseases	A65-A67,A69-A70,A74,A77-A79,B58-B64,B85-B89,B94-B99	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
71	058	U ác môi, khoang miệng, họng - Malignant neoplasm of lip, oral cavity and pharynx	C00-C14	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10

- Bấm nút Tích hợp



STT	STT	Tên bệnh/ nhóm bệnh	vv	Tại khoa khám bệnh - Tổng số	Tại khoa khám bệnh - Nữ	Tại khoa khám bệnh - TE < 15	Tại khoa khám bệnh - Tử vong	Điều trị nội trú - Tổng số mắc	Điều trị nội trú - Tổng số mắc là Nữ	Điều trị nội trú - Tổng số tử vong	Điều trị nội trú - Tổng số tử vong là Nữ	Điều trị nội trú - Tổng số mắc là TE <15	Điều trị nội trú - Tổng số mắc là TE <5	Điều trị nội trú - Tổng số tử vong là TE <15	Điều trị nội trú - Tổng số tử vong là TE <5
13	304	Người tiếp xúc với các dịch vụ y tế làm các khám xét và điều tra - Person encountering health services for examination and investigation	Z00-Z01	20	20	20	20	20	20	20	20	20	20	20	20
14	305	Nhiễm HIV không có triệu chứng - Asymptomatic human immuno deficiency virus infection status	Z21	20	20	20	20	20	20	20	20	20	20	20	20
15	306	Người có nguy cơ liên quan đến bệnh truyền nhiễm - Other persons with potential health hazards related to communicable diseases	Z20,Z22-Z29	20	20	20	20	20	20	20	20	20	20	20	20

- Phần mềm hiển thị tiến trình nhận dữ liệu vào hệ thống.



STT	STT	Tên bệnh/ nhóm bệnh	vv	Tại khoa khám bệnh - Tổng số	Tại khoa khám bệnh - Nữ	Tại khoa khám bệnh - TE < 15	Tại khoa khám bệnh - Tử vong	Điều trị nội trú - Tổng số mắc	Điều trị nội trú - Tổng số mắc là Nữ	Điều trị nội trú - Tổng số tử vong	Điều trị nội trú - Tổng số tử vong là Nữ	Điều trị nội trú - Tổng số mắc là TE <15	Điều trị nội trú - Tổng số mắc là TE <5	Điều trị nội trú - Tổng số tử vong là TE <15	Điều trị nội trú - Tổng số tử vong là TE <5
13	304	Người tiếp xúc với các dịch vụ y tế làm các khám xét và điều tra - Person encountering health services for examination and investigation	Z00-Z01	20	20	20	20	20	20	20	20	20	20	20	20
14	305	Nhiễm HIV không có triệu chứng - Asymptomatic human immuno deficiency virus infection status	Z2								20	20	20	20	20
15	306	Người có nguy cơ liên quan đến bệnh truyền nhiễm - Other persons with potential health hazards related to communicable diseases	Z20,Z2								20	20	20	20	20
16	307	Quản lí các biện pháp tránh thai - Contraceptive management	Z30	20	20	20	20	20	20	20	20	20	20	20	20
17	308	Giám sát thai nghén và phát hiện trước đẻ - Antenatal screening and other supervision of pregnancy	Z34-Z36	20	20	20	20	20	20	20	20	20	20	20	20

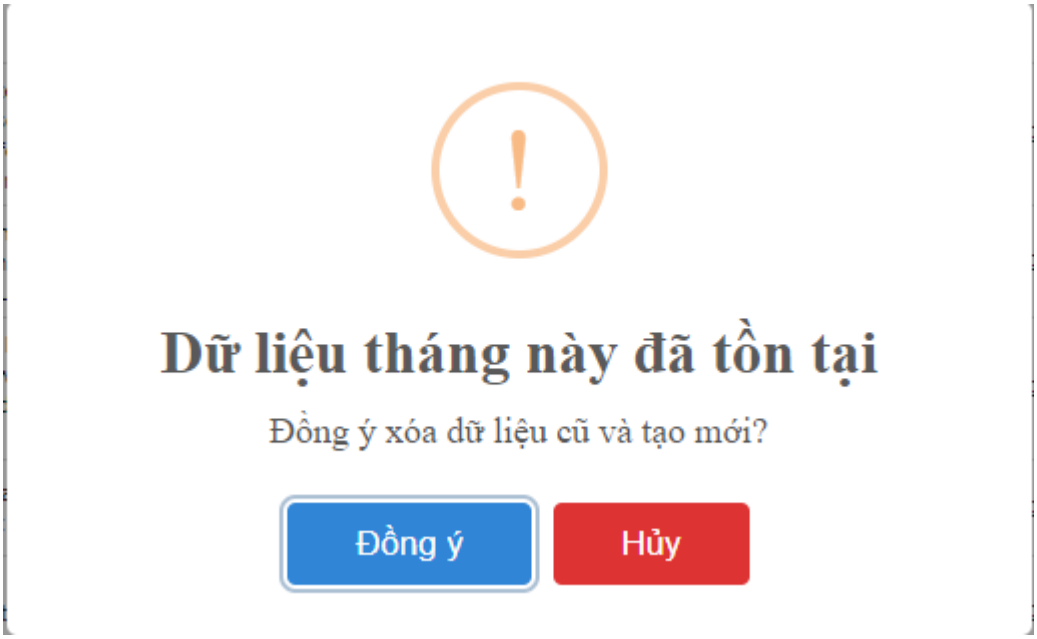
– Tiến trình nhận dữ liệu hoàn thành người dùng đóng thông báo để hoàn thành thao tác.

Các lưu ý:

– Khi xem báo cáo hệ thống có thể trễ một vài giây để đưa ra số liệu.

– Trong một tháng người dùng có thể nhận dữ liệu nhiều lần, dữ liệu lần nhận sau sẽ được thay thế hoàn toàn số liệu trước đó nếu có

- Khi nhận số liệu nếu dữ liệu tháng đã có sẽ nhận được thông báo như sau:



- Bấm chọn nút 'Đồng ý' nếu muốn tiếp tục nhận dữ liệu mới và thay thế dữ liệu cũ.

– Người sử dụng có thể copy số liệu từ file excel được xuất ra từ phần mềm khám chữa bệnh vào **file excel mẫu** để nhận vào hệ thống **(lưu ý đảm bảo cấu trúc cột và hàng giống nhau)**

– Đối với các phần mềm khám chữa bệnh khi xuất ra file excel chỉ bệnh nào có số liệu mới đưa ra thì có thể **copy vào file mẫu với điều kiện bỏ dòng tổng chương ở các chương.**

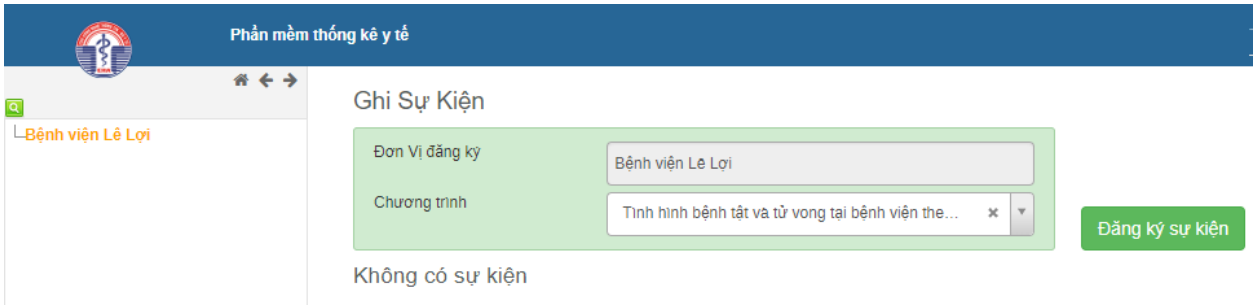
4.6.3. Tra cứu lịch sử cập nhật số liệu

Để kiểm tra dữ liệu về Tình hình bệnh tật tử vong tại bệnh viện theo ICD10, từ  => **Ghi sự kiện.**



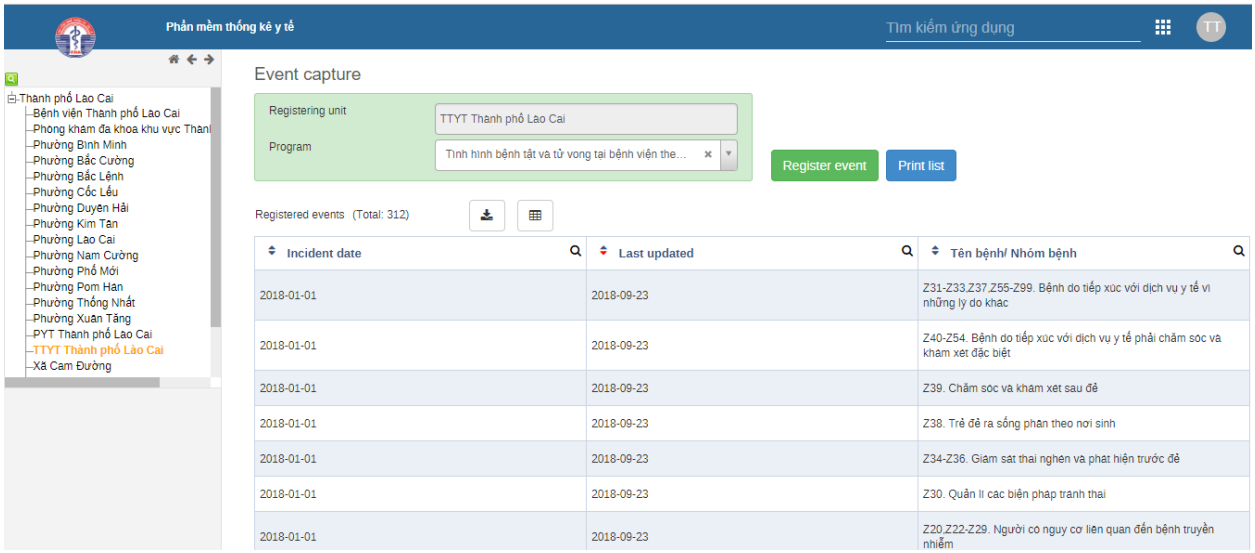
(Màn hình minh họa)

Màn hình Ghi sự kiện



(Màn hình minh họa)

Chọn đơn vị muốn kiểm tra dữ liệu từ cây đơn vị bên trái, ta sẽ thấy Danh sách bệnh sẽ có dạng như sau:



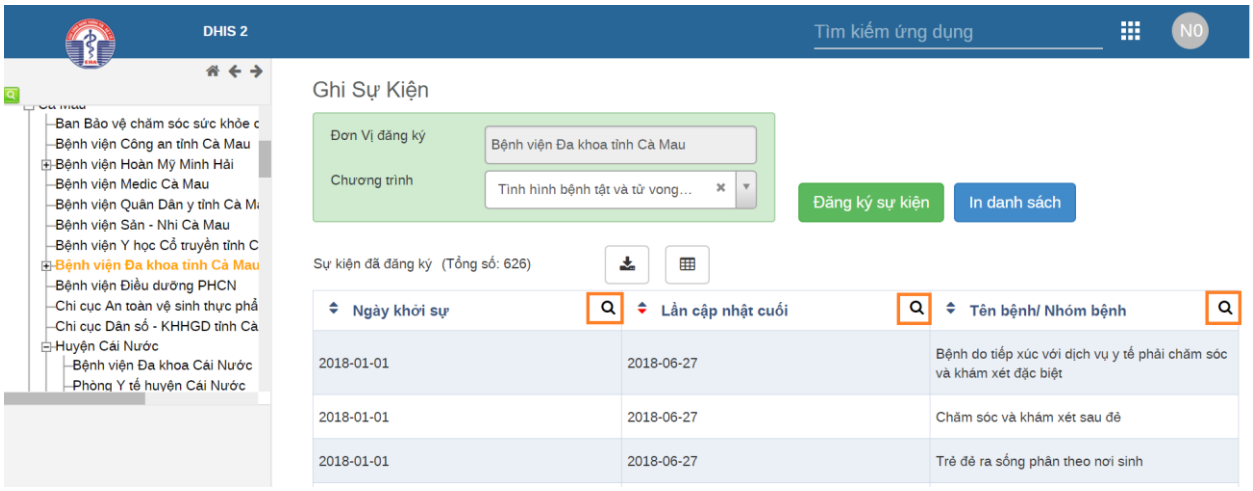
(Màn hình minh họa)

Bạn có thể thay đổi dữ liệu hiển thị trên danh sách bằng cách nhấn vào nút , sau đó đánh dấu vào dữ liệu muốn hiển thị.



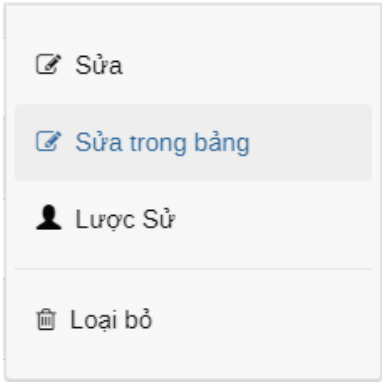
(Màn hình minh họa)

Bạn có thể kích hoạt tìm kiếm tại từng cột trong danh sách bằng cách nhấp chuột vào biểu tượng ở cuối mỗi cột.

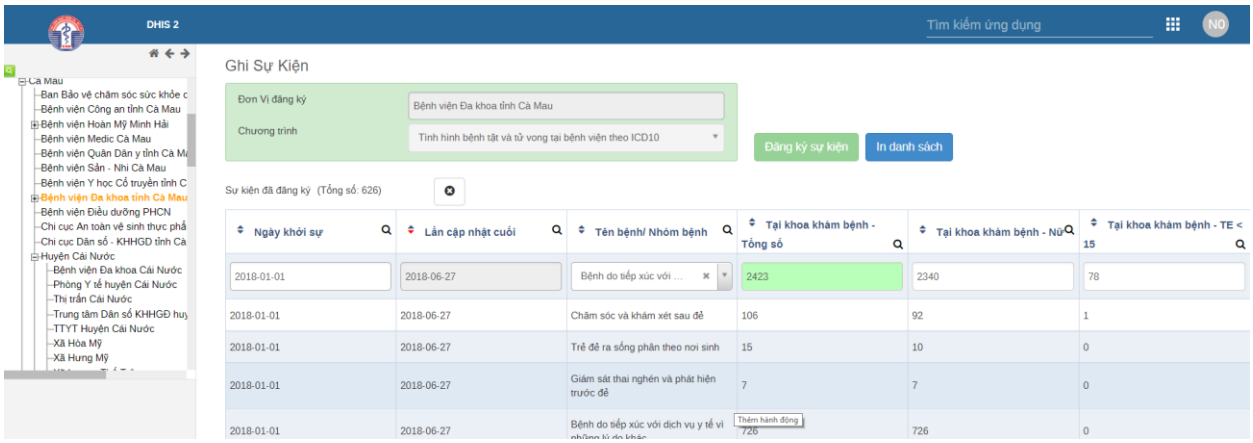


(Màn hình minh họa)

Để sửa dữ liệu đã nhập, tìm bệnh muốn sửa trên danh sách, bấm chuột trái vào bệnh muốn sửa, danh sách hành động sẽ mở ra.

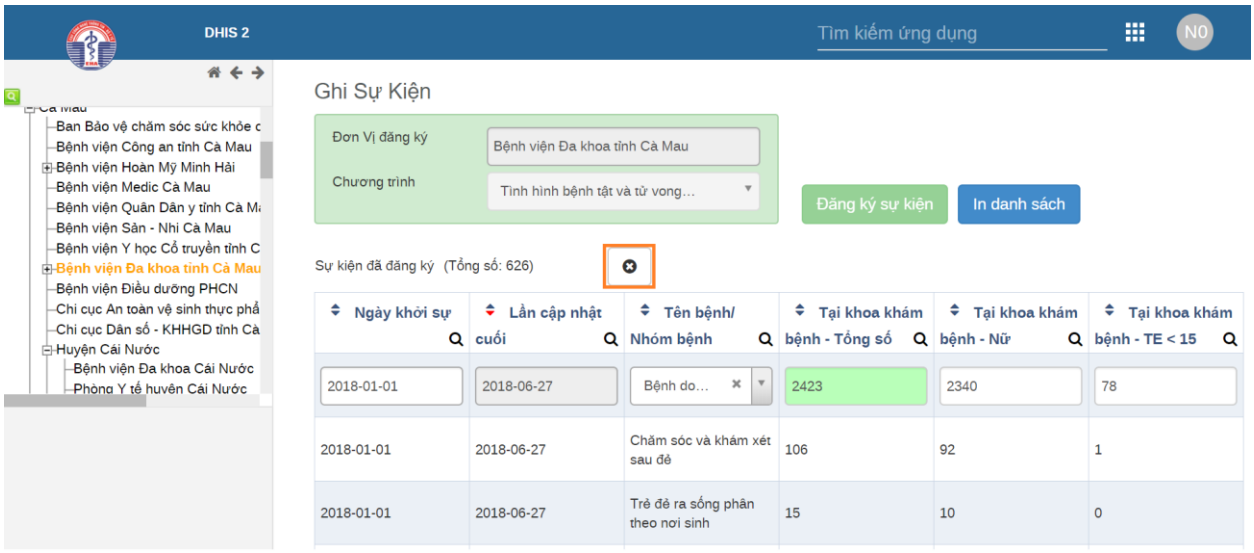


Chọn **Sửa trong bảng** để sửa dữ liệu hiển thị trên danh sách. Dữ liệu sửa trên danh sách sẽ tự động lưu (không cần nhấn Lưu).



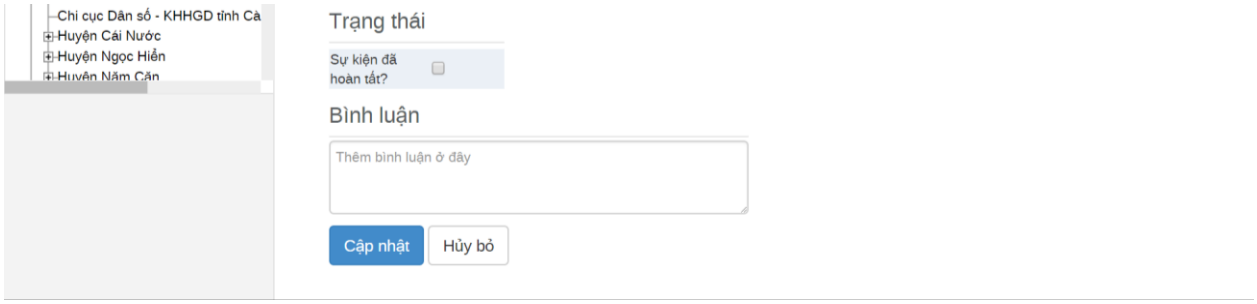
(Màn hình minh họa)

Sau khi sửa xong nhấn  để hủy chế độ Sửa trong bảng.



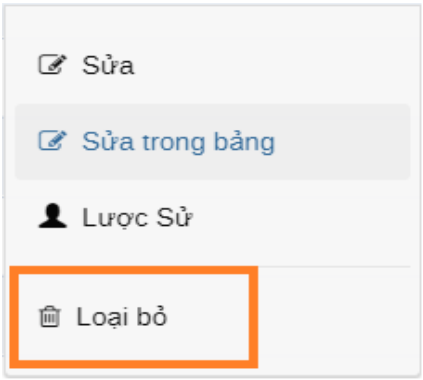
(Màn hình minh họa)

Chọn **Sửa** để vào biểu nhập. Sau khi sửa nhấn **Cập nhật** để lưu hoặc nhấn **Hủy bỏ** để không lưu và quay lại danh sách.



(Màn hình minh họa)

Nếu muốn xóa dữ liệu, nhấn chuột trái vào bệnh muốn xóa, chọn **Loại bỏ**.



(Màn hình minh họa)

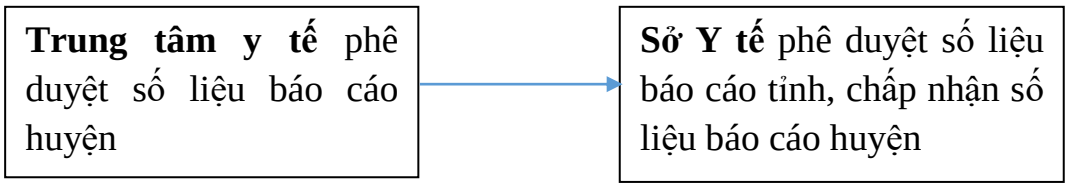
5. PHÊ DUYỆT DỮ LIỆU

5.1. Quy tắc chung

Chức năng Phê duyệt dữ liệu cho phép người dùng kiểm tra và phê duyệt số liệu báo cáo theo phân cấp. Sau khi tuyến trên phê duyệt và chấp nhận số

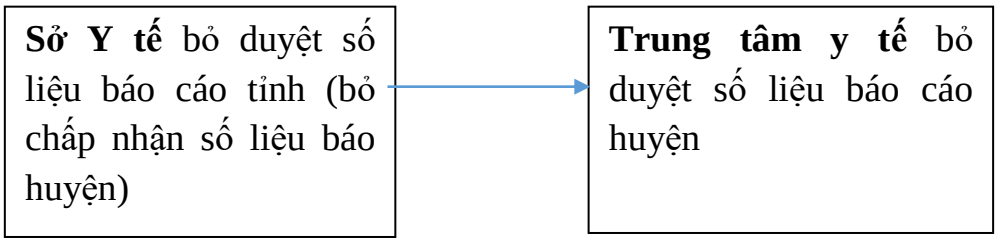
liệu, các đơn vị tuyến dưới không thể sửa số liệu. Trường hợp cần sửa số liệu, đơn vị tuyến trên phải thực hiện bỏ duyệt.

Quy trình phê duyệt số liệu



***Lưu ý**: Sở Y tế có thể phân công đơn vị đầu mối tuyến tỉnh (ví dụ CDC) phê duyệt các báo cáo thuộc lĩnh vực quản lý.*

Quy trình bỏ duyệt số liệu



5.2. Hướng dẫn Trung tâm y tế phê duyệt báo cáo huyện

5.2.1. Quy trình phê duyệt số liệu

Bước 1: Mở báo cáo muốn phê duyệt

Huyện An Phú

THÔNG TIN CHUNG

Báo cáo năm 2020

Biểu: 1/BCH

TT	Tên xã/phường/thị trấn	Dân số trung bình					Trạm y tế							Số thôn bản			Tổng số cộng tác viên dân số
		Tổng số	Nữ	Trẻ em <5 tuổi	Trẻ em <15 tuổi	PN từ 15-49 tuổi	Xã đạt Tiêu chí QG về YT	TYT triển khai dự phòng,quản lý điều trị bệnh không lây nhiễm	Xã/ phường có TYT	Bác sỹ định biên	Bác sỹ làm việc	YHCT	HS/ YSSN	Tổng số	Có nhân viên y tế hoạt động	Có cô đỡ được đào tạo	
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*	*17*	*18*
	TỔNG SỐ	**177.469**	**88.058**	**13.367**	**43.589**	**57.204**	**7**	**0**	**0**	**0**	**0**	**9**	**10**	**58**	**58**	**9**	**0**
1	Thị trấn An Phú	11.725	6.112	604	2.287	13.263	0	0	0	0	0	1	1	3	3	2	0
2	Thị trấn Long Bình	9.438	4.771	593	2.281	2.554	0	0	0	0	0	1	1	3	3	1	0
3	Xã Khánh An	11.930	6.002	1.008	3.574	4.581	0	0	0	0	0	0	0	4	4	0	0
4	Xã Khánh Bình	8.095	4.519	612	1.909	2.024	0	0	0	0	0	0	0	4	4	0	0
5	Xã Nhơn Hội	12.255	7.151	690	2.845	3.360	1	0	0	0	0	0	1	3	3	0	0
6	Xã Phú Hội	13.017	6.437	1.055	3.165	2.407	1	0	0	0	0	0	0	5	5	0	0
7	Xã Phú Hữu	18.751	8.231	1.533	4.511	5.346	1	0	0	0	0	1	1	6	6	0	0
8	Xã Phước Hưng	10.701	6.774	860	3.143	1.991	0	0	0	0	0	0	1	4	4	0	0
9	Xã Quốc Thái	13.694	4.246	945	2.783	3.840	1	0	0	0	0	1	0	5	5	5	0
10	Xã Vĩnh Hậu	9.278	4.595	578	1.852	1.602	1	0	0	0	0	1	1	4	4	0	0
11	Xã Vĩnh Hội Đông	13.524	6.808	1.078	3.788	3.684	0	0	0	0	0	1	1	4	4	0	0
12	Xã Vĩnh Lộc	11.078	5.040	969	2.907	4.869	0	0	0	0	0	1	1	5	5	0	0
13	Xã Vĩnh Trường	14.286	7.189	1.152	3.684	2.264	1	0	0	0	0	1	1	4	4	0	0
14	Xã Đa Phước	19.697	10.183	1.690	4.860	5.419	1	0	0	0	0	1	1	4	4	1	0

(√) Phê duyệt số liệu

Bước 2: Nhấn nút phê duyệt số liệu

Huyện An Phú

THÔNG TIN CHUNG

Báo cáo năm 2020

Biểu: 1/BCH

TT	Tên xã/phường/thị trấn	Dân số trung bình					Trạm y tế							Số thôn bản			Tổng số cộng tác viên dân số
		Tổng số	Nữ	Trẻ em <5 tuổi	Trẻ em <15 tuổi	PN từ 15-49 tuổi	Xã đạt Tiêu chí QG về YT	TYT triển khai dự phòng,quản lý điều trị bệnh không lây nhiễm	Xã/ phường có TYT	Bác sỹ định biên	Bác sỹ làm việc	YHCT	HS/ YSSN	Tổng số	Có nhân viên y tế hoạt động	Có cô đỡ được đào tạo	
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*	*17*	*18*
	TỔNG SỐ	**177.469**	**88.058**	**13.367**	**43.589**	**57.204**	**7**	**0**	**0**	**0**	**0**	**9**	**10**	**58**	**58**	**9**	**0**
1	Thị trấn An Phú	11.725	6.112	604	2.287	13.263	0	0	0	0	0	1	1	3	3	2	0
2	Thị trấn Long Bình	9.438	4.771	593	2.281	2.554	0	0	0	0	0	1	1	3	3	1	0
3	Xã Khánh An	11.930	6.002	1.008	3.574	4.581	0	0	0	0	0	0	0	4	4	0	0
4	Xã Khánh Bình	8.095	4.519	612	1.909	2.024	0	0	0	0	0	0	0	4	4	0	0
5	Xã Nhơn Hội	12.255	7.151	690	2.845	3.360	1	0	0	0	0	0	1	3	3	0	0
6	Xã Phú Hội	13.017	6.437	1.055	3.165	2.407	1	0	0	0	0	0	0	5	5	0	0
7	Xã Phú Hữu	18.751	8.231	1.533	4.511	5.346	1	0	0	0	0	1	1	6	6	0	0
8	Xã Phước Hưng	10.701	6.774	860	3.143	1.991	0	0	0	0	0	0	1	4	4	0	0
9	Xã Quốc Thái	13.694	4.246	945	2.783	3.840	1	0	0	0	0	1	0	5	5	5	0
10	Xã Vĩnh Hậu	9.278	4.595	578	1.852	1.602	1	0	0	0	0	1	1	4	4	0	0
11	Xã Vĩnh Hội Đông	13.524	6.808	1.078	3.788	3.684	0	0	0	0	0	1	1	4	4	0	0
12	Xã Vĩnh Lộc	11.078	5.040	969	2.907	4.869	0	0	0	0	0	1	1	5	5	0	0
13	Xã Vĩnh Trường	14.286	7.189	1.152	3.684	2.264	1	0	0	0	0	1	1	4	4	0	0
14	Xã Đa Phước	19.697	10.183	1.690	4.860	5.419	1	0	0	0	0	1	1	4	4	1	0

Phê duyệt số liệu

Lưu ý:

Sau khi Trung tâm Y tế phê duyệt số liệu báo cáo huyện, các đơn vị tuyến xã và tuyến huyện sẽ không thể sửa số liệu trong phần Nhập liệu. Các đơn vị sẽ nhận được thông báo "**Biểu nhập bị khóa**" khi mở biểu.



Biểu: 1/BCX

THÔNG TIN CHUNG

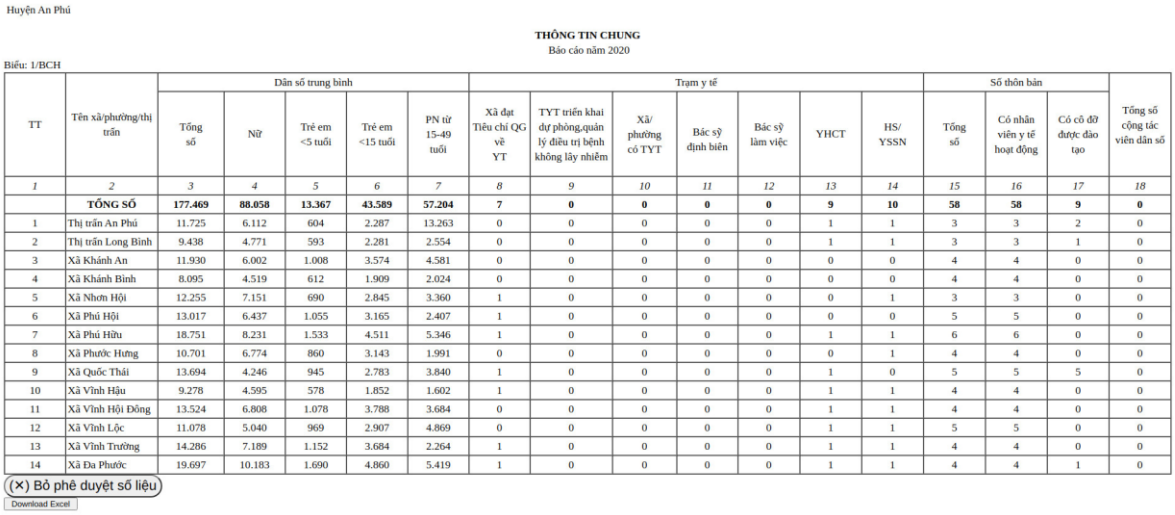
Báo cáo năm

STT	Chỉ tiêu	Số lượng	STT	Chỉ tiêu	Số lượng
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*
1	**Diện tích (Km2)**	136922	4	**Trạm y tế đạt tiêu chí QG**	☑
2	**Dân số trung bình**	13276	5	**Trạm y tế triển khai dự phòng, quản lý điều trị bệnh không lây nhiễm**	☑
2.1	Trong đó: Nữ	7020	6	**Xã/phường có trạm y tế**	☑
	Nam	6256	7	**Bác sỹ định biên** *(Tích vào ô bên nếu TYT có ít nhất 1 bác sĩ định biên)*	☑
2.2	Số trẻ em < 5 tuổi	676	8	**Bác sỹ làm việc** *(Tích vào ô bên nếu TYT có ít nhất 1 bác sĩ làm việc trong kỳ báo cáo)*	☐
2.3	Số trẻ em < 15 tuổi	1362	9	**Trạm y tế có YHCT**	☑
2.4	Số phụ nữ 15 - 49 tuổi	3160	10	**Trạm y tế có HS/YSSN**	☑
3	**Số thôn, bản**	9	11	**Tổng số cộng tác viên dân số**	☐
3.1	**Số thôn, bản có nhân viên y tế hoạt động**	9			
3.2	**Số thôn, bản có cô đỡ được đào tạo >= 6 tháng**	4			

Nếu muốn sửa số liệu, Trung tâm Y tế phải thực hiện bỏ duyệt.

5.2.2. Quy trình bỏ duyệt số liệu

Bước 1: Mở báo cáo muốn bỏ duyệt



Huyện An Phú

THÔNG TIN CHUNG

Báo cáo năm 2020

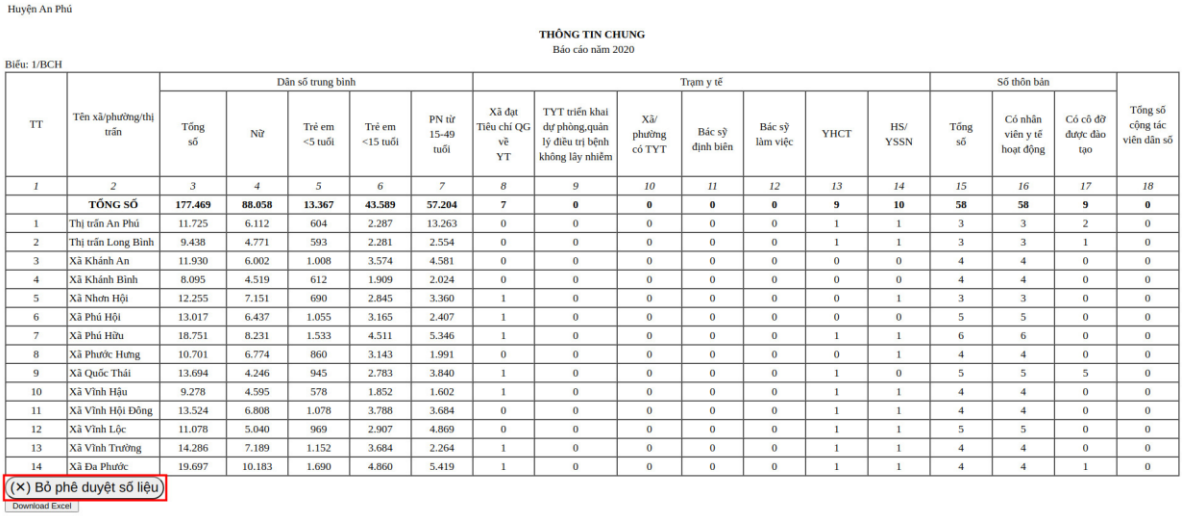
Biểu: 1/BCH

TT	Tên xã/phường/thị trấn	Dân số trung bình					Trạm y tế							Số thôn bản			Tổng số cộng tác viên dân số
		Tổng số	Nữ	Trẻ em <5 tuổi	Trẻ em <15 tuổi	PN từ 15-49 tuổi	Xã đạt Tiêu chí QG về YT	TYT triển khai dự phòng,quản lý điều trị bệnh không lây nhiễm	Xã/ phường có TYT	Bác sỹ định biên	Bác sỹ làm việc	YHCT	HS/ YSSN	Tổng số	Có nhân viên y tế hoạt động	Có cô đỡ được đào tạo	
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*	*17*	*18*
	TỔNG SỐ	**177.469**	**88.058**	**13.367**	**43.589**	**57.204**	**7**	**0**	**0**	**0**	**0**	**9**	**10**	**58**	**58**	**9**	**0**
1	Thị trấn An Phú	11.725	6.112	604	2.287	13.263	0	0	0	0	0	1	1	3	3	2	0
2	Thị trấn Long Bình	9.438	4.771	593	2.281	2.554	0	0	0	0	0	1	1	3	3	1	0
3	Xã Khánh An	11.930	6.002	1.008	3.574	4.581	0	0	0	0	0	0	0	4	4	0	0
4	Xã Khánh Bình	8.095	4.519	612	1.909	2.024	0	0	0	0	0	0	0	4	4	0	0
5	Xã Nhơn Hội	12.255	7.151	690	2.845	3.360	1	0	0	0	0	0	1	3	3	0	0
6	Xã Phú Hội	13.017	6.437	1.055	3.165	2.407	1	0	0	0	0	0	0	5	5	0	0
7	Xã Phú Hữu	18.751	8.231	1.533	4.511	5.346	1	0	0	0	0	1	1	6	6	0	0
8	Xã Phước Hưng	10.701	6.774	860	3.143	1.991	0	0	0	0	0	0	1	4	4	0	0
9	Xã Quốc Thái	13.694	4.246	945	2.783	3.840	1	0	0	0	0	1	0	5	5	5	0
10	Xã Vĩnh Hậu	9.278	4.595	578	1.852	1.602	1	0	0	0	0	1	1	4	4	0	0
11	Xã Vĩnh Hội Đông	13.524	6.808	1.078	3.788	3.684	0	0	0	0	0	1	1	4	4	0	0
12	Xã Vĩnh Lộc	11.078	5.040	969	2.907	4.869	0	0	0	0	0	1	1	5	5	0	0
13	Xã Vĩnh Trường	14.286	7.189	1.152	3.684	2.264	1	0	0	0	0	1	1	4	4	0	0
14	Xã Đa Phước	19.697	10.183	1.690	4.860	5.419	1	0	0	0	0	1	1	4	4	1	0

(×) Bỏ phê duyệt số liệu

Download Excel

Bước 2: Nhấn nút bỏ phê duyệt số liệu



Huyện An Phú

THÔNG TIN CHUNG

Báo cáo năm 2020

Biểu: 1/BCH

TT	Tên xã/phường/thị trấn	Dân số trung bình					Trạm y tế							Số thôn bản			Tổng số cộng tác viên dân số
		Tổng số	Nữ	Trẻ em <5 tuổi	Trẻ em <15 tuổi	PN từ 15-49 tuổi	Xã đạt Tiêu chí QG về YT	TYT triển khai dự phòng,quản lý điều trị bệnh không lây nhiễm	Xã/ phường có TYT	Bác sỹ định biên	Bác sỹ làm việc	YHCT	HS/ YSSN	Tổng số	Có nhân viên y tế hoạt động	Có cô đỡ được đào tạo	
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*	*17*	*18*
	TỔNG SỐ	**177.469**	**88.058**	**13.367**	**43.589**	**57.204**	**7**	**0**	**0**	**0**	**0**	**9**	**10**	**58**	**58**	**9**	**0**
1	Thị trấn An Phú	11.725	6.112	604	2.287	13.263	0	0	0	0	0	1	1	3	3	2	0
2	Thị trấn Long Bình	9.438	4.771	593	2.281	2.554	0	0	0	0	0	1	1	3	3	1	0
3	Xã Khánh An	11.930	6.002	1.008	3.574	4.581	0	0	0	0	0	0	0	4	4	0	0
4	Xã Khánh Bình	8.095	4.519	612	1.909	2.024	0	0	0	0	0	0	0	4	4	0	0
5	Xã Nhơn Hội	12.255	7.151	690	2.845	3.360	1	0	0	0	0	0	1	3	3	0	0
6	Xã Phú Hội	13.017	6.437	1.055	3.165	2.407	1	0	0	0	0	0	0	5	5	0	0
7	Xã Phú Hữu	18.751	8.231	1.533	4.511	5.346	1	0	0	0	0	1	1	6	6	0	0
8	Xã Phước Hưng	10.701	6.774	860	3.143	1.991	0	0	0	0	0	0	1	4	4	0	0
9	Xã Quốc Thái	13.694	4.246	945	2.783	3.840	1	0	0	0	0	1	0	5	5	5	0
10	Xã Vĩnh Hậu	9.278	4.595	578	1.852	1.602	1	0	0	0	0	1	1	4	4	0	0
11	Xã Vĩnh Hội Đông	13.524	6.808	1.078	3.788	3.684	0	0	0	0	0	1	1	4	4	0	0
12	Xã Vĩnh Lộc	11.078	5.040	969	2.907	4.869	0	0	0	0	0	1	1	5	5	0	0
13	Xã Vĩnh Trường	14.286	7.189	1.152	3.684	2.264	1	0	0	0	0	1	1	4	4	0	0
14	Xã Đa Phước	19.697	10.183	1.690	4.860	5.419	1	0	0	0	0	1	1	4	4	1	0

(×) Bỏ phê duyệt số liệu

Download Excel

Lưu ý:

Trung tâm Y tế chỉ có thể bỏ phê duyệt khi Sở Y tế chưa chấp nhận số liệu báo cáo huyện. Nếu Sở Y tế đã chấp nhận số liệu báo cáo huyện, Trung tâm Y tế không thể bỏ phê duyệt và sẽ thấy thông báo "**Tình trạng phê duyệt: Đã duyệt và đã chấp nhận ở tuyến trên**". Trường hợp muốn sửa số liệu, Sở Y tế phải bỏ chấp nhận sau đó Trung tâm y tế bỏ phê duyệt.

Huyện An Phú

THÔNG TIN CHUNG

Báo cáo năm 2020

Biểu: 1/BCH

TT	Tên xã/phường/thị trấn	Dân số trung bình					Trạm y tế							Số thôn bản			Tổng số cộng tác viên dân số
		Tổng số	Nữ	Trẻ em <5 tuổi	Trẻ em <15 tuổi	PN từ 15-49 tuổi	Xã đạt Tiêu chí QG về YT	TYT triển khai dự phòng,quản lý điều trị bệnh không lây nhiễm	Xã/ phường có TYT	Bác sỹ định biên	Bác sỹ làm việc	YHCT	HS/ YSSN	Tổng số	Có nhân viên y tế hoạt động	Có cô đỡ được đào tạo	
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*	*17*	*18*
	TỔNG SỐ	**177.469**	**88.058**	**13.367**	**43.589**	**57.204**	**7**	**0**	**0**	**0**	**0**	**9**	**10**	**58**	**58**	**9**	**0**
1	Thị trấn An Phú	11.725	6.112	604	2.287	13.263	0	0	0	0	0	1	1	3	3	2	0
2	Thị trấn Long Bình	9.438	4.771	593	2.281	2.554	0	0	0	0	0	1	1	3	3	1	0
3	Xã Khánh An	11.930	6.002	1.008	3.574	4.581	0	0	0	0	0	0	0	4	4	0	0
4	Xã Khánh Bình	8.095	4.519	612	1.909	2.024	0	0	0	0	0	0	0	4	4	0	0
5	Xã Nhơn Hội	12.255	7.151	690	2.845	3.360	1	0	0	0	0	0	1	3	3	0	0
6	Xã Phú Hội	13.017	6.437	1.055	3.165	2.407	1	0	0	0	0	0	0	5	5	0	0
7	Xã Phú Hữu	18.751	8.231	1.533	4.511	5.346	1	0	0	0	0	1	1	6	6	0	0
8	Xã Phước Hưng	10.701	6.774	860	3.143	1.991	0	0	0	0	0	0	1	4	4	0	0
9	Xã Quốc Thái	13.694	4.246	945	2.783	3.840	1	0	0	0	0	1	0	5	5	5	0
10	Xã Vĩnh Hậu	9.278	4.595	578	1.852	1.602	1	0	0	0	0	1	1	4	4	0	0
11	Xã Vĩnh Hội Đông	13.524	6.808	1.078	3.788	3.684	0	0	0	0	0	1	1	4	4	0	0
12	Xã Vĩnh Lộc	11.078	5.040	969	2.907	4.869	0	0	0	0	0	1	1	5	5	0	0
13	Xã Vĩnh Trường	14.286	7.189	1.152	3.684	2.264	1	0	0	0	0	1	1	4	4	0	0
14	Xã Đa Phước	19.697	10.183	1.690	4.860	5.419	1	0	0	0	0	1	1	4	4	1	0

Tình trạng phê duyệt: Đã duyệt và đã chấp nhận ở tuyến trên

Download Excel

5.3. Hướng dẫn Sở Y tế phê duyệt báo cáo

5.3.1. Quy trình phê duyệt số liệu

Bước 1: Mở báo cáo muốn phê duyệt

An Giang

TÌNH HÌNH MẮC VÀ TỬ VONG DO TAI BIẾN SẢN KHOA

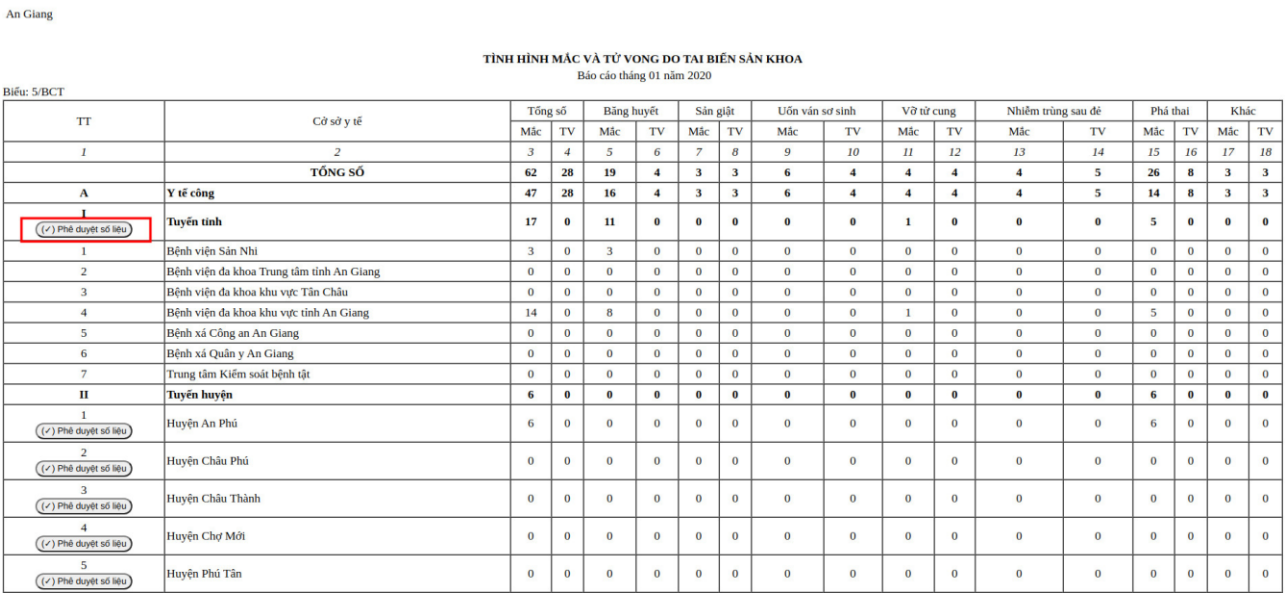
Báo cáo tháng 01 năm 2020

Biểu: 5/BCT

TT	Cơ sở y tế	Tổng số		Băng huyết		Sản giật		Uốn ván sơ sinh		Vỡ tử cung		Nhiễm trùng sau đẻ		Phá thai		Khác	
		Mắc	TV	Mắc	TV	Mắc	TV	Mắc	TV	Mắc	TV	Mắc	TV	Mắc	TV	Mắc	TV
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*	*17*	*18*
	TỔNG SỐ	**62**	**28**	**19**	**4**	**3**	**3**	**6**	**4**	**4**	**4**	**4**	**5**	**26**	**8**	**3**	**3**
A	**Y tế công**	**47**	**28**	**16**	**4**	**3**	**3**	**6**	**4**	**4**	**4**	**4**	**5**	**14**	**8**	**3**	**3**
I (✓) Phê duyệt số liệu	**Tuyến tỉnh**	**17**	**0**	**11**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**1**	**0**	**0**	**0**	**5**	**0**	**0**	**0**
1	Bệnh viện Sản Nhi	3	0	3	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
2	Bệnh viện đa khoa Trung tâm tỉnh An Giang	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
3	Bệnh viện đa khoa khu vực Tân Châu	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
4	Bệnh viện đa khoa khu vực tỉnh An Giang	14	0	8	0	0	0	0	0	1	0	0	0	5	0	0	0
5	Bệnh xá Công an An Giang	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
6	Bệnh xá Quân y An Giang	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
7	Trung tâm Kiểm soát bệnh tật	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
II	**Tuyến huyện**	**6**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**6**	**0**	**0**	**0**
1 (✓) Phê duyệt số liệu	Huyện An Phú	6	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	6	0	0	0
2 (✓) Phê duyệt số liệu	Huyện Châu Phú	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
3 (✓) Phê duyệt số liệu	Huyện Châu Thành	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
4 (✓) Phê duyệt số liệu	Huyện Chợ Mới	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
5 (✓) Phê duyệt số liệu	Huyện Phú Tân	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0

Bước 2: Phê duyệt số liệu báo cáo của các cơ sở y tế tuyến tỉnh

Sở Y tế rà soát số liệu báo cáo của các cơ sở y tế công lập và tư nhân tuyến tỉnh, nếu đúng nhấn nút phê duyệt số liệu.



An Giang

TÌNH HÌNH MẮC VÀ TỬ VONG DO TAI BIẾN SẢN KHOA

Báo cáo tháng 01 năm 2020

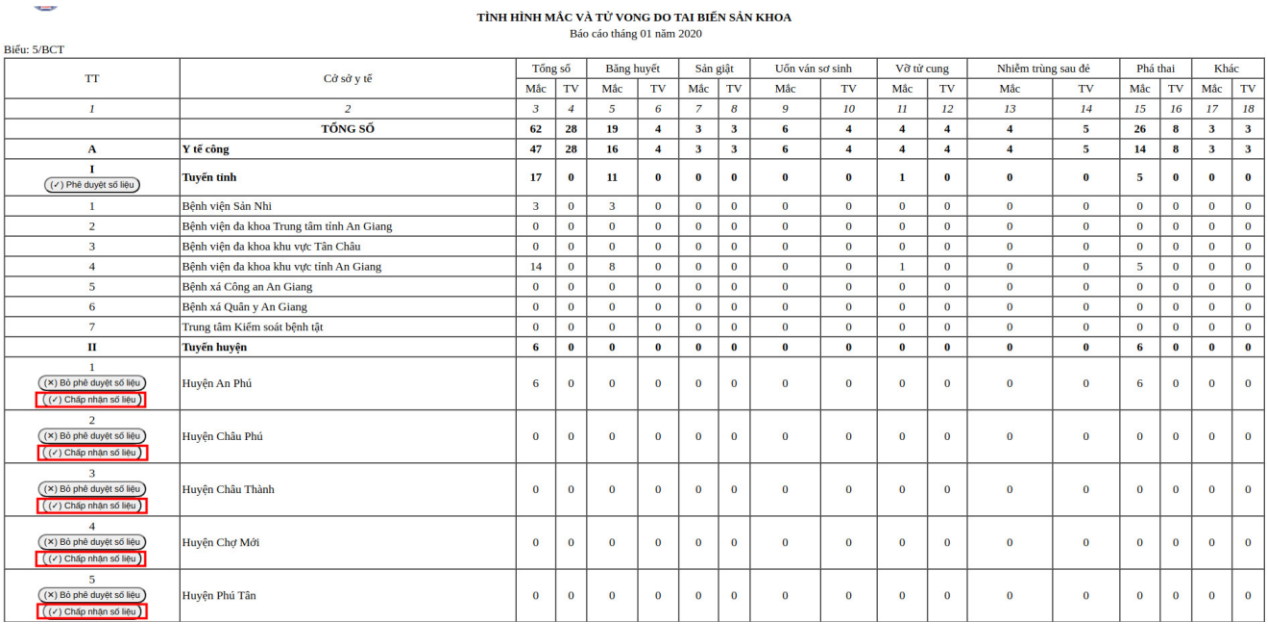
Biểu: 5/BCT

TT	Cở sở y tế	Tổng số		Băng huyết		Sản giật		Uốn ván sơ sinh		Vỡ tử cung		Nhiễm trùng sau đẻ		Phá thai		Khác	
		Mắc	TV	Mắc	TV	Mắc	TV	Mắc	TV	Mắc	TV	Mắc	TV	Mắc	TV	Mắc	TV
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*	*17*	*18*
	TỔNG SỐ	**62**	**28**	**19**	**4**	**3**	**3**	**6**	**4**	**4**	**4**	**4**	**5**	**26**	**8**	**3**	**3**
A	**Y tế công**	**47**	**28**	**16**	**4**	**3**	**3**	**6**	**4**	**4**	**4**	**4**	**5**	**14**	**8**	**3**	**3**
I (✓) Phê duyệt số liệu	**Tuyến tỉnh**	**17**	**0**	**11**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**1**	**0**	**0**	**0**	**5**	**0**	**0**	**0**
1	Bệnh viện Sản Nhi	3	0	3	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
2	Bệnh viện đa khoa Trung tâm tỉnh An Giang	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
3	Bệnh viện đa khoa khu vực Tân Châu	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
4	Bệnh viện đa khoa khu vực tỉnh An Giang	14	0	8	0	0	0	0	0	1	0	0	0	5	0	0	0
5	Bệnh xá Công an An Giang	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
6	Bệnh xá Quân y An Giang	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
7	Trung tâm Kiểm soát bệnh tật	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
II	**Tuyến huyện**	**6**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**6**	**0**	**0**	**0**
1 (✓) Phê duyệt số liệu	Huyện An Phú	6	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	6	0	0	0
2 (✓) Phê duyệt số liệu	Huyện Châu Phú	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
3 (✓) Phê duyệt số liệu	Huyện Châu Thành	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
4 (✓) Phê duyệt số liệu	Huyện Chợ Mới	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
5 (✓) Phê duyệt số liệu	Huyện Phú Tân	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0

Sau khi Sở Y tế phê duyệt số liệu báo cáo tỉnh, các cơ sở y tế công lập và tư nhân tuyến tỉnh sẽ không thể sửa số liệu trong phần Nhập liệu. Các đơn vị sẽ nhận được thông báo "**Biểu nhập bị khóa**" khi mở biểu.

Bước 3: Phê duyệt và chấp nhận số liệu báo cáo tuyến huyện

Trường hợp 1: Trung tâm y tế đã phê duyệt số liệu báo cáo huyện. Khi đó, Sở Y tế rà soát số liệu, nếu đúng nhấn nút "**Chấp nhận số liệu**". Nếu số liệu chưa đúng, Sở Y tế có thể bỏ phê duyệt và yêu cầu Trung tâm y tế kiểm tra, rà soát lại.



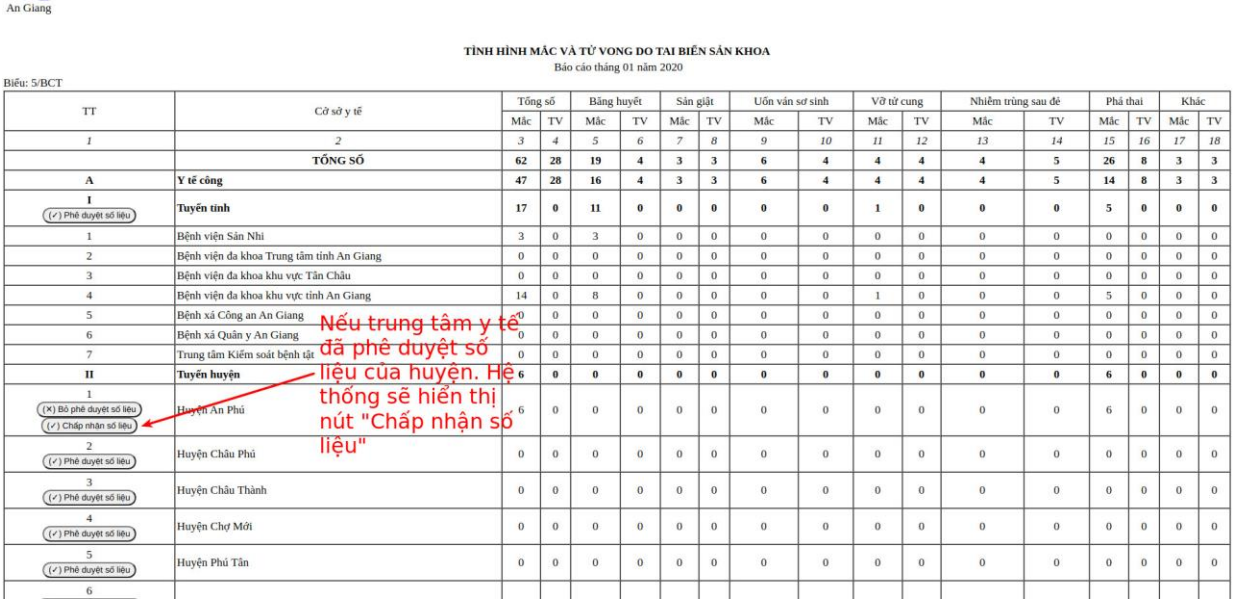
TÌNH HÌNH MẮC VÀ TỬ VONG DO TAI BIẾN SẢN KHOA

Báo cáo tháng 01 năm 2020

Biểu: 5/BCT

TT	Cở sở y tế	Tổng số		Băng huyết		Sản giật		Uốn ván sơ sinh		Vỡ tử cung		Nhiễm trùng sau đẻ		Phá thai		Khác	
		Mắc	TV	Mắc	TV	Mắc	TV	Mắc	TV	Mắc	TV	Mắc	TV	Mắc	TV	Mắc	TV
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*	*17*	*18*
	TỔNG SỐ	**62**	**28**	**19**	**4**	**3**	**3**	**6**	**4**	**4**	**4**	**4**	**5**	**26**	**8**	**3**	**3**
A	**Y tế công**	**47**	**28**	**16**	**4**	**3**	**3**	**6**	**4**	**4**	**4**	**4**	**5**	**14**	**8**	**3**	**3**
I (✓) Phê duyệt số liệu	**Tuyến tỉnh**	**17**	**0**	**11**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**1**	**0**	**0**	**0**	**5**	**0**	**0**	**0**
1	Bệnh viện Sản Nhi	3	0	3	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
2	Bệnh viện đa khoa Trung tâm tỉnh An Giang	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
3	Bệnh viện đa khoa khu vực Tân Châu	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
4	Bệnh viện đa khoa khu vực tỉnh An Giang	14	0	8	0	0	0	0	0	1	0	0	0	5	0	0	0
5	Bệnh xá Công an An Giang	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
6	Bệnh xá Quân y An Giang	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
7	Trung tâm Kiểm soát bệnh tật	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
II	**Tuyến huyện**	**6**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**6**	**0**	**0**	**0**
1 (✕) Bỏ phê duyệt số liệu (✓) Chấp nhận số liệu	Huyện An Phú	6	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	6	0	0	0
2 (✕) Bỏ phê duyệt số liệu (✓) Chấp nhận số liệu	Huyện Châu Phú	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
3 (✕) Bỏ phê duyệt số liệu (✓) Chấp nhận số liệu	Huyện Châu Thành	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
4 (✕) Bỏ phê duyệt số liệu (✓) Chấp nhận số liệu	Huyện Chợ Mới	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
5 (✕) Bỏ phê duyệt số liệu (✓) Chấp nhận số liệu	Huyện Phú Tân	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0

Trường hợp 2: Trung tâm y tế chưa phê duyệt số liệu báo cáo huyện (lúc này hệ thống chưa hiển thị nút Chấp nhận số liệu). Sở Y tế có thể rà soát số liệu và thực hiện cả chức năng phê duyệt và chấp nhận số liệu, hoặc yêu cầu Trung tâm y tế phê duyệt số liệu trước khi chấp nhận số liệu.



TT	Cở sở y tế	Tổng số		Băng huyết		Sản giật		Uốn ván sơ sinh		Vỡ tử cung		Nhiễm trùng sau đẻ		Phá thai		Khác	
		Mắc	TV	Mắc	TV	Mắc	TV	Mắc	TV	Mắc	TV	Mắc	TV	Mắc	TV	Mắc	TV
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*	*17*	*18*
	TỔNG SỐ	**62**	**28**	**19**	**4**	**3**	**3**	**6**	**4**	**4**	**4**	**4**	**5**	**26**	**8**	**3**	**3**
A	**Y tế công**	**47**	**28**	**16**	**4**	**3**	**3**	**6**	**4**	**4**	**4**	**4**	**5**	**14**	**8**	**3**	**3**
I (✓) Phê duyệt số liệu	**Tuyến tỉnh**	**17**	**0**	**11**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**1**	**0**	**0**	**0**	**5**	**0**	**0**	**0**
1	Bệnh viện Sản Nhi	3	0	3	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
2	Bệnh viện đa khoa Trung tâm tỉnh An Giang	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
3	Bệnh viện đa khoa khu vực Tân Châu	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
4	Bệnh viện đa khoa khu vực tỉnh An Giang	14	0	8	0	0	0	0	0	1	0	0	0	5	0	0	0
5	Bệnh xá Công an An Giang	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
6	Bệnh xá Quân y An Giang	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
7	Trung tâm Kiểm soát bệnh tật	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
II	**Tuyến huyện**	**6**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**6**	**0**	**0**	**0**
1 (✗) Bỏ phê duyệt số liệu (✓) Chấp nhận số liệu	Huyện An Phú	6	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	6	0	0	0
2 (✓) Phê duyệt số liệu	Huyện Châu Phú	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
3 (✓) Phê duyệt số liệu	Huyện Châu Thành	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
4 (✓) Phê duyệt số liệu	Huyện Chợ Mới	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
5 (✓) Phê duyệt số liệu	Huyện Phú Tân	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
6																	

Bước 4: Phê duyệt và chấp nhận số liệu báo cáo tuyến xã

Trường hợp 1: Trung tâm y tế đã phê duyệt số liệu báo cáo xã. Khi đó, Sở Y tế rà soát số liệu, nếu đúng nhấn nút "**Chấp nhận số liệu**". Nếu số liệu chưa đúng, Sở Y tế có thể bỏ phê duyệt và yêu cầu Trung tâm y tế kiểm tra, rà soát lại.

III	Tuyến xã	24	28	5	4	3	3	6	4	3	4	4	5	3	8	3	3
1 (✗) Bỏ phê duyệt số liệu (✓) Chấp nhận số liệu	Huyện An Phú	22	26	4	3	3	3	6	4	3	4	3	4	3	8	3	3
2 (✗) Bỏ phê duyệt số liệu (✓) Chấp nhận số liệu	Huyện Châu Phú	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
3 (✗) Bỏ phê duyệt số liệu (✓) Chấp nhận số liệu	Huyện Châu Thành	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
4 (✗) Bỏ phê duyệt số liệu (✓) Chấp nhận số liệu	Huyện Chợ Mới	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
5 (✗) Bỏ phê duyệt số liệu (✓) Chấp nhận số liệu	Huyện Phú Tân	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0

Trường hợp 2: Trung tâm y tế chưa phê duyệt số liệu báo cáo xã (lúc này hệ thống chưa hiển thị nút Chấp nhận số liệu). Sở Y tế có thể rà soát số liệu và thực hiện cả chức năng phê duyệt và chấp nhận số liệu, hoặc yêu cầu Trung tâm y tế phê duyệt số liệu trước khi chấp nhận số liệu.

Lưu ý:

- Sau khi Sở Y tế chấp nhận số liệu báo cáo huyện, xã, Trung tâm y tế sẽ không thể bỏ phê duyệt. Trường hợp cần sửa số liệu, Sở Y tế phải bỏ chấp nhận sau đó Trung tâm y tế bỏ phê duyệt.

- Sở Y tế có thể phân công đơn vị đầu mối tuyến tỉnh (ví dụ CDC) phê duyệt các báo cáo thuộc lĩnh vực quản lý.

6. TÓM LƯỢT TỶ LỆ BÁO CÁO

Chức năng **Tóm lượt tỷ lệ báo cáo** cho phép đơn vị tuyến trên có thể kiểm tra bao nhiêu đơn vị đã thực hiện nhập dữ liệu trong kỳ báo.Từ đó, kiểm tra chất lượng dữ liệu trước khi tiến hành các hoạt động phân tích.

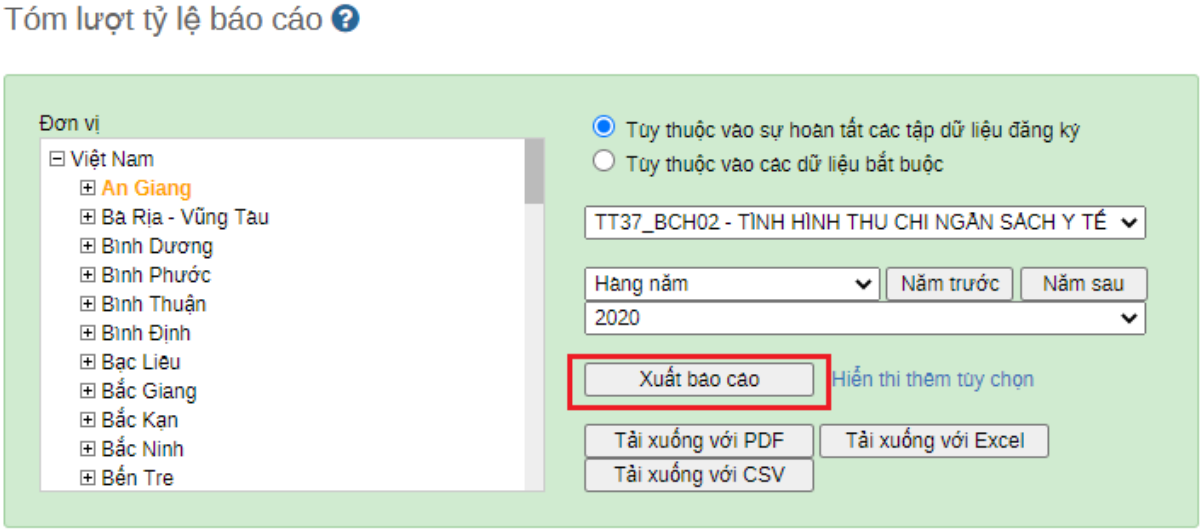
Để sử dụng chức năng Tóm lượt tỷ lệ báo cáo: Chọn biểu tượng  -> Chọn **Báo cáo tổng hợp** -> Chọn **Tóm lượt tỷ lệ báo cáo**



(Màn hình minh họa)

Thực thi Tóm lượt tỷ lệ báo cáo:

- Chọn đơn vị từ cây đơn vị;
- Chọn một phương thức hoàn chỉnh (Ví dụ: Tùy thuộc vào sự hoàn tất các tập dữ liệu đăng ký);
- Chọn biểu nhập muốn tóm lượt tỷ lệ báo cáo;
- Chọn loại thời điểm (Hàng ngày, hàng tuần, hàng tháng…) và thời điểm của loại thời điểm mà bạn đã chọn. Dùng nút Năm trước/Năm sau để chuyển đến thời điểm trước hoặc sau;
- Bấm vào nút Xuất báo cáo.



(Màn hình minh họa)

Hệ thống sẽ hiện ra bảng, liệt kê 06 cột bao gồm:

- Tên đơn vị được chọn;
- Biểu nhập đã hoàn tất;
- Biểu nhập cần hoàn tất;
- Tỷ lệ biểu nhập hoàn tất;
- Biểu nhập hoàn tất đúng hạn;
- Tỷ lệ biểu nhập hoàn tất đúng hạn.

Khi có sự thay đổi, báo cáo tóm lược sẽ được cập nhật tự động.

An Giang - TT37_BCH09 - CƠ SỞ, GIƯỜNG BỆNH VÀ HOẠT ĐỘNG KHÁM CHỮA BỆNH - Tháng ba 2020

Tên	Biểu nhập đã hoàn tất	Biểu nhập cần hoàn tất	Tỉ lệ biểu nhập hoàn tất	Biểu nhập hoàn tất đúng hạn	Tỉ lệ biểu nhập hoàn tất đúng hạn
Huyện Châu Phú	0	2	0	0	0
Huyện Thoại Sơn	0	2	0	0	0
Thị xã Tân Châu	0	2	0	0	0
Thành phố Long Xuyên	0	1	0	0	0
Huyện Chợ Mới	0	3	0	0	0
Huyện Phú Tân	0	2	0	0	0

(Màn hình minh họa)

Lưu ý: Tóm lượt tỷ lệ báo cáo chỉ chính xác khi ở phần nhập liệu người dùng bấm vào nút ***Hoàn tất.*** *(Xem lại hướng dẫn Kiểm tra tính hợp lệ của dữ liệu ở mục 4.3).*

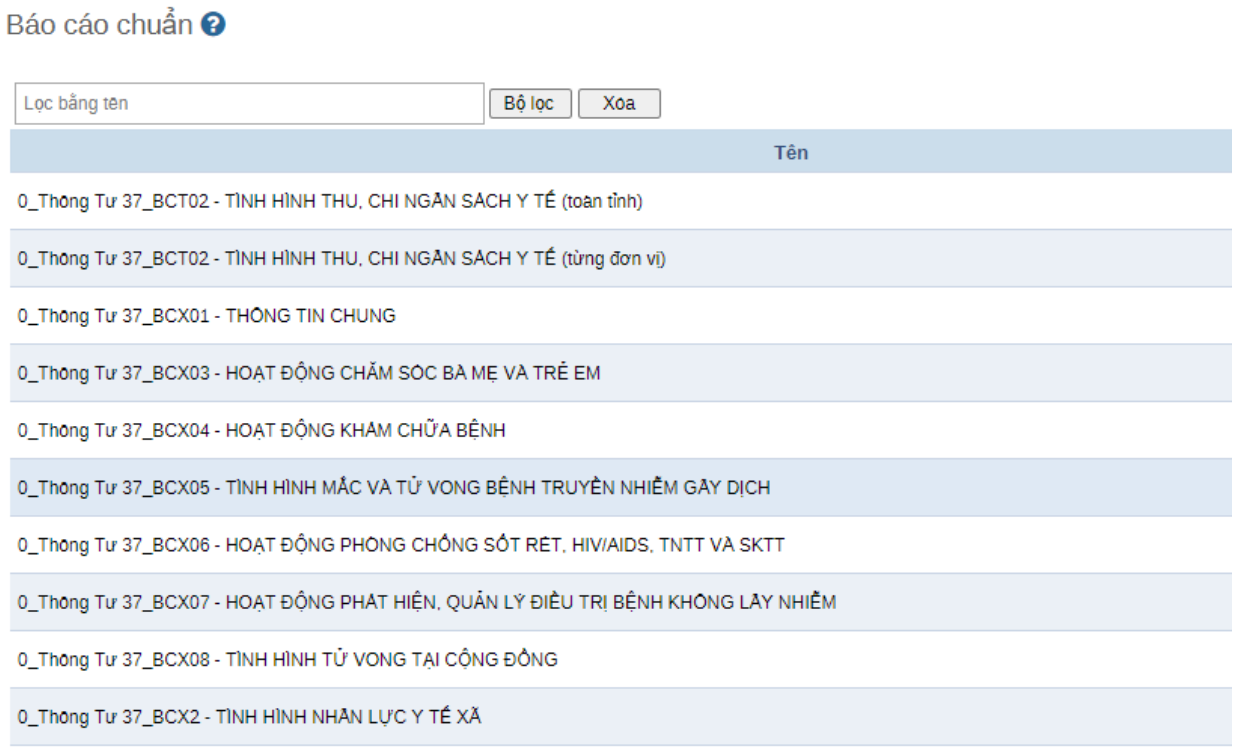
7. BÁO CÁO CHUẨN

Chức năng Báo cáo chuẩn cho phép người dùng có thể xem và kết xuất các báo cáo chuẩn theo đúng biểu mẫu quy định của Thông tư số 37/2019/TT-BYT.

Từ trang chủ, chọn biểu tượng  → Chọn **Báo cáo tổng hợp** → Chọn **Báo cáo chuẩn.** Khi bấm vào mục **Báo cáo chuẩn**, hệ thống sẽ hiển thị danh sách báo cáo có thể xem.



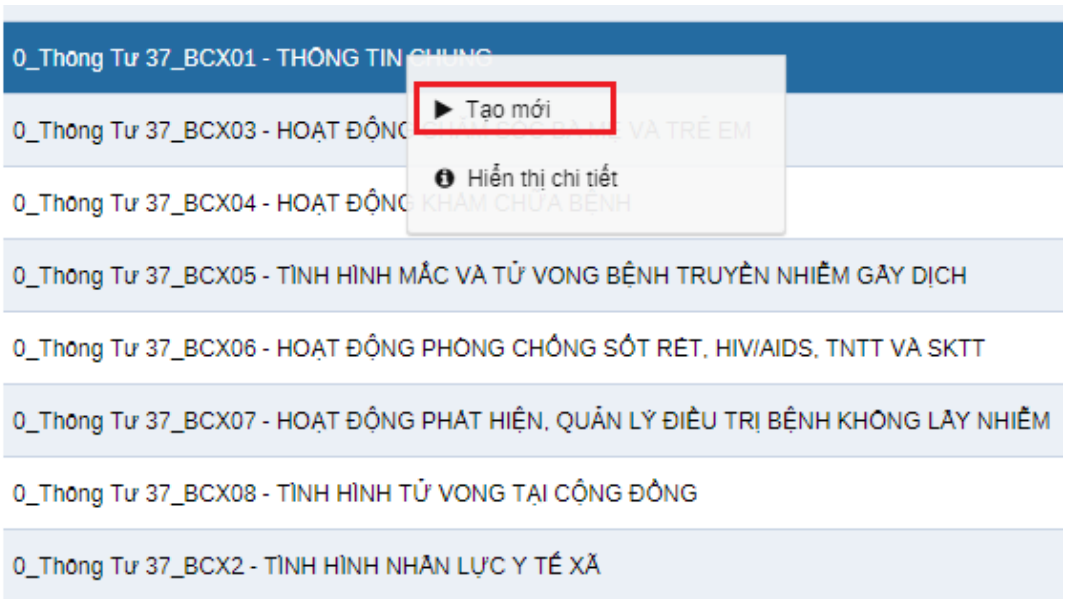
(Màn hình minh họa)



(Màn hình minh họa)

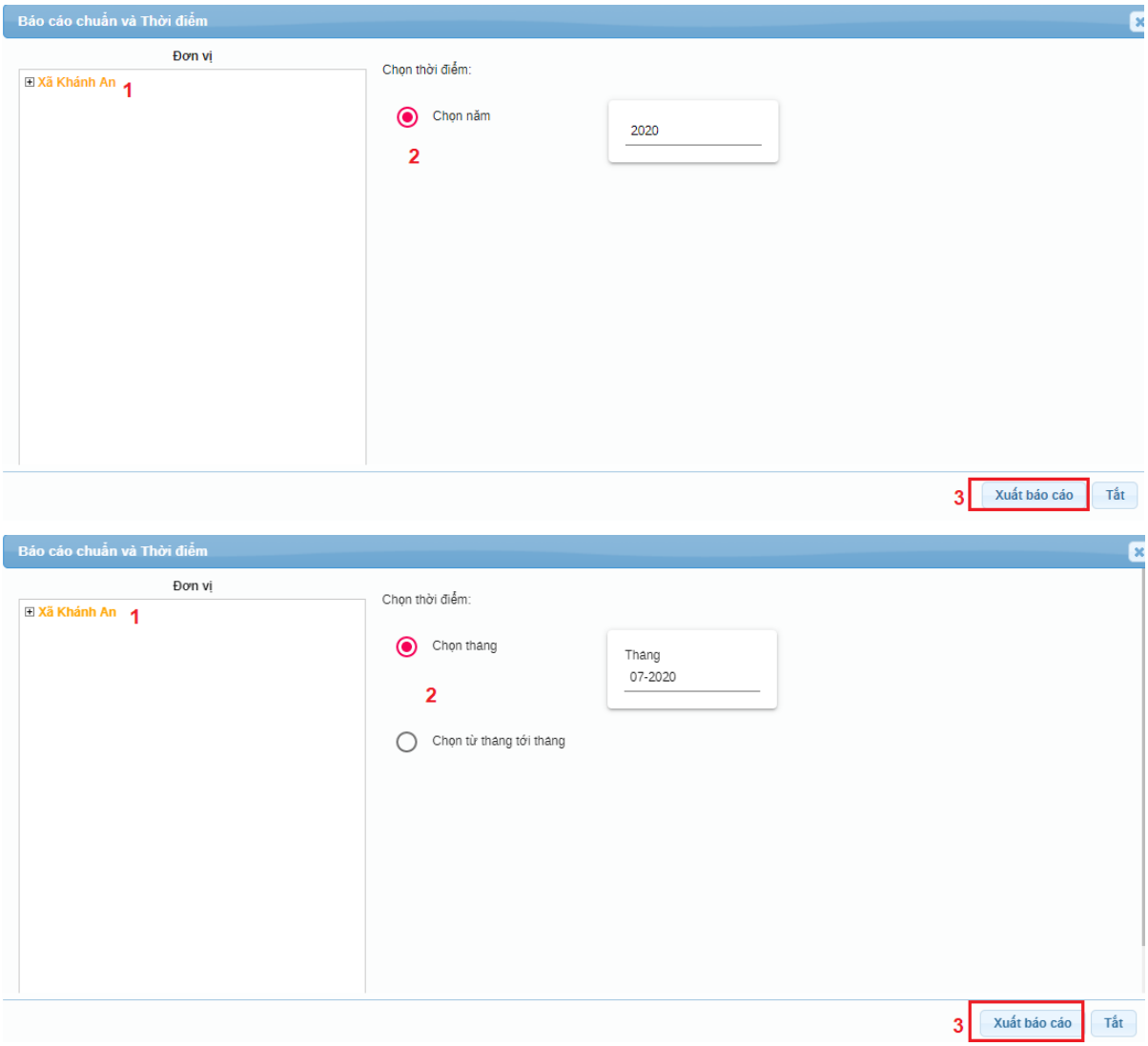
Trong hệ thống có 36 báo cáo, gồm *8 mẫu báo cáo tuyến xã, 14 mẫu báo cáo tuyến huyện và 14 mẫu báo cáo tuyến tỉnh*, trong đó báo cáo tuyến huyện và báo cáo tuyến tỉnh có 2 loại là báo cáo *Toàn huyện/Toàn tỉnh* (báo cáo toàn huyện dành cho trung tâm y tế huyện, báo cáo toàn tỉnh dành cho Sở Y tế) và báo cáo *Từng đơn vị* (báo cáo dành cho các đơn vị trực thuộc huyện/tỉnh).

Để xem báo cáo, nhấp chuột trái vào tên báo cáo cần xem → chọn **Tạo mới**



(Màn hình minh họa)

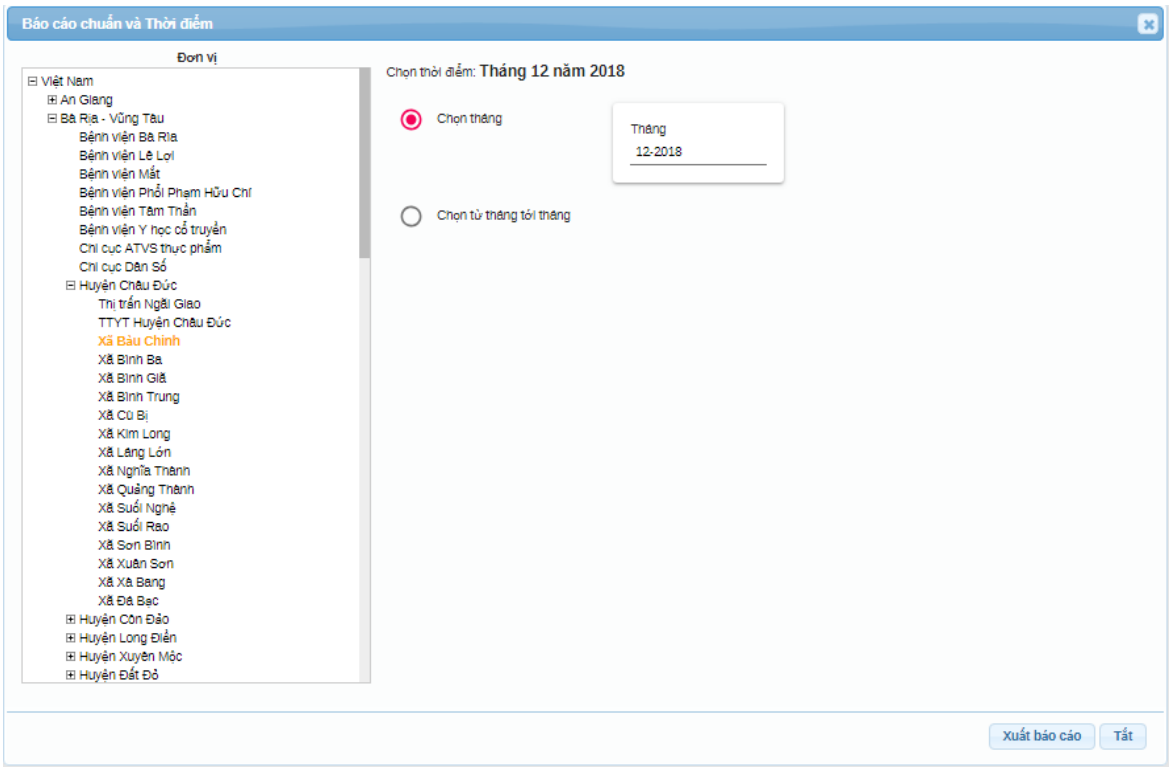
Hệ thống hiển thị giao diện lựa chọn đơn vị và thời điểm của báo cáo cần xem. Thực hiện Chọn đơn vị → Chọn thời điểm → Nhấn nút Xuất báo cáo



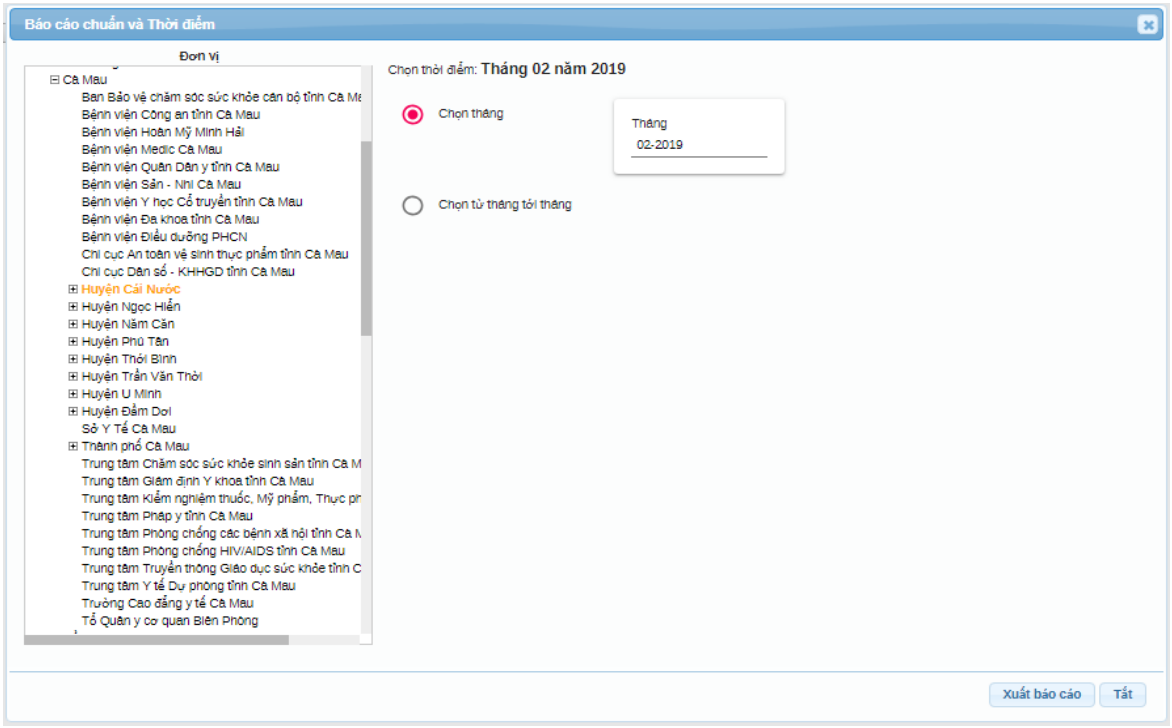
(Màn hình minh họa)

*** Chọn đơn vị:**

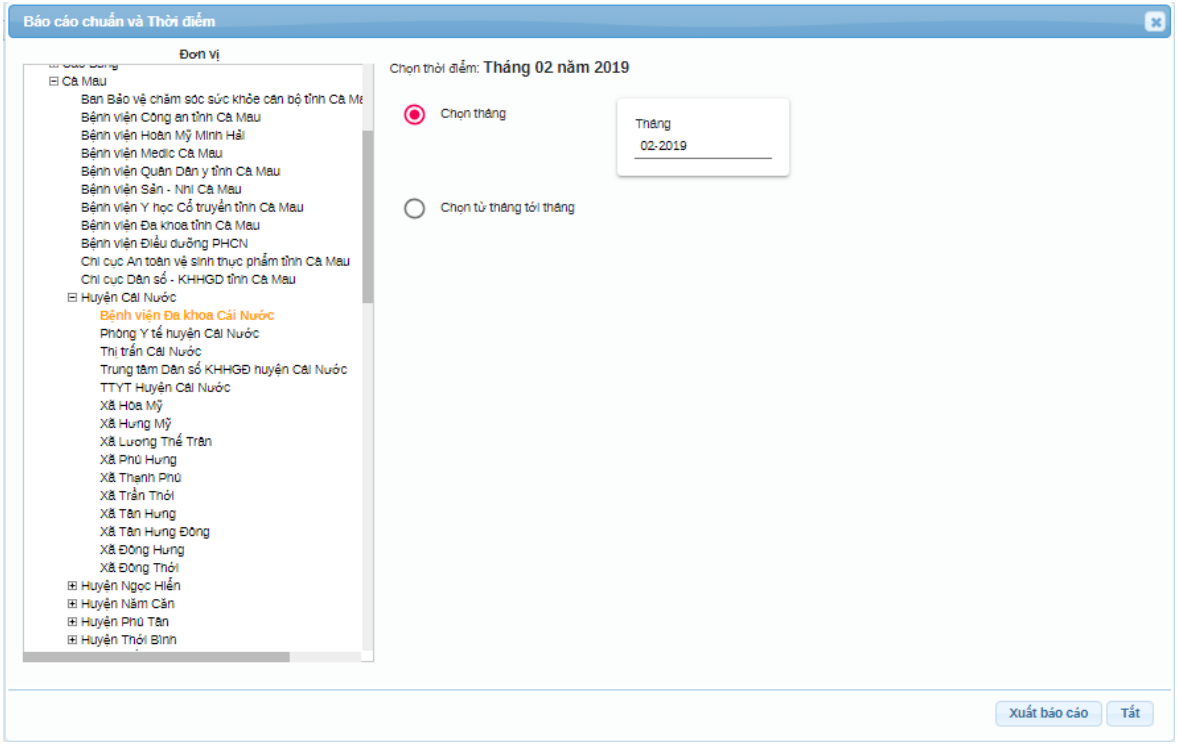
- Xem báo cáo tuyến xã: Bấm chọn tên xã cần xem.



- Xem báo cáo tuyến huyện/tỉnh:
    - Báo cáo toàn huyện/toàn tỉnh: chọn tên huyện/tên tỉnh.

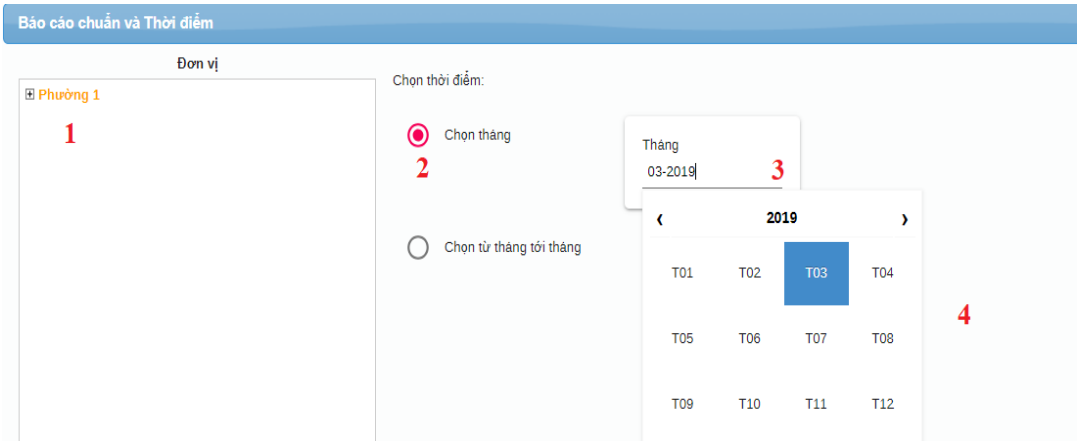


    - Báo cáo từng đơn vị: Chọn tên đơn vị cần xem.



* Chọn thời điểm

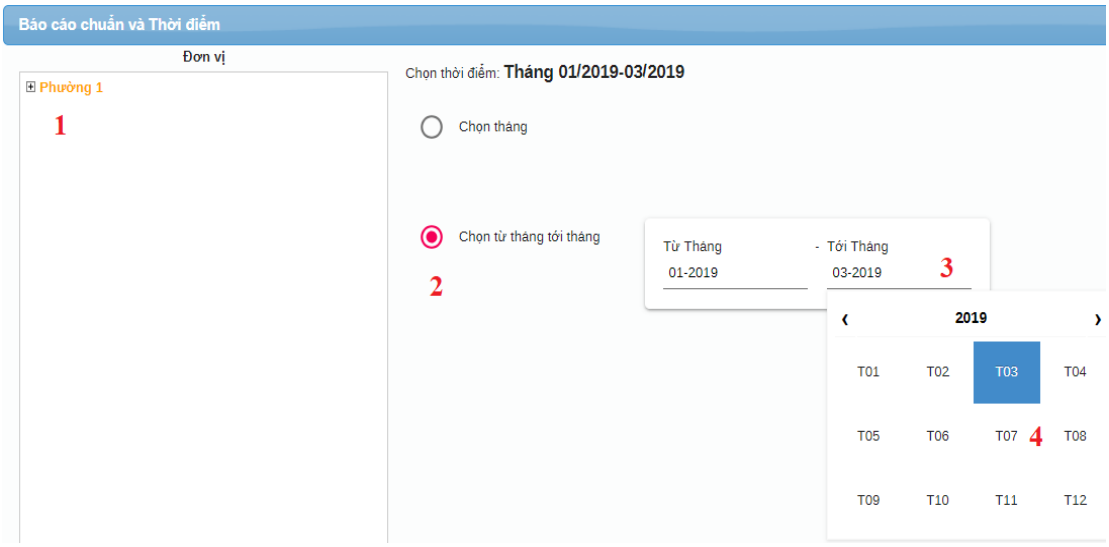
Trường hợp 1: Xem từng tháng



- Bấm chọn nút “Chọn tháng”
- Bấm chọn ô “Tháng”
- Chọn tháng cần xem

  Lưu ý bấm chọn nút mũi tên (<,>) để chuyển năm

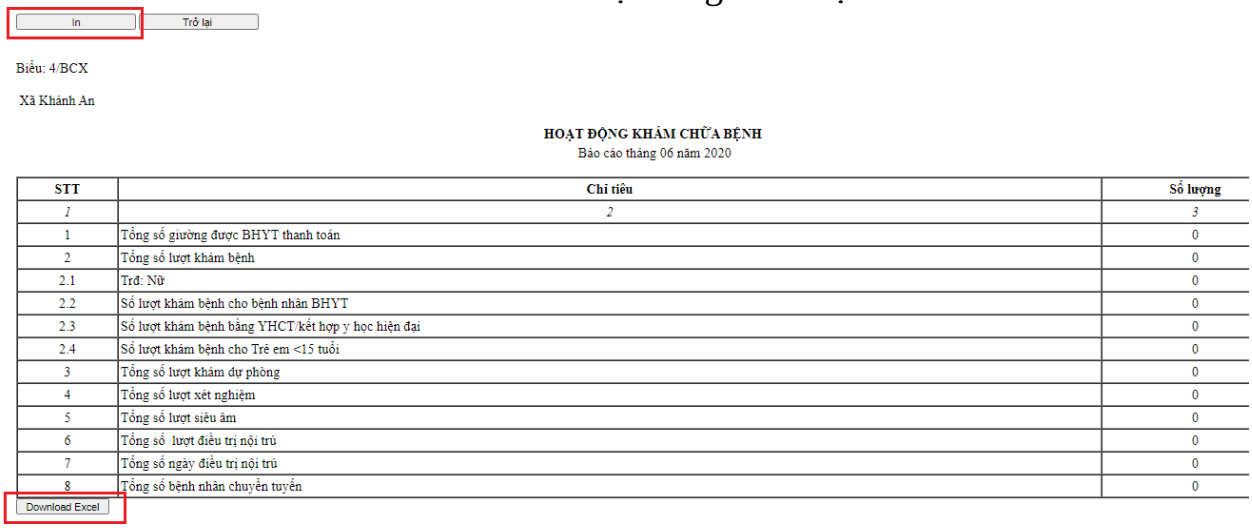
Trường hợp 2: Xem báo cáo 3,6,9,12 tháng



- Bấm chọn nút "Chọn từ tháng đến tháng"
- Ô Từ tháng: chọn tháng bắt đầu kỳ báo cáo cần xem
- Ô Đến tháng: chọn tháng kết thúc kỳ báo cáo cần xem

Lưu ý bấm chọn nút mũi tên (<,>) để chuyển năm

Sau khi nhấn nút Xuất báo cáo. Hệ thống hiển thị Báo cáo như sau:



STT	Chỉ tiêu	Số lượng
1	*2*	*3*
1	Tổng số giường được BHYT thanh toán	0
2	Tổng số lượt khám bệnh	0
2.1	Trđ: Nữ	0
2.2	Số lượt khám bệnh cho bệnh nhân BHYT	0
2.3	Số lượt khám bệnh bằng YHCT/kết hợp y học hiện đại	0
2.4	Số lượt khám bệnh cho Trẻ em <15 tuổi	0
3	Tổng số lượt khám dự phòng	0
4	Tổng số lượt xét nghiệm	0
5	Tổng số lượt siêu âm	0
6	Tổng số lượt điều trị nội trú	0
7	Tổng số ngày điều trị nội trú	0
8	Tổng số bệnh nhân chuyển tuyến	0

(Màn hình minh họa)

Bạn có thể in báo cáo trực tiếp bằng cách nhấn vào nút **In** hoặc tải về báo cáo dưới dạng file excel bằng cách nhấn vào nút **Download Excel**.

8. SỬ DỤNG BẢNG XOAY (PIVOT TABLE)

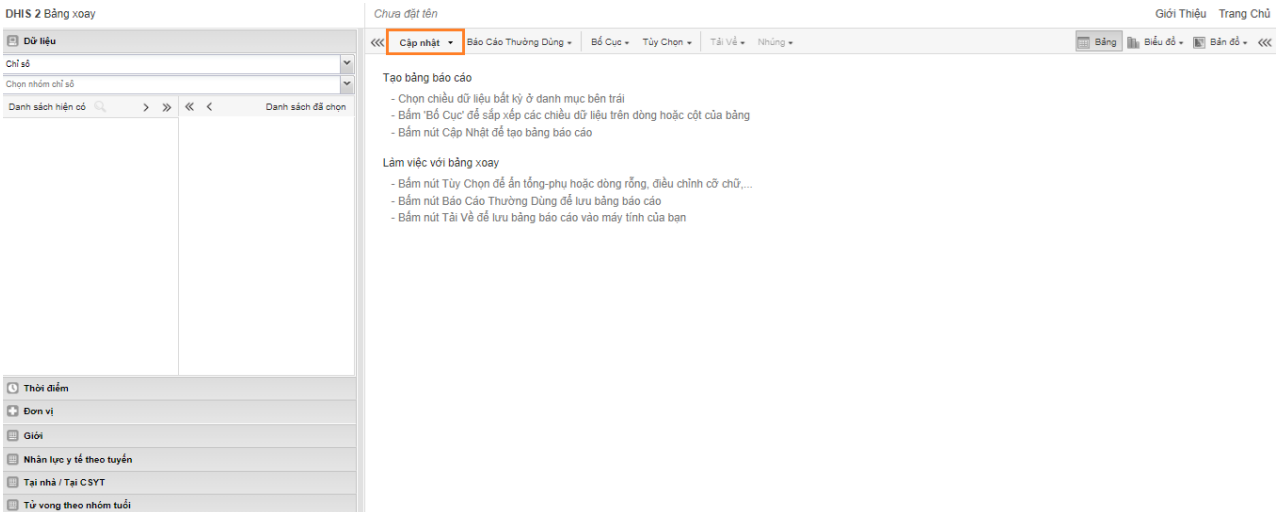
8.1. Tổng quan Bảng xoay

Bảng xoay là một ứng dụng cho phép người dùng tạo ra báo cáo dạng bảng, sử dụng tất cả chiều dữ liệu trong hệ thống. Các chiều dữ liệu chính của hệ thống là dữ liệu (phần tử dữ liệu, chỉ số…), thời gian (kỳ báo cáo), đơn vị và chiều dữ liệu phụ (nhóm phân loại, tập hợp nhóm đơn vị…)

Đây là một công cụ động cho phép người dùng phân tích dữ liệu. Bảng xoay cho phép thay đổi dữ liệu cột và hàng theo ý muốn của người sử dụng. Để sử dụng ứng dụng **Bảng xoay**, nhấp chuột vào  chọn **Bảng xoay**.



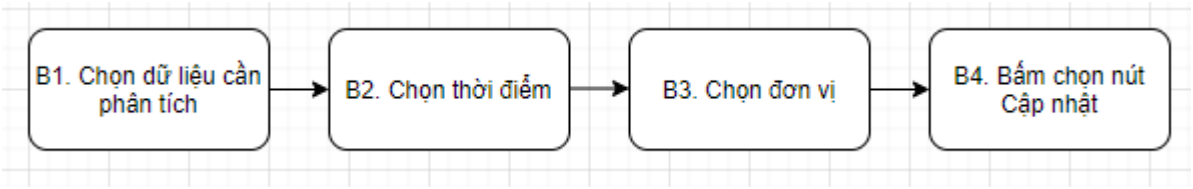
Hệ thống hiển thị giao diện để tạo bảng xoay như sau:



(Màn hình minh họa)

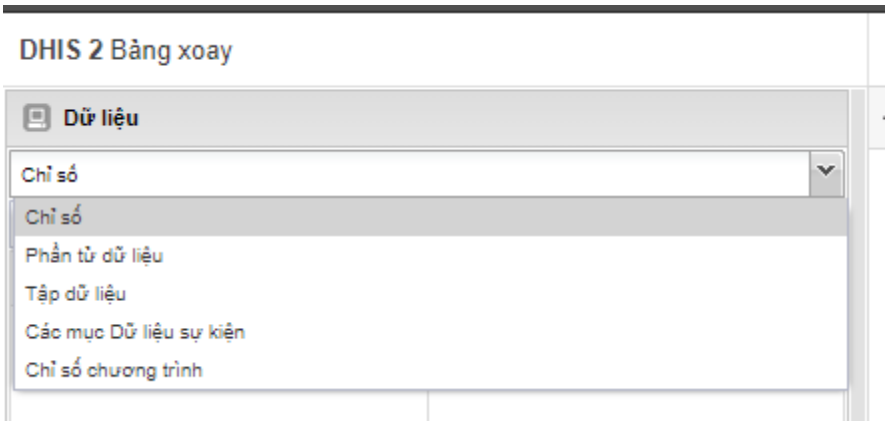
8.2. Tạo bảng xoay

Các bước căn bản để tạo một bảng xoay đơn giản:



8.2.1. Chọn Dữ liệu (Data)

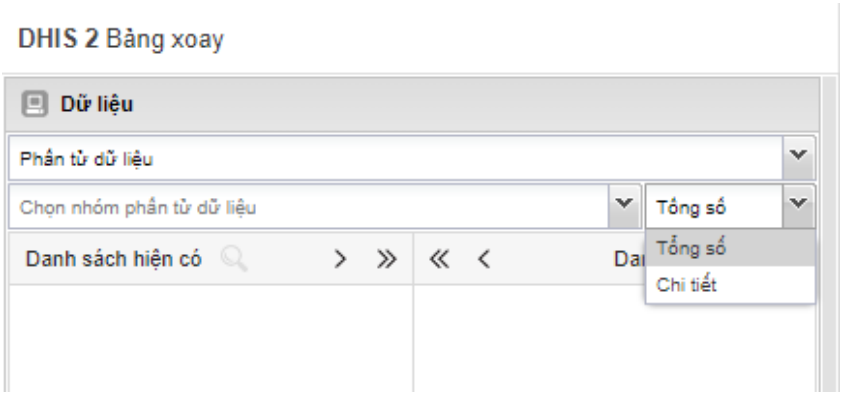
Dữ liệu trong **Bảng xoay** cho phép bạn chọn loại dữ liệu muốn phân tích, gồm **Phần tử dữ liệu, Chỉ số, Tập dữ liệu, Các mục dữ liệu sự kiện, Chỉ số chương trình.**



(Màn hình minh họa)

- Phần tử dữ liệu: Khai thác tất cả các chỉ tiêu được nhập ở phần Nhập dữ liệu
- Chỉ số: Khai thác các chỉ tiêu thống kê cơ bản ngành y tế (theo Thông tư số 20/2020)
- Tập dữ liệu: Khai thác tỷ lệ nhập dữ liệu cho các biểu nhập
- Các mục dữ liệu sự kiện: Khai thác các chỉ tiêu được nhập ở phần Ghi sự kiện
- Chỉ số chương trình: Các chỉ tiêu tổng hợp được tính toán dựa trên các mục dữ liệu sự kiện.

Nếu bạn chọn **Phần tử dữ liệu**, bạn sẽ có thêm 2 lựa chọn phân tích là **Tổng số (**hiển thị các phần tử dữ liệu) hoặc **Chi tiết (**hiển thị phần tử dữ liệu cùng với phân loại của nó).



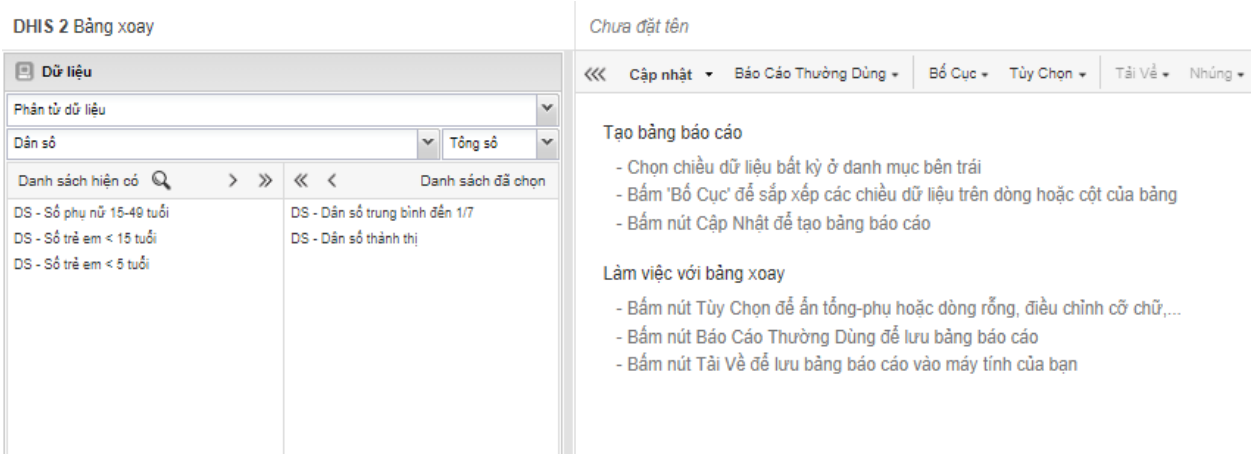
(Màn hình minh họa)

Trong phạm vi tài liệu này, chúng ta chỉ tập trung khai thác **Phần tử dữ liệu và Chỉ số**.

Các bước chọn dữ liệu:

- Bấm chọn **Phần tử dữ liệu**
- Để thuận tiện cho các bạn khi chọn phần tử dữ liệu, phần mềm đã tạo ra các nhóm phần tử dữ liệu. Bấm chọn **Nhóm Phần tử dữ liệu**

- Khi chọn danh sách **Phần tử dữ liệu** sẽ hiện ra ở phần *Danh sách hiện có*. Nhấp đúp chuột vào dữ liệu bạn muốn phân tích để chuyển sang *Danh sách đã chọn*. Nếu chọn nhiều dữ liệu, bạn có thể giữ **Ctrl hoặc Shift** khi chọn và sử dụng biểu tượng ">" để chuyển những dữ liệu đã chọn sang Danh sách đã chọn, biểu tượng ">>" để chuyển ***tất cả*** phần tử dữ liệu/chỉ số ở phần Danh sách hiện có sang Danh sách đã chọn. Sử dụng biểu tượng "<" và "<<" để chuyển ngược từ Danh sách đã chọn về Danh sách hiện có.

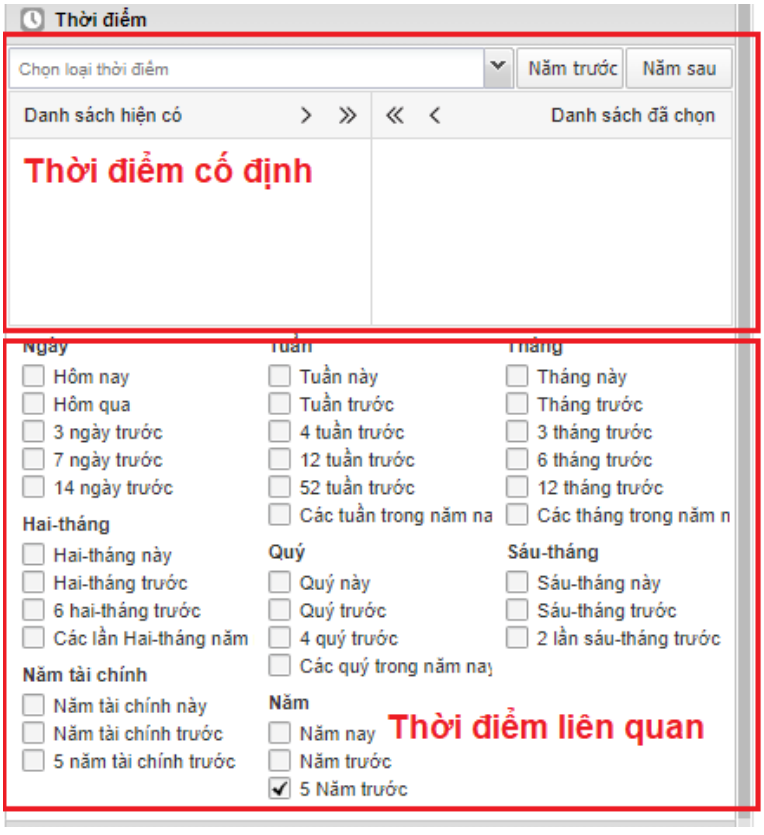


(Màn hình minh họa)

8.2.2. Chọn thời điểm (Periods)

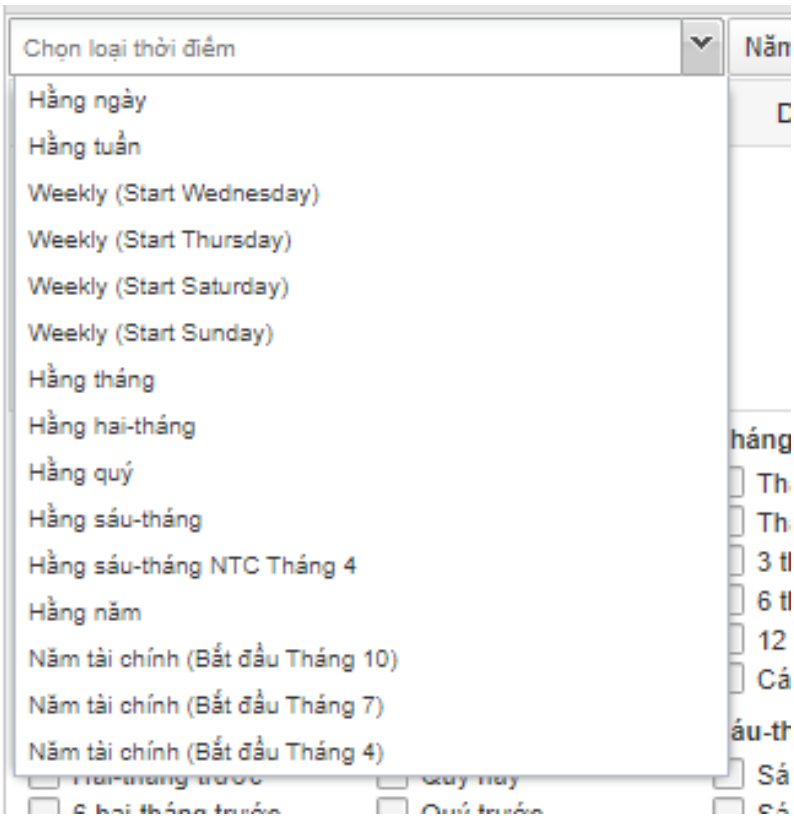
Bấm chọn mục Thời điểm.

Có 2 cách lựa chọn thời điểm: **Thời điểm cố định** và **Thời điểm liên quan**.



Cách 1: Chọn Thời điểm cố định

- **Chọn loại thời điểm**, khi bấm vào ô chọn **Chọn loại thời điểm**, một danh sách loại sẽ hiện ra cho bạn chọn.



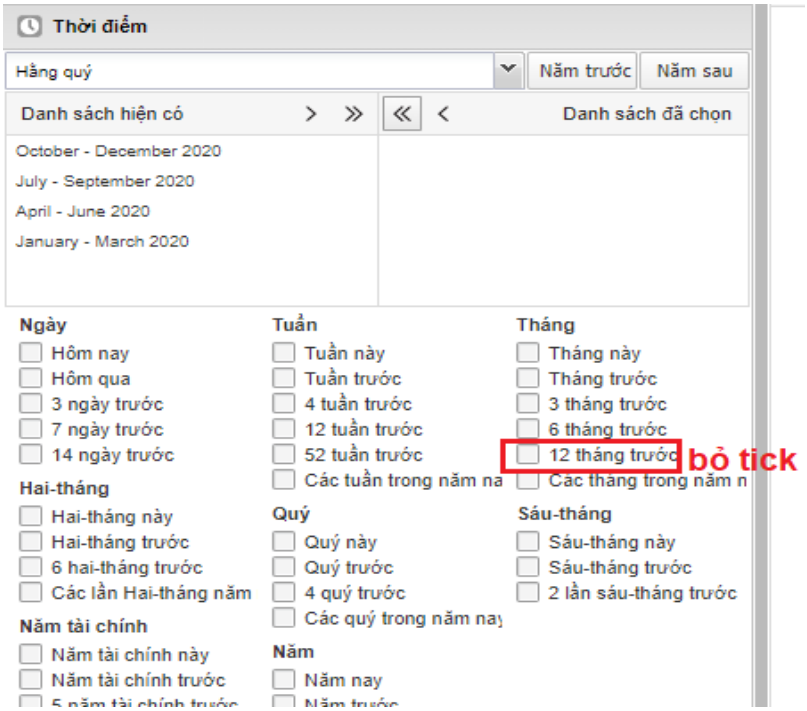
- Sau khi chọn Loại thời điểm, phần mềm sẽ liệt kê danh sách thời điểm của năm hiện tại theo Loại thời điểm mà bạn chọn.

  (Trong màn hình minh họa phía dưới khi chọn loại thời điểm là hàng quý, phần mềm sẽ liệt kê danh sách các quý của năm hiện tại, sắp xếp theo thứ tự từ trên xuống dưới là các quý IV, III, II, I)

  Danh sách này là của năm hiện tại. Bạn có thể bấm vào nút **Năm trước** hay **Năm sau** để chuyển đến năm trước hay năm sau.

- Để chọn thời điểm nào bạn nhấp đúp chuột trái vào tên thời điểm đó, khi đó thời điểm được chọn sẽ hiển thị ở phần Danh sách đã chọn. Có thể dùng biểu tượng “>>” để chọn tất cả các thời điểm trong danh sách hiện có.

- Để bỏ chọn thời điểm ở phần Danh sách đã chọn bạn nhấp đúp chuột vào thời điểm cần bỏ hoặc dùng biểu tượng “<<” để bỏ chọn tất cả các thời điểm.



(Màn hình minh họa)

Lưu ý:

- Dữ liệu nhập theo kỳ nào thì khai thác theo kỳ đó. Ví dụ dữ liệu dân số nhập theo năm thì chỉ khai thác theo năm, không thể khai thác theo tháng. Với dữ liệu nhập theo tháng, như dữ liệu về khám chữa bệnh, người dùng có thể khai thác theo tháng, quý hoặc năm.
- Khi bạn chọn thời điểm phần mềm đã chọn sẵn thời điểm 12 tháng trước. Bạn cần bỏ dấu tick tại ô lựa chọn này nếu không có nhu cầu khai thác dữ liệu của 12 tháng trước.

Cách 2: Chọn Thời điểm liên quan

Thời điểm liên quan là loại thời điểm có liên quan liên quan đến ngày hiện tại. Ví dụ của thời điểm liên quan là "Tháng trước", "Năm ngoái" …

Phần mềm đã liệt kê sẵn các thời điểm liên quan để bạn lựa chọn.Để chọn Thời điểm liên quan bạn bấm chọn vào ô vuông nhỏ bên cạnh thời điểm liên quan.



Lưu ý: Khi bạn chọn thời điểm phần mềm đã chọn sẵn thời điểm 12 tháng trước. Bạn cần bỏ dấu tick tại ô lựa chọn này nếu không có nhu cầu khai thác dữ liệu của 12 tháng trước.

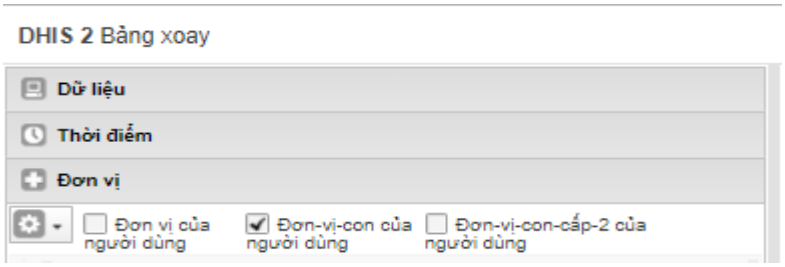
Việc dùng thời điểm liên quan rất tốt cho việc lưu bảng xoay thành dạng ưa thích, nó sẽ luôn tự cập nhật để lấy thông tin dữ liệu mới nhất mà không cần phải thao tác cập nhật lại.

8.2.3. Chọn đơn vị (Organisation Unit)

Để chọn một đơn vị, bấm vào mục **Các đơn vị** ở bên trái, mục này sẽ hiển thị tất cả các đơn vị có trong hệ thống.

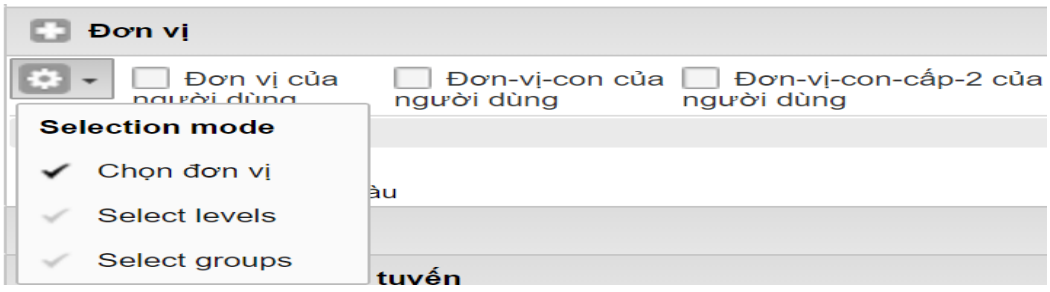
Bấm vào một tên của đơn vị để chọn đơn vị. Để chọn nhiều đơn vị, bạn cần bấm giữ phím **Ctrl** rồi bấm vào các tên đơn vị mà bạn muốn chọn

Để chọn tất cả các đơn vị cấp dưới của một đơn vị, thì cần bấm chuột phải vào đơn vị đó rồi chọn **"Chọn đơn vị con của người dùng"**

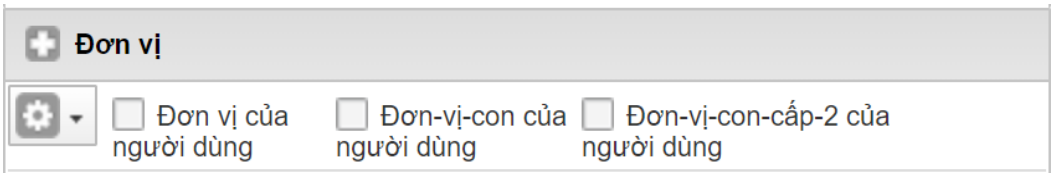


(Màn hình minh họa)

Để tự động chọn tất cả đơn vị trong một nhóm đơn vị cụ thể, bấm vào dấu sao tròn ở phía dưới tên mục *Các đơn vị* ở bên phải rồi chọn **Select groups** trong danh sách hiện ra. Nếu bạn muốn chọn theo cấp đơn vị, chọn **Select levels** rồi chọn cấp đơn vị trong danh sách. Lưu ý, khi chọn Select groups và Select levels, nếu đơn vị bạn đang chọn nằm ngoài nhóm hoặc cấp đơn vị đã chọn thì sẽ hệ thống sẽ không chạy ra dữ liệu.



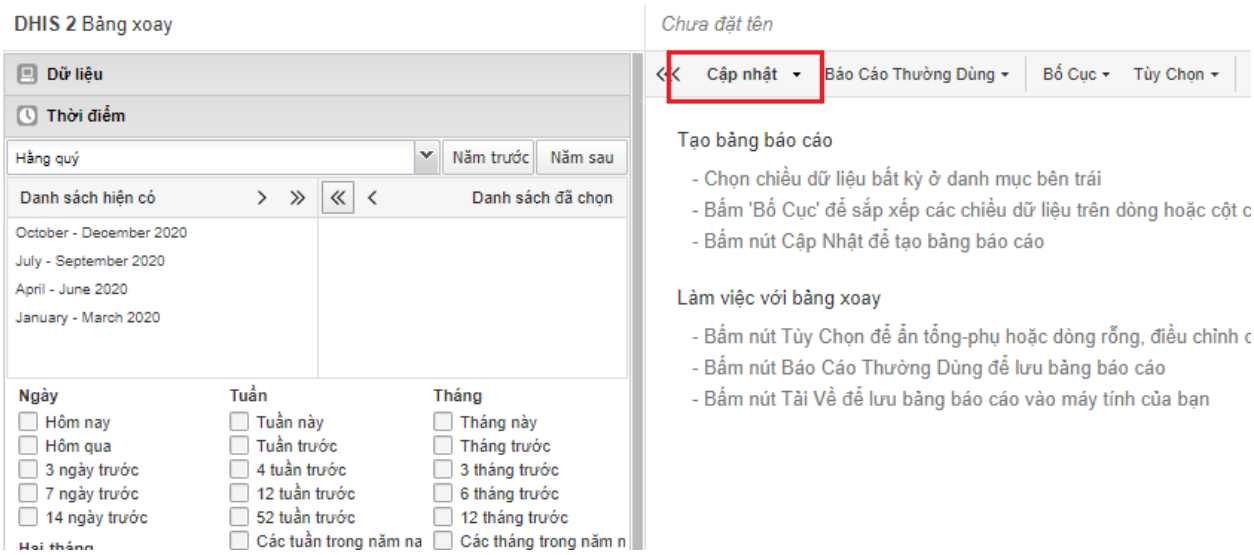
Trong phần **Đơn vị** này còn có 3 ô chọn. **Các đơn vị**: **Đơn vị của người dùng; Đơn vị con của người dùng; Đơn vị con cấp 2 của người dùng**. Bấm vào một trong các ô này, hệ thống sẽ phân tích cho tất cả các đơn vị có liên quan tới tài khoản đang sử dụng.



(Màn hình minh họa)

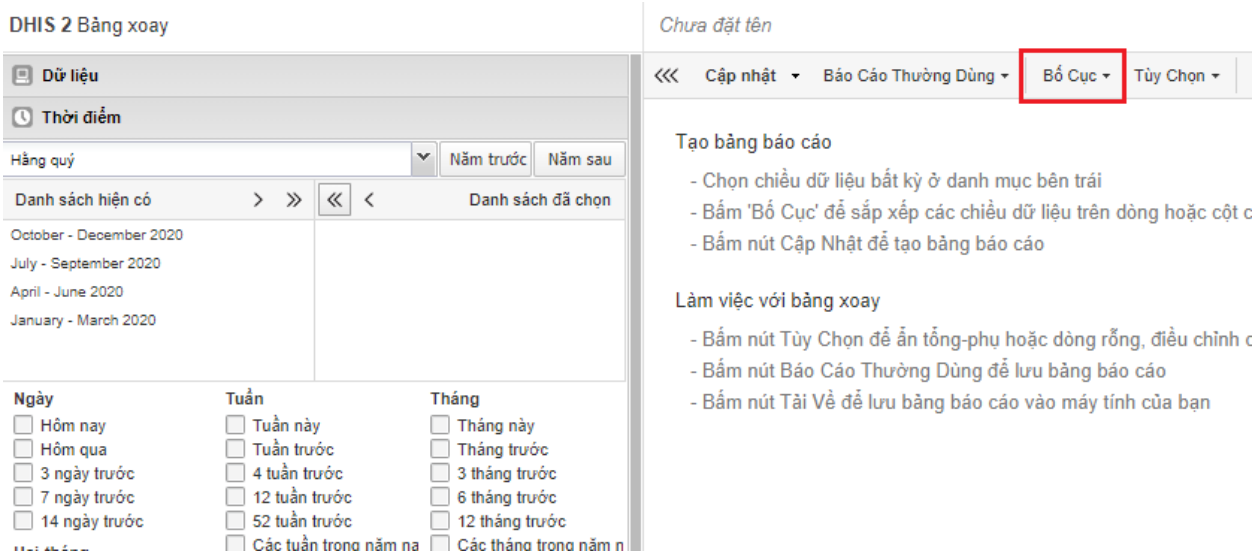
8.2.4. *Bấm chọn nút Cập nhật*

Sau khi chọn Dữ liệu, Thời điểm, Đơn vị, bạn nhấn Cập nhật để tạo bảng.



8.3. Sắp xếp bảng hiển thị (Table layout)

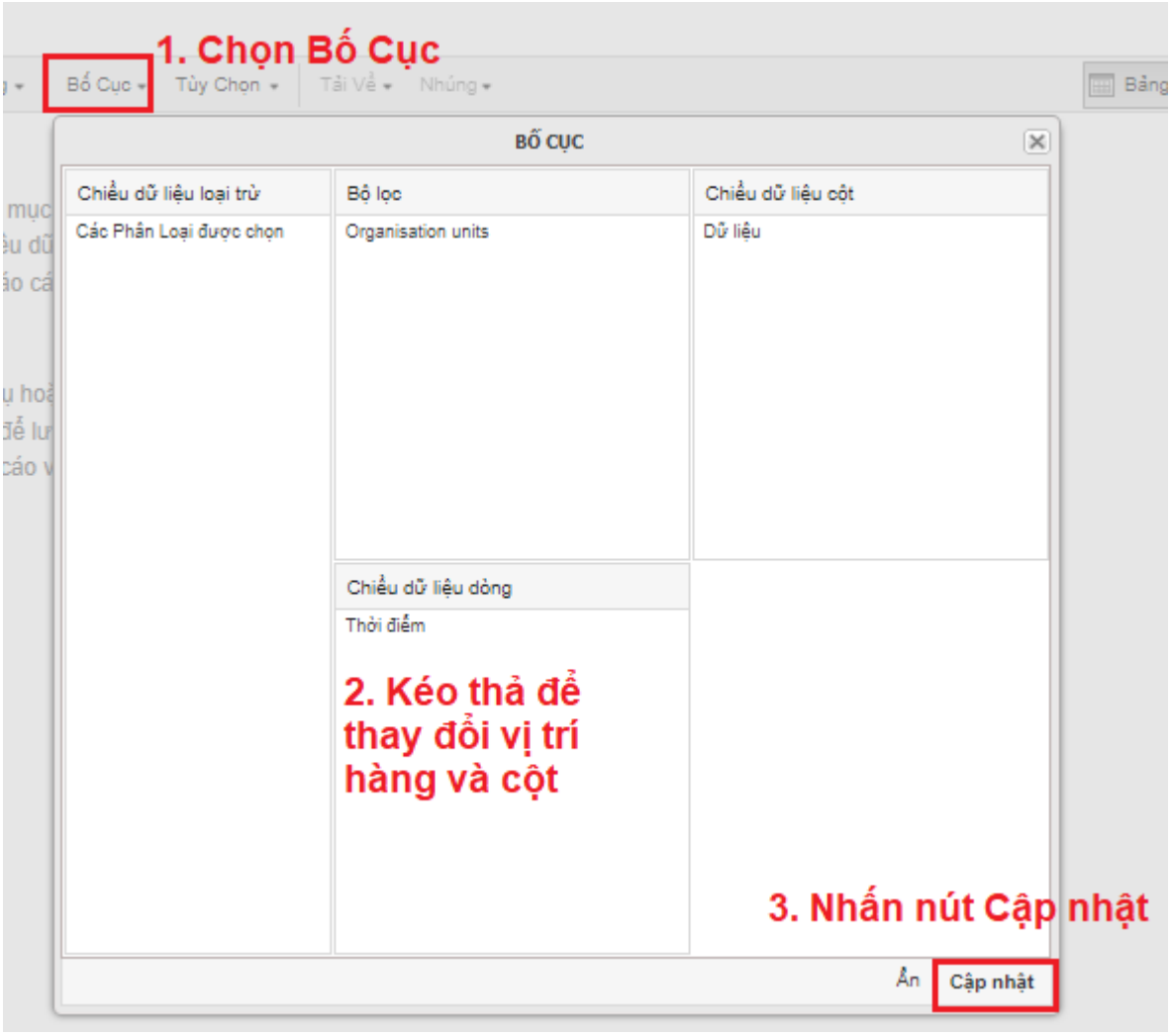
Sau khi tạo bảng, bạn có thể thay đổi vị trí các dữ liệu hiển thị ở cột và hàng bằng cách bấm vào nút **Bố cục** ở dòng trên cùng để tạo Bảng xoay.



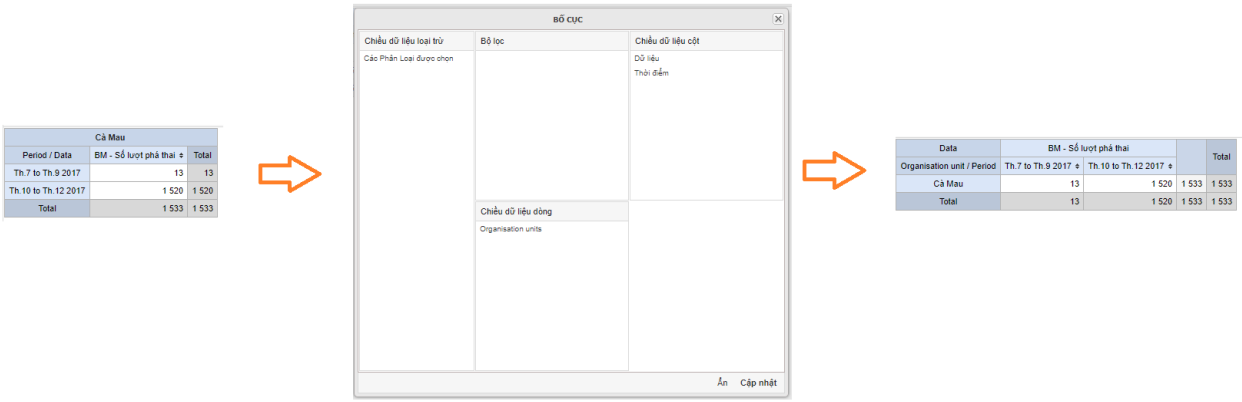
Ở cửa sổ này bạn có thể kéo thả hướng dữ liệu vào các khung **Chiều dữ liệu loại trừ**, **Chiều dữ liệu dòng**, **Chiều dữ liệu cột** hay là **Bộ lọc**.

Bạn có thêm nhiều hướng dữ liệu vào mục **Chiều dữ liệu loại trừ** (Dữ liệu không được hiển thị)

Sau khi đã chuẩn bị xong thì bấm vào nút **Cập nhật** để thực thi Bảng xoay hoặc **Ẩn** để ẩn phần Bố cục đi mà không có sự thay đổi nào.



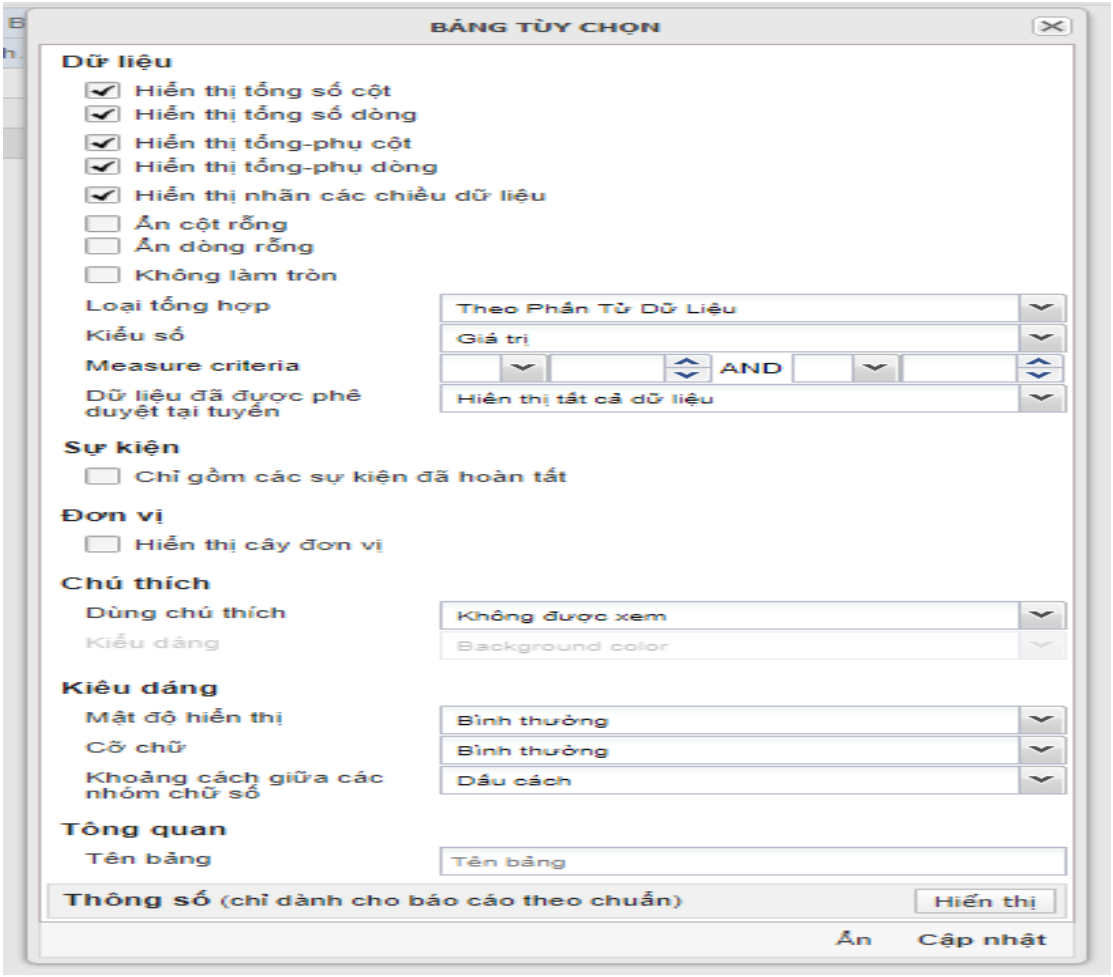
Kết quả thay đổi hiển thị như sau:



(Màn hình minh họa kết quả thay đổi chiều dữ liệu)

8.4. Sử dụng tùy chọn (Table options)

Dùng chức năng này tùy chọn các hiển thị khác nhau. Bấm vào mục **Tùy chọn** ở dòng trên cùng bạn sẽ thấy:



(Màn hình minh họa)

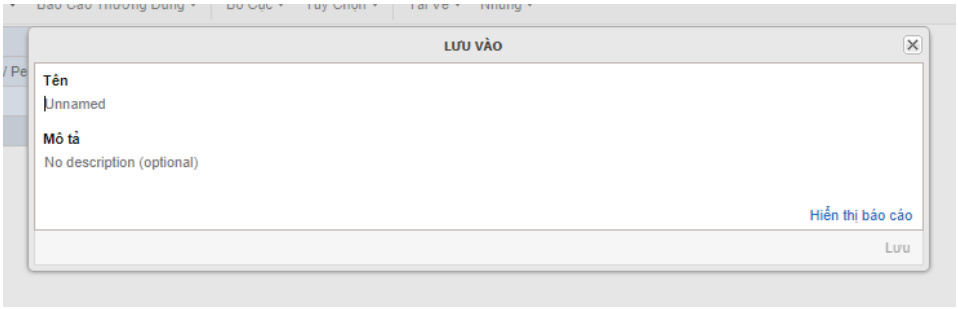
- Hiển thị tổng số cột, Hiển thị tổng số dòng: Hiển thị Tổng số tất cả các giá trị trong bảng theo dòng và cột, đồng thời cho biết tổng số các giá trị trong bảng.
- Hiển thị tổng phụ cột và Hiển thị tổng phụ dòng: Hiển thị tổng số từng kỳ báo cáo cho từng chiều dữ liệu trong bảng.
- Ẩn cột rỗng, Ẩn dòng rỗng: Ẩn những cột, dòng không không có dữ liệu trong bảng.
- Loại tổng hợp: Cách dữ liệu được tổng hợp
- Mật độ hiển thị: Quản lý kích cỡ của các ô trong bảng.
- Cỡ chữ: Quản lý tùy chọn cỡ chữ
- Nhóm chữ số phân cách: Quản lý ký tự cách ở phần nghìn…

Sau khi lựa chọn xong Tùy chọn bạn cần bấm nút Cập nhật để thực hiện thay đổi. Trường hợp không thấy nút cập nhật bạn bấm đồng thời hai phím "Ctr" và phím "-" để thu nhỏ màn hình.

8.5. Báo cáo thường dùng (Favorite)

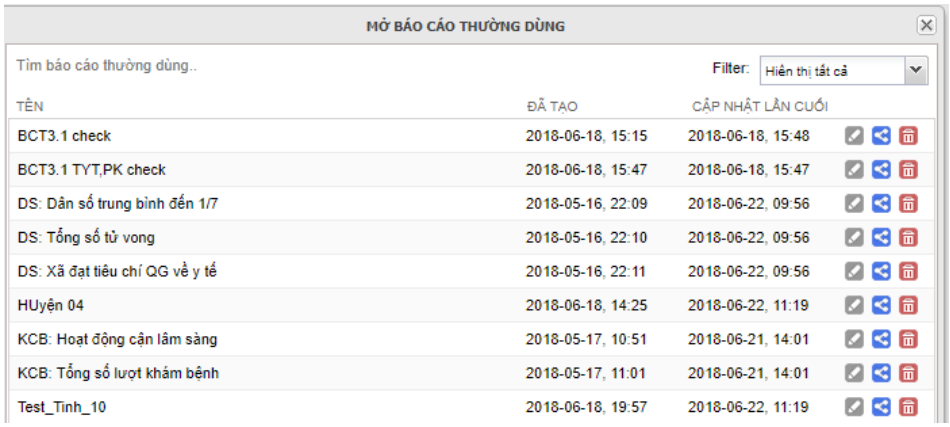
Khi bạn đã hài lòng với bảng đã tạo, bạn có thể lưu lại thành báo cáo thường dùng. Bấm vào **Báo cáo thường dùng** ở phần danh sách tùy chọn phía

trên cùng, rồi bấm vào **Lưu** hoặc **Lưu vào**, nhập tên vào ô *Favorite name* rồ bấm nút **Lưu.**



(Màn hình minh họa)

Để xem báo cáo đã lưu (Favorite) bất kỳ đã tạo trước đó thì cần bấm vào **Báo cáo thường dùng => Mở,** tìm báo cáo muốn mở rồi bấm vào tên của mục đó.



(Màn hình minh họa)

Bạn cũng có thể thay đổi tên của mục ưa thích của mình bằng cách tìm báo cáo đó và bấm vào biểu tượng (Thay tên) nằm ngoài cùng bên trái trong nhóm 4 biểu tượng có màu (xám, xanh lá cây, xanh dương và đỏ), biểu tượng màu xám là thay đổi tên. Để chia sẻ, ấn biểu tượng (Chia sẻ) mục ưa thích với mọi người hoặc một nhóm người. Để xóa mục ưa thích thì bấm vào biểu tượng xóa (Xóa) màu đỏ.

8.6. Tải về dữ liệu bảng báo cáo

Bảng báo cáo đã tạo có thể được tải về máy tính của bạn bằng cách bấm vào nút **"Tải về"** ở dòng danh sách các mục tùy chọn ở phía trên cùng. Tùy vào mục đích sử dụng bạn có nhiều tùy chọn định dạng khác nhau.

Hoặc bạn có thể dùng chuột bôi đen toàn bộ bảng, dùng phím tắt "Ctrl C" để copy và dùng phím tắt "Ctrl V" để dán bảng số liệu vào tài liệu word.

8.7. Những lưu ý khi phân tích dữ liệu bằng bảng xoay

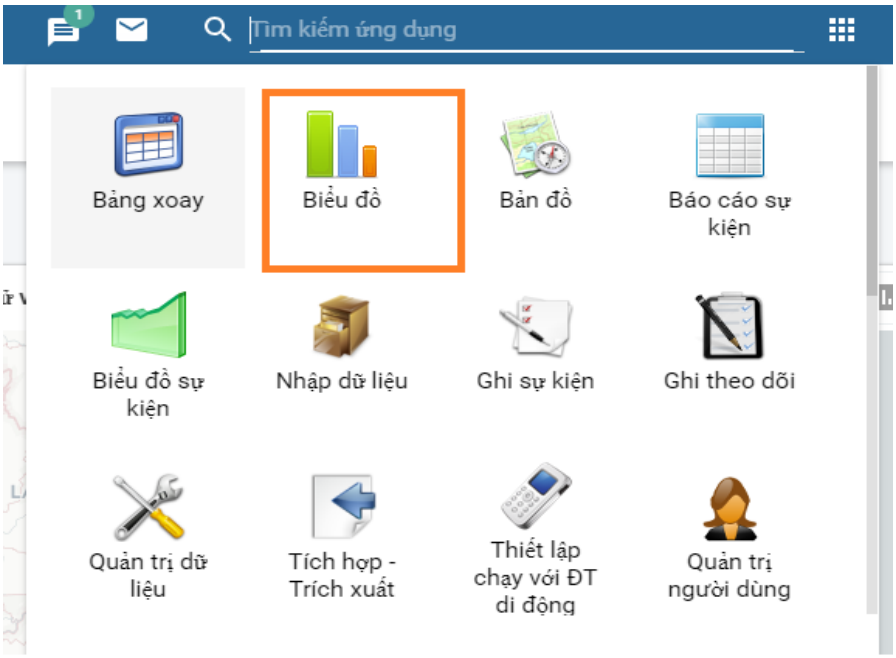
Khi chọn và sắp xếp các chiều, có một vài phần bắt buộc phải làm. Tất cả những phần bắt buộc này đều được kiểm tra tính hợp lệ và phần ứng dụng Bảng xoay sẽ thông báo nếu có bất cứ chỗ nào bị vi phạm.

- Phải có ít nhất một dữ liệu được chọn ở dòng hoặc cột.
- Phải có ít nhất một thời điểm tồn tại trong bảng báo cáo.
- Nhóm phần tử (Data Element group set) và tỷ lệ báo cáo không được đồng thời cùng xuất hiện trong cùng một bảng báo cáo.
- Bảng báo cáo không được có quá 10.000 (mười nghìn) dòng.

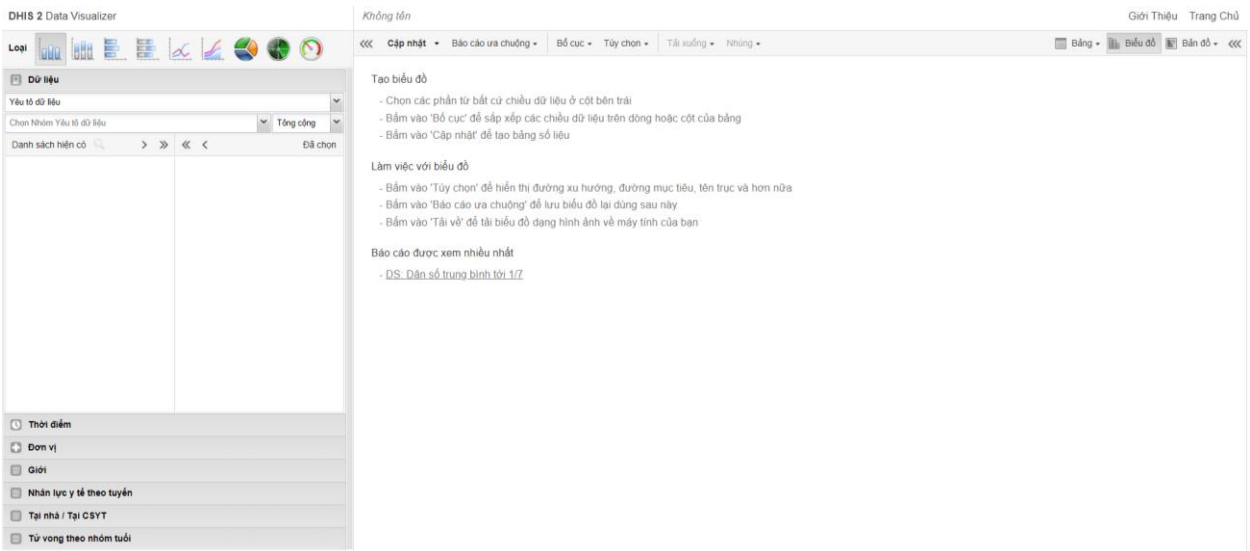
9. PHÂN TÍCH TRỰC QUAN-ĐỒ THỊ VÀ BIỂU ĐỒ (Data Visualizer)

9.1. Tổng quan biểu đồ

Phần ứng dụng trực quan dữ liệu cho phép người dùng có thể hiển thị dữ liệu dưới dạng biểu đồ. Từ mục chính bạn chọn phần ứng dụng **Biểu đồ**



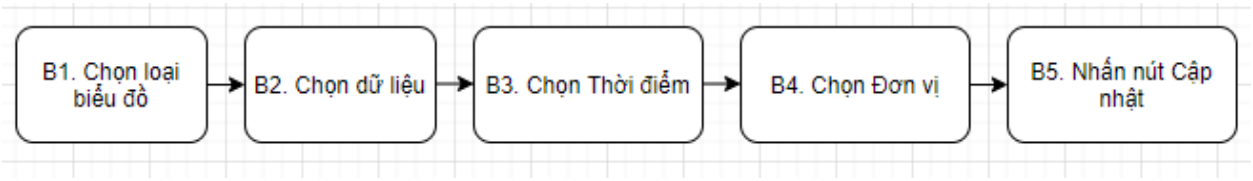
(Màn hình minh họa)



(Màn hình minh họa)

9.2. Tạo biểu đồ

Sau đây là các bước để xuất báo cáo dạng biểu đồ:



9.2.1. Chọn loại biểu đồ

Mục ứng dụng hiển thị dữ liệu cung cấp 9 loại biểu đồ. Bấm vào một loại biểu đồ ở góc trái phía trên màn hình để chọn loại bản đồ mà bạn muốn xuất.



- Biểu đồ hình cột: Biểu đồ này sẽ hiển thị thông tin theo các cột thẳng đứng với chiều cao tương ứng với giá trị mà chúng đại diện. Ví dụ dùng để so sánh hiệu suất của các quận (huyện).

- Biểu đồ cột xếp chồng: Biểu đồ với cột đứng xếp chồng lên nhau có phần gạch ngang miêu tả cho nhiều loại được xếp ở phía trên. Có thể dùng để hiển thị xu hướng hoặc tổng của phần tử dữ liệu liên quan.

- Biểu đồ thanh: Giống với biểu đồ cột nhưng nằm ngang.

- Biểu đồ thanh xếp chồng: Giống với biểu đồ cột xếp chồng nhưng được hiển thị nằm ngang.

- Biểu đồ tuyến tính: Dùng để hiển thị thông tin theo dạng kết nối nhiều điểm bởi những đường thẳng. Có thể dùng để thể hiện xu hướng trong chỉ số dữ liệu qua nhiều thời điểm.

- Biểu đồ vùng: Biểu đồ này dựa vào biểu đồ đường thẳng, với việc tô màu trong khung khoảng cách giữa đường thẳng với trục và giữa đường thẳng này với đường thẳng khác. Có thể dùng để so sánh xu hướng của các chỉ số liên quan.

- Biểu đồ bánh: Biểu đồ dạng hình tròn được chia ra các phần giống như cánh quạt. Có thể dùng để hiển thị tỉ lệ của dữ liệu của những phần tử riêng biệt so sánh với tổng dữ liệu của tất cả các phần tử trong biểu đồ.

- Biểu đồ Radar: Hiển thị đa biến dữ liệu trên các trục bắt đầu từ một điểm. Còn được gọi là biểu đồ nhện.

- Biểu đồ bán vành khuyên: Biểu đồ nửa đường tròn, hiển thị giá trị ngoài 100%.

9.2.2. Chọn dữ liệu

Dữ liệu là thông tin chúng ta cần phân tích, hiển thị.Trong **Biểu đồ** cho phép chọn các loại dữ liệu, bao gồm Chỉ số, Yếu tố dữ liệu, Tập dữ liệu, Dữ liệu sự kiện, Chỉ số chương trình.

Hai loại dữ liệu chính được khai thác trong hệ thống này là **Yếu tố dữ liệu** và **Chỉ số.**

Cách chọn Yếu tố dữ liệu cũng tương tự như Chọn Phần tử dữ liệu ở phần Sử dụng Bảng xoay.

9.2.3. Chọn Thời điểm

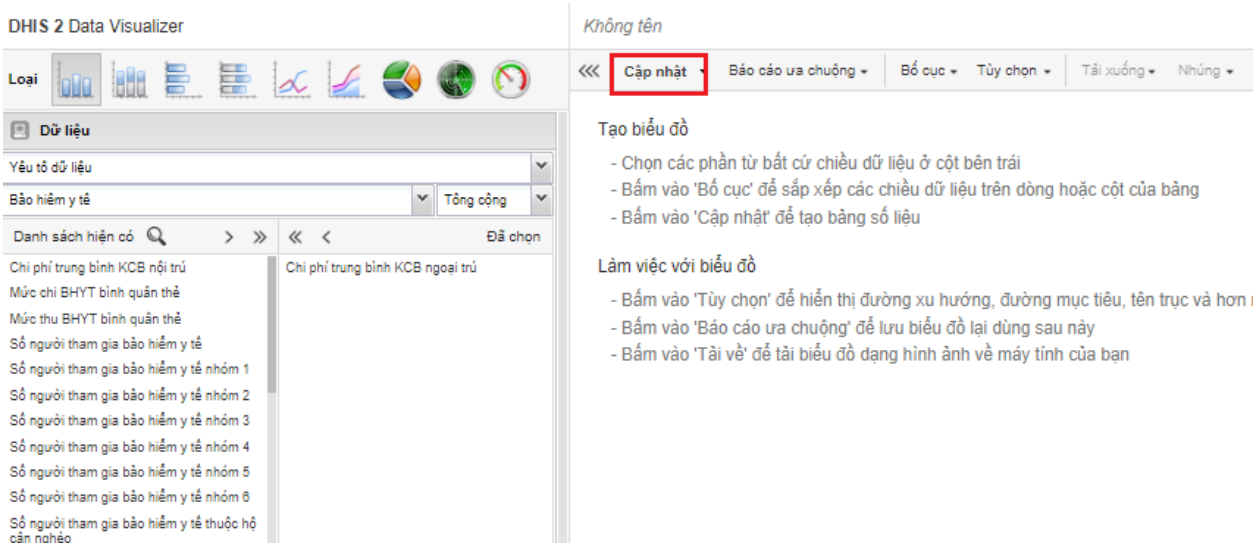
Xem hướng dẫn chọn Thời điểm ở phần Sử dụng Bảng xoay.

9.2.4. Chọn đơn vị

Xem hướng dẫn chọn Đơn vị ở phần Sử dụng Bảng xoay.

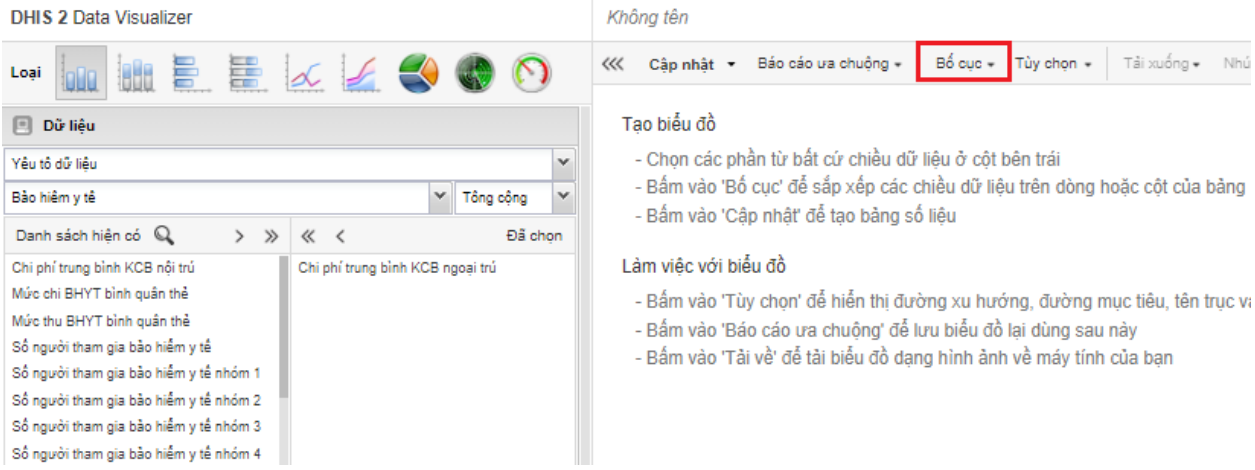
9.2.5. Bấm chọn nút Cập nhật

Sau khi chọn Dữ liệu, Thời điểm, Đơn vị, bạn nhấn Cập nhật để tạo biểu đồ.



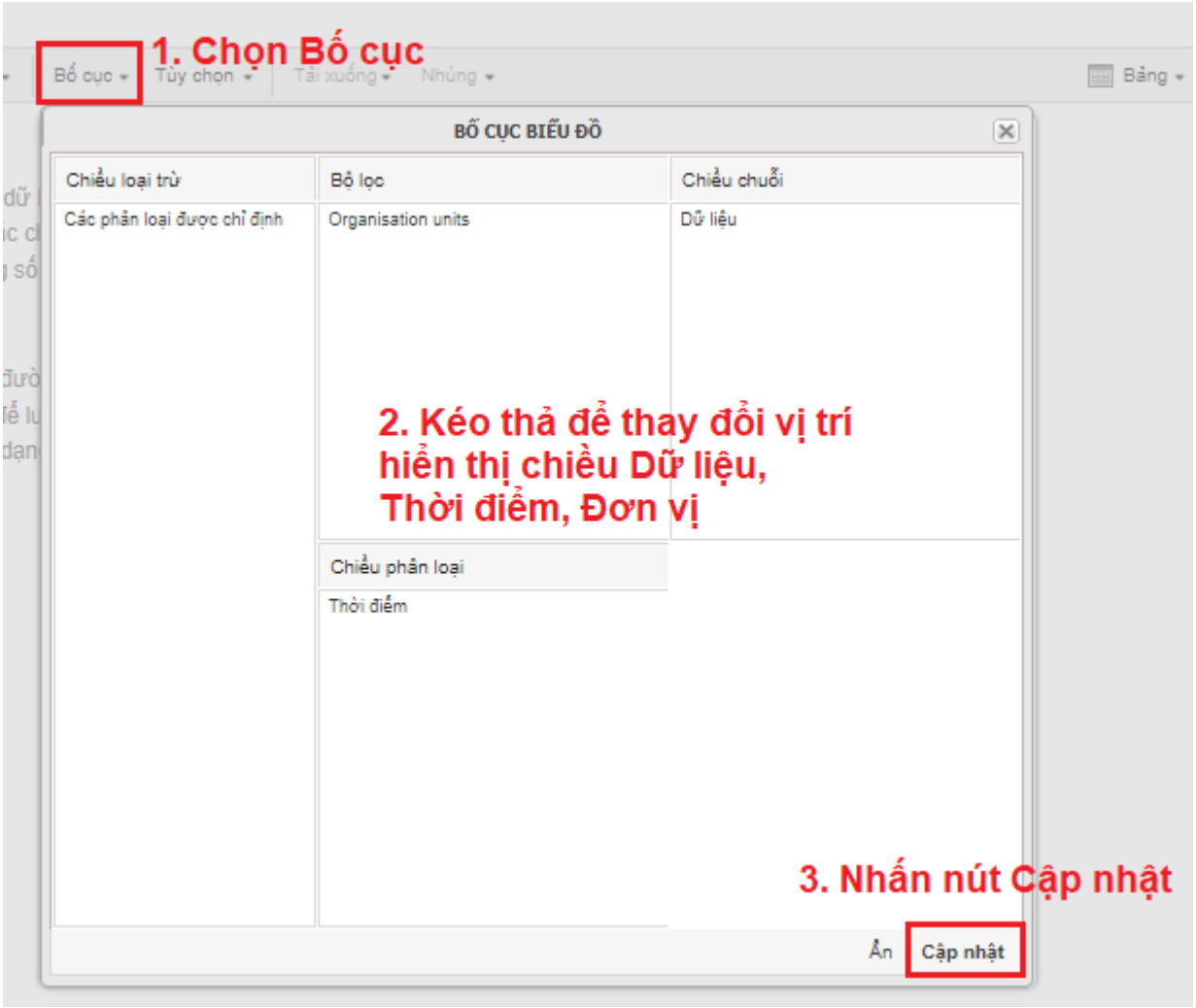
9.3. Chọn cách hiển thị biểu đồ

Sau khi tạo biểu đồ, bạn có thể thay đổi cách hiển thị biểu đồ bằng cách bấm vào nút **Bố cục** ở dòng trên cùng.



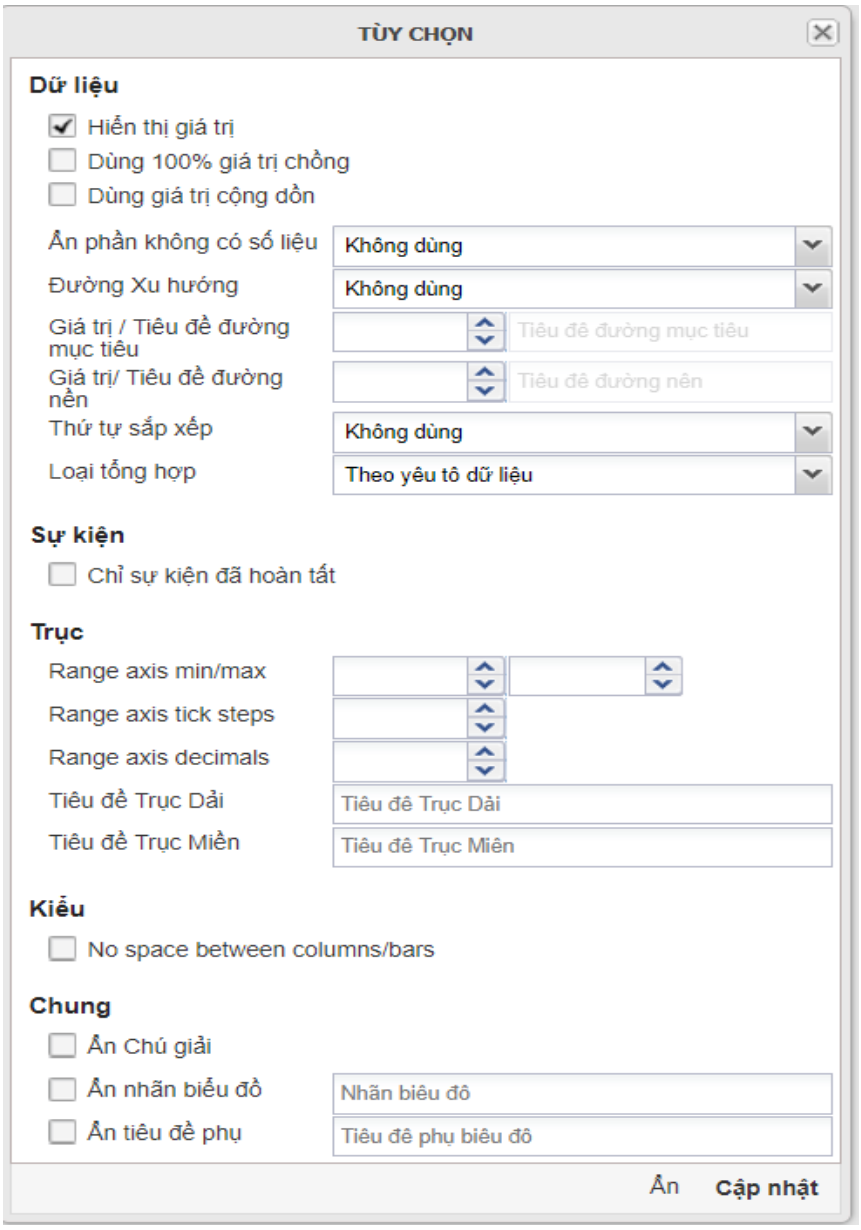
Ở cửa sổ này bạn có thể kéo thả hướng dữ liệu vào các khung **Chiều chuỗi**, **Chiều phân loại, Bộ lọc**

Sau khi đã chuẩn bị xong thì bấm vào nút **Cập nhật** để thực thi thay đổi hoặc **Ẩn** để ẩn phần Bố cục đi mà không có sự thay đổi nào.



9.4. Các tùy chọn biểu đồ

Bạn có thể bấm vào **"Tùy chọn"** trên danh sách các mục tùy chọn ở phía trên để cài đặt các thuộc tính tùy chọn cho biểu đồ.



(Màn hình minh họa)

- Hiển thị giá trị: Hiển thị giá trị trên biểu đồ

- Ẩn phân loại không chứa giá trị: Ẩn các phần không có dữ liệu hoặc dữ liệu là số 0.

- Đường xu hướng: Đường xu hướng sẽ cho bạn thấy dữ liệu của bạn thay đổi như thế nào qua thời gian.

- Giá trị/Tiêu đề đường mục tiêu: Hiển thị một đường nằm ngang ở một miền giá trị. Bạn có thể đặt tên mục tiêu vào ô bên cạnh. Có thể dùng để so sánh phần hiển thị của mục tiêu hiện tại.

- Giá trị/Tiêu đề đường nền: Hiển thị một đường nằm ngang ở một miền giá trị. Tiêu đề có thể được nhập ở ô bên cạnh. Có thể dùng để hiển thị cho biết phần trình diễn được thực thi như thế nào kể từ bước đầu tiên.

- Range axis max/min: Định nghĩa giá trị lớn nhất và nhỏ nhất sẽ hiển thị trên trục phạm vi.
- Range axis tick steps: Định nghĩa số lượng dấu được đánh trên trục phạm vi
- Range axis decimals: Định nghĩa số lượng số thập phân sẽ được dùng cho giá trị trục phạm vi.
- Tiêu đề trục phạm vi: Tên sẽ hiển thị bên cạnh trục phạm vi (thường được biết là trục Y)
- Tiêu đề trục miền: Tên sẽ hiển thị ở phía dưới trục miền (thường được biết là trục X)
- Ẩn legend: Ẩn chú thích để cho nhiều khoảng trống cho biểu đồ
- Ẩn tiêu đề của biểu đồ: Ẩn tiêu đề và phụ đề của biểu đồ.
- Tên biểu đồ: Bạn có thể điền tên của biểu đồ mà bạn muốn

Sau khi lựa chọn xong các Tùy chọn, bạn nhấn vào nút Cập nhật để thay đổi.

9.5. Tải về biểu đồ theo hình ảnh hoặc định dạng PDF

Xem hướng dẫn ở phần Sử dụng bảng xoay

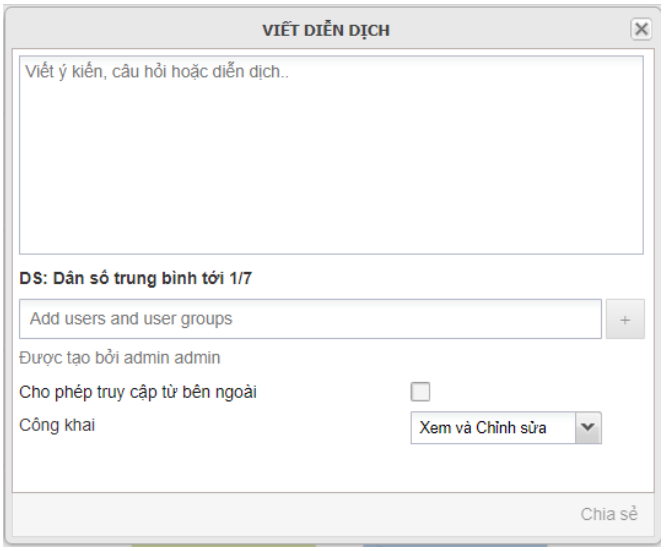
9.6. Lưu biểu đồ thành mục đánh dấu

Xem hướng dẫn ở phần Sử dụng bảng xoay

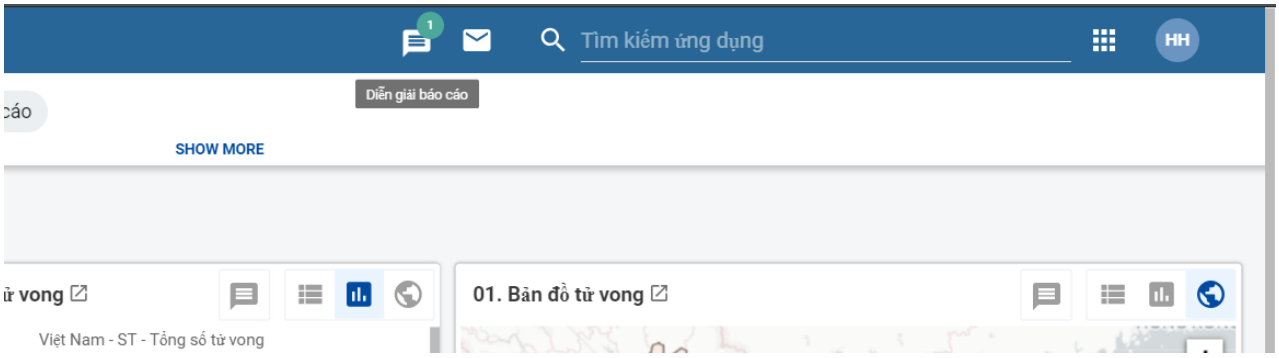
9.7. Chia sẻ bản dịch (Share Interpretation) – Lời diễn giải

Đối với các kết quả phân tích dữ liệu như biểu đồ hay báo cáo bảng, bạn có thể chia sẽ dữ liệu đã được diễn giải. Một bản dịch chỉ là một đường dẫn đến nguồn có liên quan với nhau với sự giải thích về ý nghĩa của dữ liệu.

Nếu bạn muốn chia sẻ lời diễn giải, đầu tiên bạn phải lưu biểu đồ. Từ Báo cáo ưa chuộng => Mở, chọn biểu đồ muốn chia sẻ. Sau khi biểu đồ mở ra, từ Báo cáo ưa chuộng => Viết diễn dịch. Một cửa sổ nhỏ sẽ hiện ra, gồm phần diễn dịch và chia sẻ.



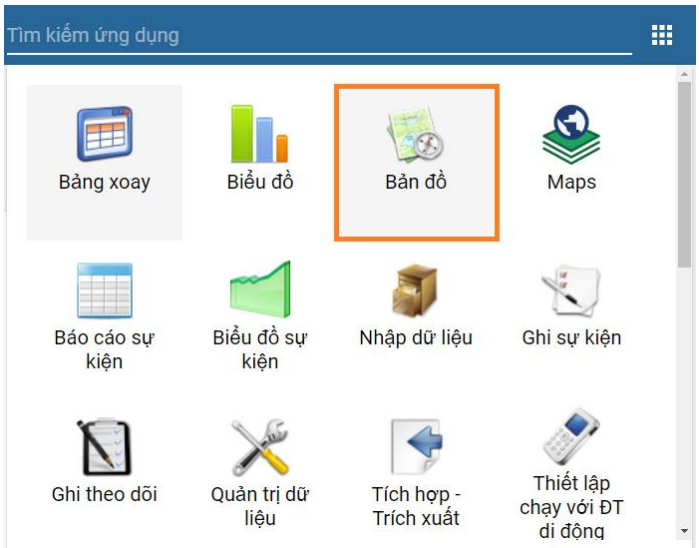
Bạn có thể viết một bình luật, câu hỏi hay lời giải thích diễn giải cho biểu đồ hiện tại. Ở phần chia sẻ, bạn tìm tên người dùng/nhóm người dùng muốn chia sẻ, nhấn vào dấu "+" để thêm chia sẻ, chọn chế độ chia sẻ, sau đó bấm nút **Chia sẻ**. Bạn sẽ thấy được thông báo có diễn giải mới ở trang chủ. Bấm vào đây để xem.

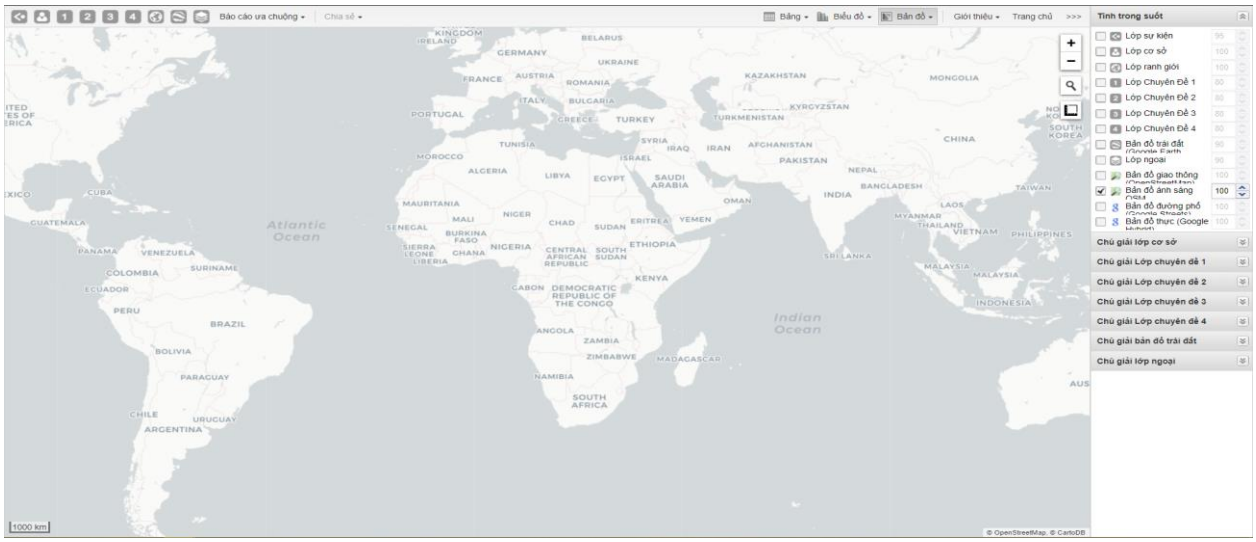


10. BẢN ĐỒ SỐ HÓA (GIS và Maps)

Ứng dụng bản đồ số hóa trong hệ thống cho phép người dùng có thể xem dữ liệu thống kê (thông số hoặc mức độ bao phủ) theo không gian đa điểm (tỉnh, ranh giới huyện) và ở một điểm cụ thể (địa điểm cơ sở y tế).

Từ mục **Ứng dụng** chính chọn biểu tượng mục **"Bản đồ"** trong danh sách các phần ứng dụng để sử dụng bản đồ số hóa.





(Màn hình minh họa)

Khung ở góc phải trên gọi là **Lớp stack /opacity** được chọn mặc định.

- Lớp sự kiện

- Lớp các cơ sở y tế: có thể dùng để xem tọa độ cơ sở y tế. Tính năng này cũng có thể được dùng để xem địa điểm của các loại cơ sở y tế khác nhau.

- Lớp ranh giới: tầng này có thể dùng để xem đường biên giới của người quản trị như biên giới tỉnh/ quận huyện. Tầng này có thể được dùng để xác định đường ranh khi hiển thị địa điểm cơ sở y tế.

- Lớp dữ liệu 1,2,3,4: được dùng để xem dữ liệu sức khỏe, bao gồm phần tử dữ liệu và chỉ số, dựa trên các cơ sở y tế hoặc tầng ranh giới.

- Open Street map, Google Street, Google Hydrid là các tầng dùng để hiển thị nền bản đồ. Chuyển đổi bằng cách bấm vào nút chọn cạnh tên loại bản đồ này. Chỉ một nền bản đồ được chọn tại một thời điểm.

- Nếu bạn muốn làm nổi tầng khu vực mà bạn muốn xem và làm mờ các khu vực còn lại, bạn cần phải nhập số vào ô bên cạnh loại bản đồ nền, số càng thấp thì các khu vực còn lại sẽ càng mờ đi và ngược lại.



Ở góc trên bên trái màn hình có 7 nút, 7 nút này là **Lớp sự kiện**, **Lớp cơ sở**, **Lớp ranh giới** và **4 lớp chuyên đề 1,2,3,4**

Bên cạnh tiếp theo là:

- Báo cáo ưa chuộng: dùng để lưu bản đồ để sau này xem lại mà không cần phải điều chỉnh chọn lựa các thông số.

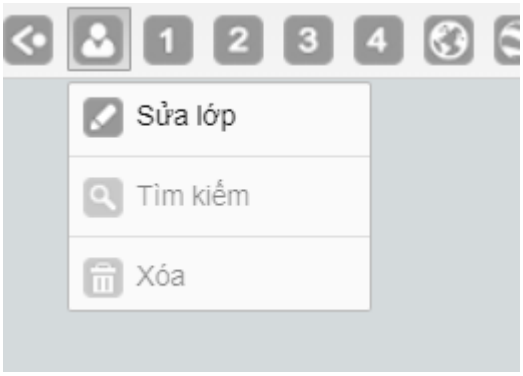
- Chia sẻ: Cho phép viết diễn giải và chia sẻ bản đổ với người dùng khác.



10.1. Lớp biểu tượng (Lớp các cơ sở y tế)

Lớp này sẽ hiển thị biểu tượng của các nhóm đơn vị.

Bấm vào biểu tượng  (**Lớp cơ sở**) ở góc trên bên trái màn hình rồi chọn **Sửa lớp**



Chọn nhóm đơn vị bằng cách bấm vào ô chọn **Organisation unit group set** của cơ sở y tế

Chọn cấp độ đơn vị có cơ sở y tế

Chọn ranh giới của đơn vị từ cây đơn vị

Bấm vào mục chính Options (**Tùy chọn**) rồi bấm vào ô chọn **Hiển thị diện tích hình tròn với bán kính (m)** nếu bạn muốn vẽ vòng tròn quanh mỗi cơ sở y tế với bán kính được tính bằng mét. Khu vực của cơ sở y tế đó.



(Màn hình minh họa)

Bấm nút **Cập nhật** để xem bản đồ cơ sở y tế.

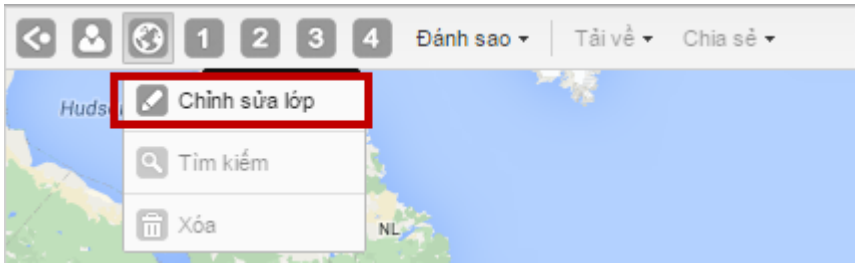
Bấm vào bất kỳ cơ sở y tế nào trên bản đồ, màn hình hiện mục 3 tùy chọn:

- Di dời: di chuyển địa điểm của cơ sở y tế, tọa độ sẽ được lưu tự động, bạn cần phải xóa lịch sử truy cập và đăng nhập lại để kiểm tra sự thay đổi này có chính xác chưa.
- Swap lon/lat.
- Hiển thị bảng thông tin: Hiển thị thông tin về cơ sở y tế được chọn.

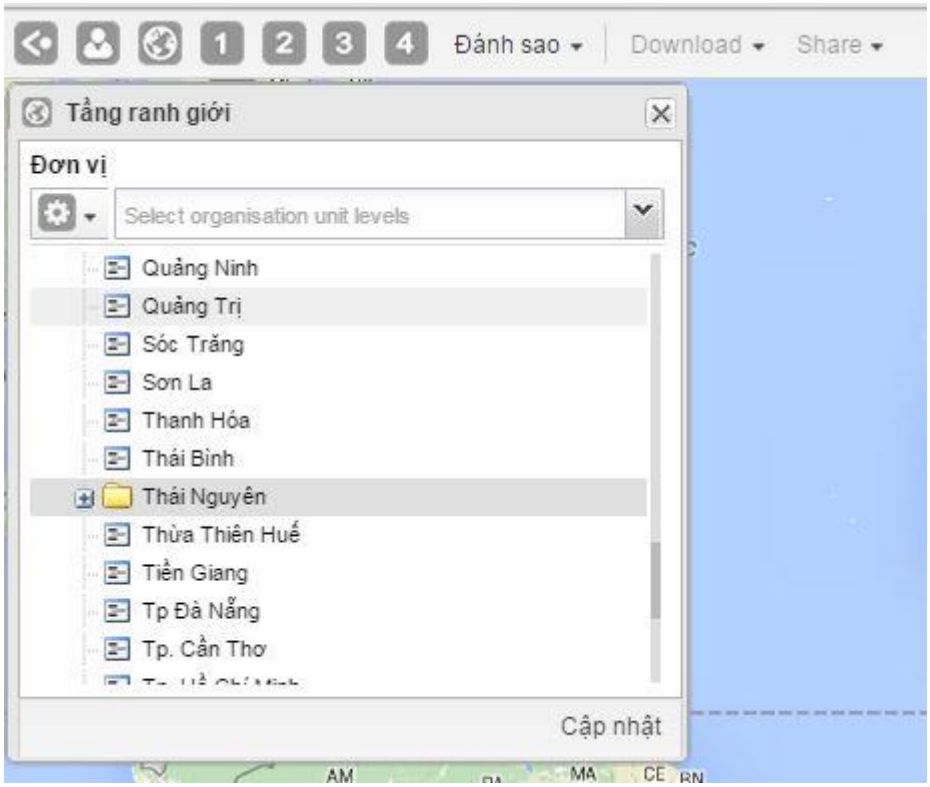
10.2. Lớp ranh giới

Lớp này chỉ dùng để hiển thị ranh giới và tọa độ đơn vị trong hệ thống, sẽ không có dữ liệu được hiển thị.

- Bấm vào biểu tượng **Lớp ranh giới** rồi chọn **Sửa lớp** để cài đặt các thông số.

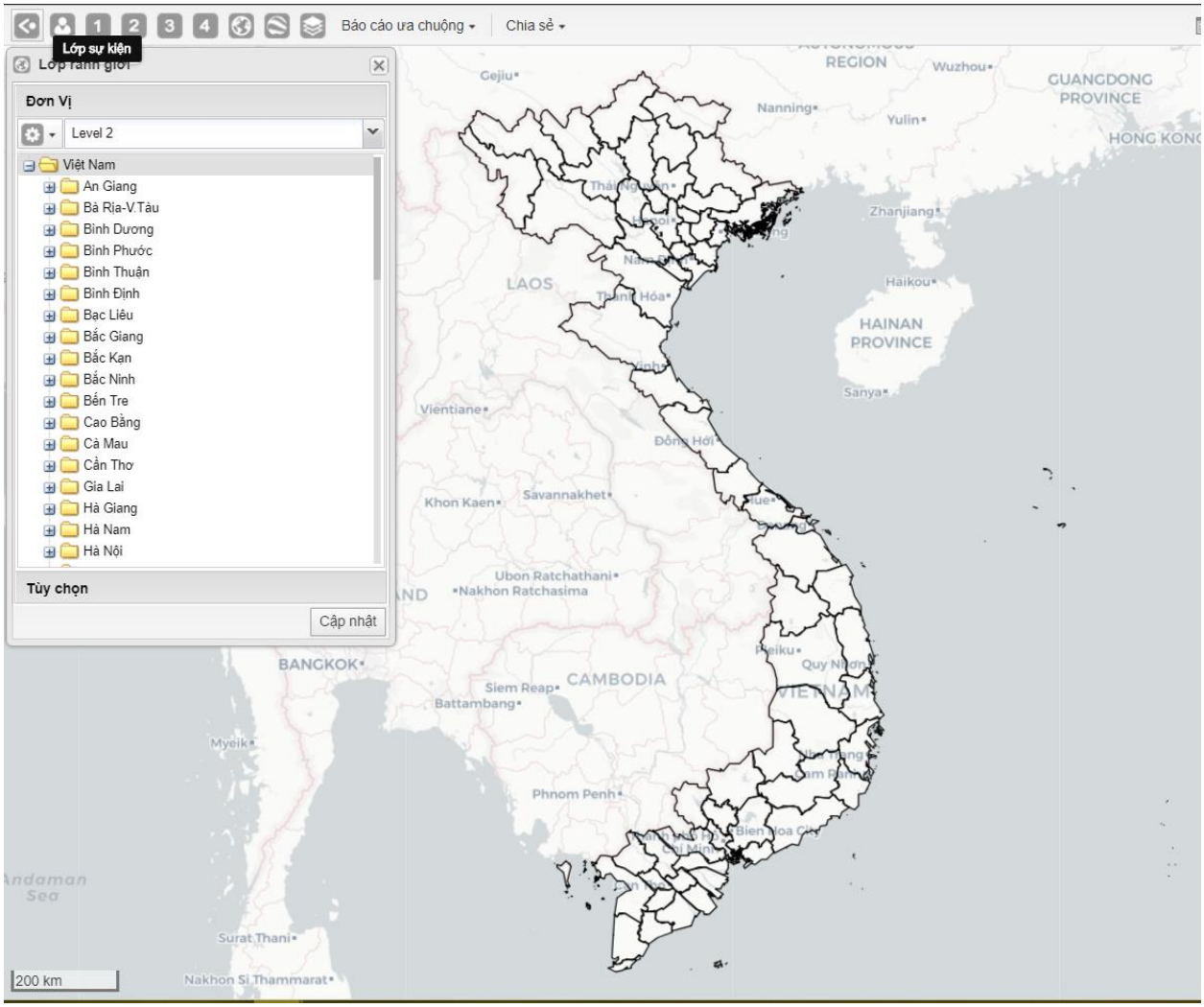


- Bấm vào ô chọn cấp độ đơn vị



- Bấm vào tên đơn vị ở cây đơn vị để chọn đơn vị để hiển thị. Lưu ý rằng tất cả các đơn vị con của đơn vị được chọn sẽ được hiển thị trên bản đồ.
- Bấm vào nút **Cập nhật** để hiển thị bản đồ

- Bấm vào bản đồ khu vực đã chọn bạn sẽ thấy hiện ra 2 tùy chọn (Float up và Drill down), một trong 2 tính năng này sẽ bị ẩn đi nếu bạn đã đứng ở cấp cuối cùng của đơn vị hoặc không có tọa độ của đơn vị cấp dưới hơn.



10.3.Tạo lớp chuyên đề

Có tất cả 4 lớp chuyên đề cho phép bạn sử dụng dữ liệu đã có để tạo bản đồ chuyên đề. Để tạo lớp chuyên đề bạn thực hiện theo các bước sau:

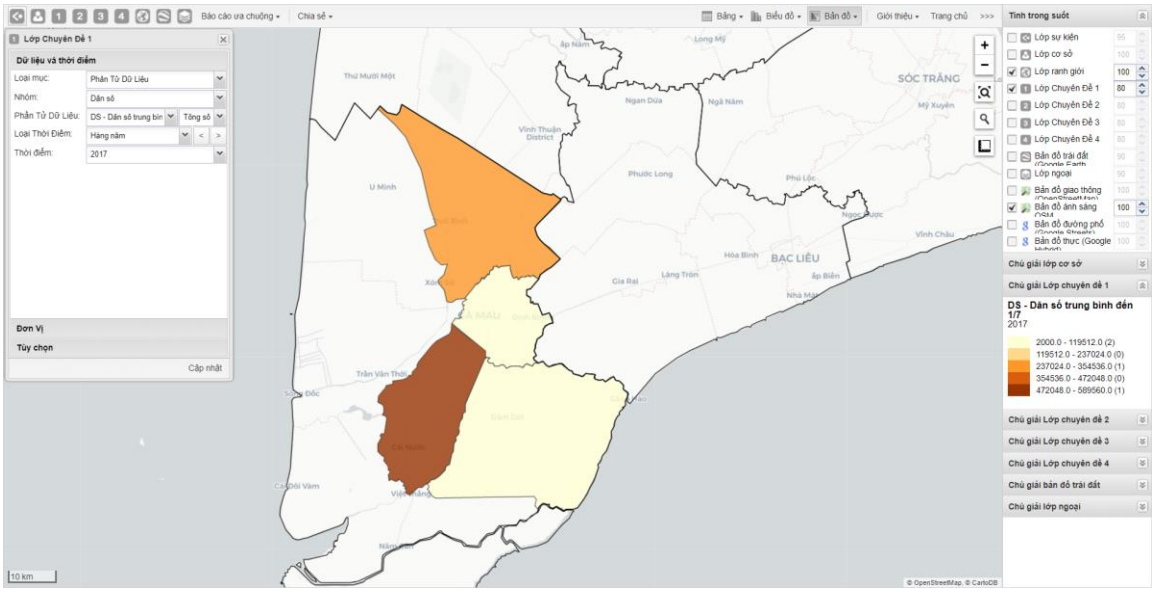
Bấm vào tên lớp chuyên đề ở dòng trên cùng được đánh số 1,2,3,4 tương ứng với từng lớp chuyên đề, chọn Sửa lớp, một cửa sổ được hiện ra.

Chọn các thông tin như **Loại mục**, **Nhóm**, **Chỉ số**, **Loại thời điểm** và **Thời điểm** mà bạn muốn hiển thị lên bản đồ.

Ở mục chú thích, bạn chọn Kiểu chú thích là Tự động hoặc Định nghĩa trước (dùng để sử dụng cho lần tiếp theo). Khi chọn kiểu chú thích tự động thì hệ thống sẽ cho phép bạn chọn **các lớp/phương thức**. **Phép tính bằng** sẽ hiển thị số điểm bằng nhau trong các lớp được chọn. Khoảng bằng nhau sẽ phân loại giá trị thành các nhóm có giá trị bằng nhau.

Bạn cũng có thể chọn màu để hiển thị trên bản đồ. Mặc định màu đỏ sẽ được chọn cho Màu nhạt/Kích cỡ (Màu tối) và màu xanh lá cây sẽ được chọn cho Màu đậm/kích cỡ (Màu sáng)

Bấm vào nút **Cập nhật** ở góc dưới để xem kết quả chỉnh sửa

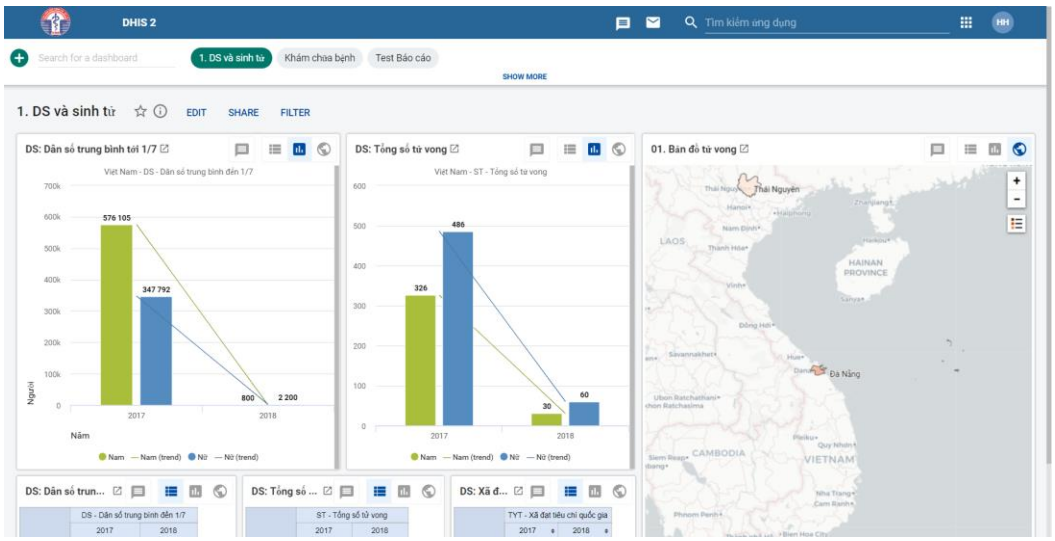


(Màn hình minh họa)

Chú thích tự động được hệ thống tạo ra một cách tự động dựa trên giá trị dữ liệu của đơn vị ở bản đồ hiện tại (Khoảng bằng nhau). Đồng thời phân loại số đơn vị có chú thích giống nhau (equal count). Chú thích tự động cũng cho phép bạn chọn màu để hiển thi trong phạm vi của các chú thích.

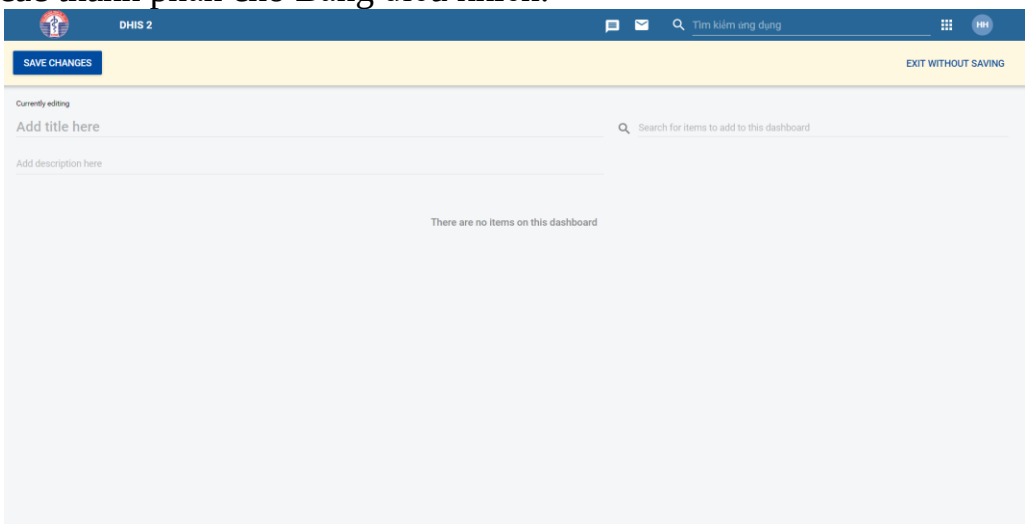
11. BẢNG ĐIỀU KHIỂN (Dashboard)

Sau khi đăng nhập thành công vào hệ thống bạn sẽ thấy trang chủ là một bảng điều khiển. Bảng điều khiển sẽ cho bạn thấy được thông tin mới nhất về các biểu đồ, bảng xoay với dữ liệu bạn đã chọn. Đồng thời cũng cho bạn thấy được báo cáo và biểu đồ được chia sẻ từ các người dùng khác trong hệ thống. Ở đây bạn có thể thêm báo cáo vào với số lượng không hạn chế.



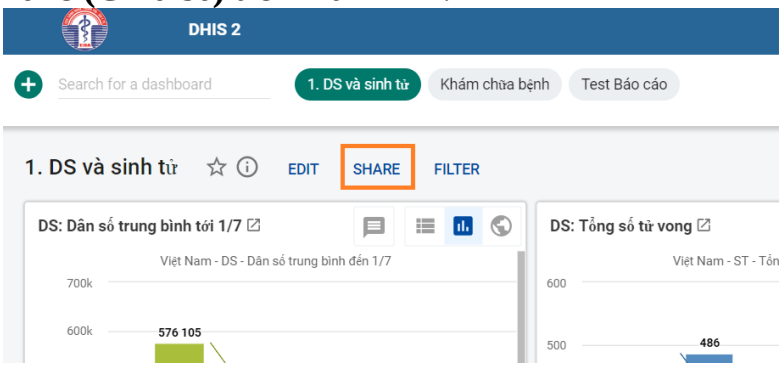
(Màn hình minh họa)

Bạn cũng có thể tạo thêm một bảng điều khiển bằng cách bấm vào nút , một cửa sổ mới hiện ra yêu cầu bạn nhập tên cho bảng điều khiển muốn tạo và thêm các thành phần cho Bảng điều khiển.



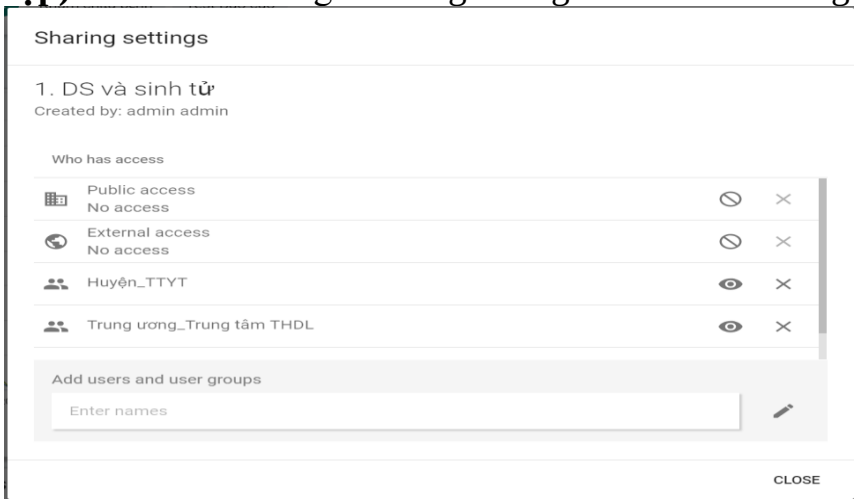
(Màn hình minh họa)

Bạn cũng có thể chia sẻ bảng điều khiển của bạn với mọi người bằng cách bấm vào nút **Share (Chia sẻ)** trên màn hình.



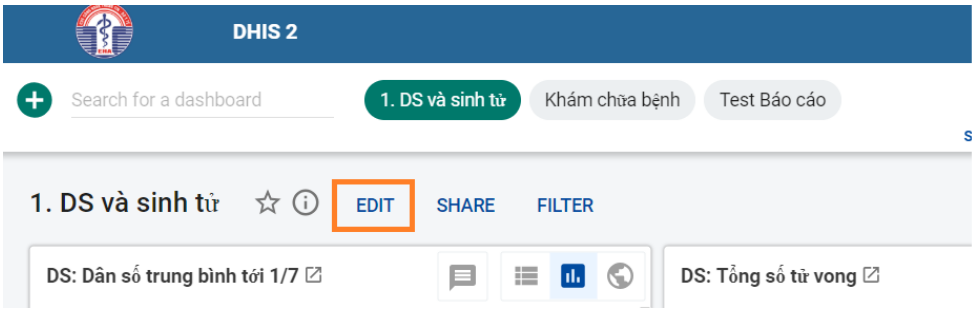
(Màn hình minh họa)

Một cửa sổ tùy chọn được hiện ra cho phép bạn cài đặt các quyền truy cập, chọn nhóm người dùng được xem chia sẻ của bạn bằng cách nhập tên vào ô **Tìm nhóm người dùng**. Bấm vào ô tùy chọn **Truy cập từ bên ngoài (không cần đăng nhập)** để chia sẻ với người dùng không có tài khoản trong hệ thống.



(Màn hình minh họa)

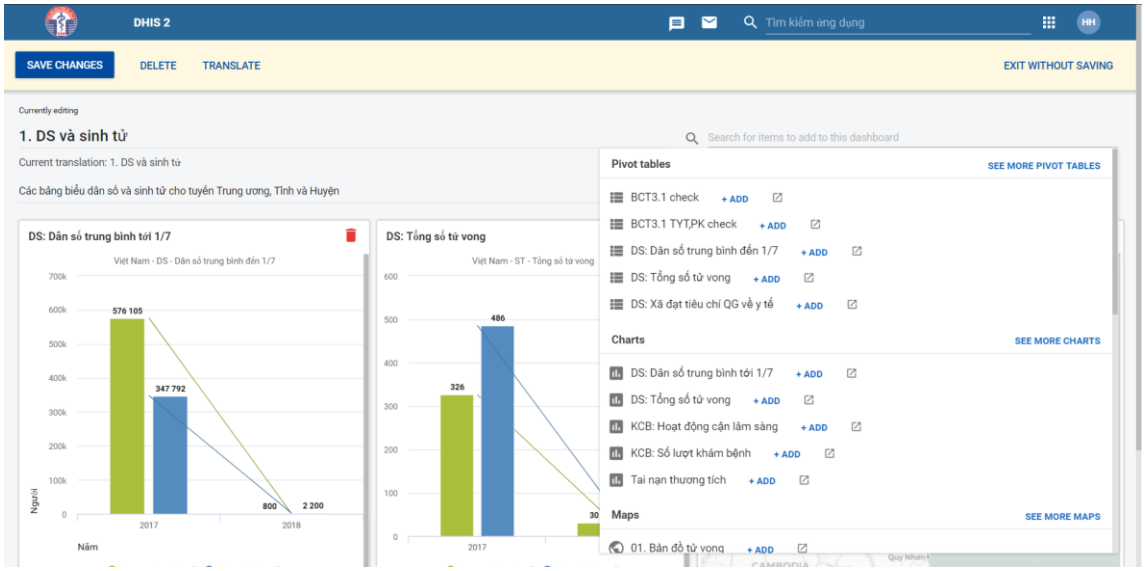
Bấm vào nút **Edit** để xóa hay chỉnh sửa thông tin bảng điều khiển của bạn.



(Màn hình minh họa)

Thêm báo cáo vào bảng điều khiển bằng các bước sau:

- Bấm vào tên bảng điều khiển
- Nhấn Edit
- Bấm vào ô tìm kiếm để tìm báo cáo muốn thêm
- Nhấn ADD ở cuối mỗi tên báo cáo để thêm vào Bảng tin
- Sau khi thêm xong nhấn **SAVE CHANGES** để lưu, nếu không muốn lưu chọn **EXIT WITHOUT SAVING**



(Màn hình minh họa)

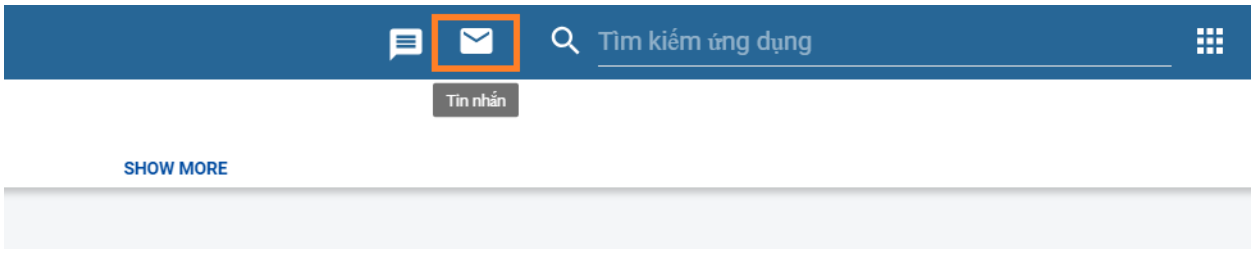
11.1. Chia sẻ bản dịch

Xem trong phần Phân tích trực quan – đồ thị - biểu đồ.

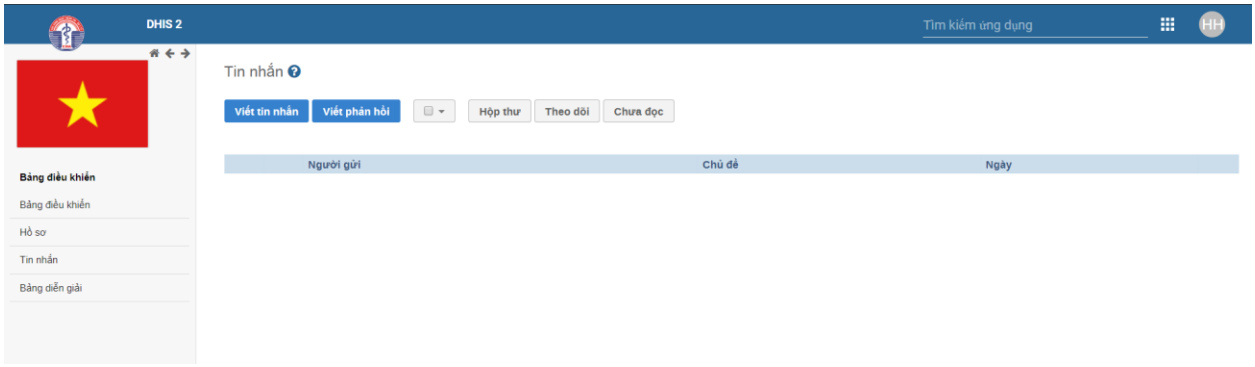
11.2. Đọc thông điệp (tin nhắn) và Viết phản hồi

Trong hệ thống bạn có thể viết một phản hồi đến một người dùng hoặc một nhóm người để chia sẻ thông tin về chất lượng dữ liệu hoặc bất cứ một thông tin gì đó hay là một câu hỏi mà bạn băn khoăn.

Bấm vào biểu tượng hòm thư trên trang chủ

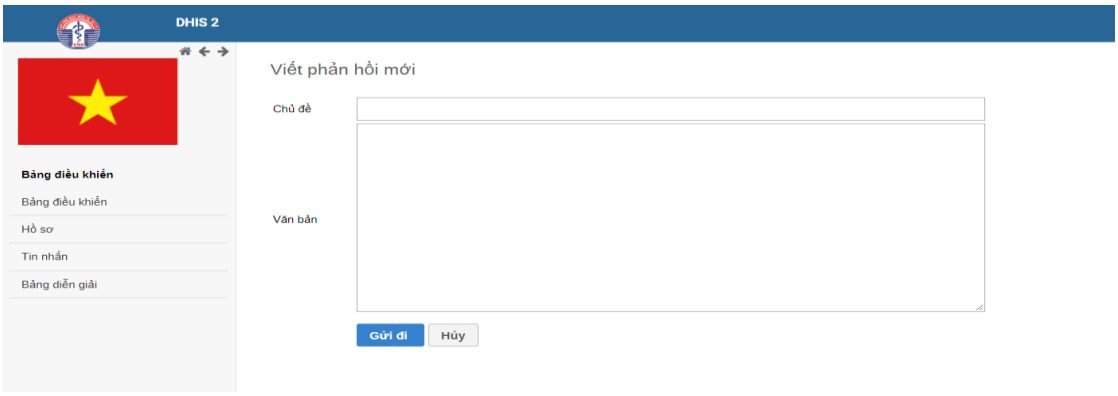


Một cửa sổ mới hiện ra



Phản hồi (Feedback)

Chọn **Viết phản hồi.** Nhập chủ đề vào ô chủ đề, nội dung vào ô **Văn bản** rồi bấm **Gửi đi**, phản hồi của bạn sẽ gửi đến tất cả người dùng được cài đặt nhận phản hồi trong hệ thống.



Tin nhắn (Message)

Chọn **Viết tin nhắn.**

Hệ thống cho phép bạn gửi tin nhắn đến người nhận là Đơn vị (gồm tất cả người dùng thuộc về đơn vị đó) hoặc người dùng/nhóm người dùng riêng biệt. Sau khi chọn nơi nhận tin nhắn (Đơn vị/Người dùng/Nhóm người dùng), nhập Chủ đề và Văn bản (nội dung tin nhắn), nhấn nút **Gửi đi**. Nhấn nút **Hủy** để hủy gửi tin nhắn.

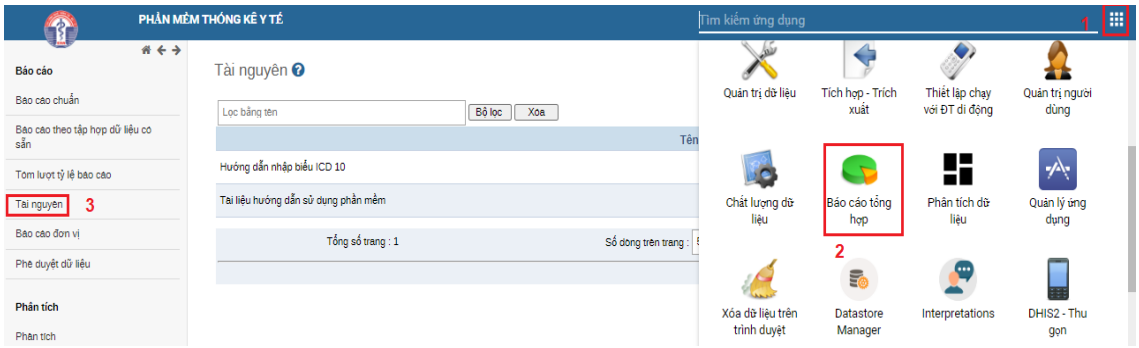
Trả lời tin nhắn

Một danh sách các tin nhắn được hiện ra, những tin nhắn chưa được đọc sẽ được in đậm, bấm vào một tiêu đề tin nhắn để xem toàn bộ nội dung của tin nhắn đó, từ đó có thể trả lời hoặc có thêm tùy chọn cho bạn đánh dấu thành tin chưa đọc, tin quan trọng. Nhập nội dung vào ô trả lời rồi bấm nút **Trả lời.**

12. TÀI NGUYÊN

Phần tài nguyên cho phép người dùng có thể xem và tải về các tài liệu hướng dẫn sử dụng phần mềm.

Để truy cập vào phần **Tài nguyên** bạn bấm chọn biểu tượng  → Chọn **Báo cáo tổng hợp** → Chọn **Tài nguyên**.



Nhấp chuột trái vào tên tài liệu → chọn Xem tài nguyên

